

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
Theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm

Hà Nội, tháng 11/2019

MỤC LỤC

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	ii
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	1
1.Bối cảnh của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP	1
1.1.Bối cảnh của Nhà trường	1
1.2.Bối cảnh tham gia Chương trình ETEP.....	5
2.Mục đích thực hiện đánh giá theo TEIDI	5
3.Quy trình đánh giá theo TEIDI và phương pháp thực hiện	6
3.1.Quy trình tự đánh giá theo TEIDI	6
3.2.Phương pháp thực hiện đánh giá theo TEIDI.....	7
4.Tóm tắt kết quả tự đánh giá	8
PHẦN 2. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	12
1. Tiêu chuẩn 1: TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	12
1.1. Tiêu chí 1: Tầm nhìn chiến lược	12
1.2. Tiêu chí 2: Quản lý	Error! Bookmark not defined.
1.3. Tiêu chí 3. Đảm bảo chất lượng	28
2.Tiêu chuẩn 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	37
2.4. Tiêu chí 4. Phát triển chương trình.....	37
2.5. Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện.....	Error! Bookmark not defined.
3. Tiêu chuẩn 3: NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI...Error! Bookmark not defined.	
3.6.Tiêu chí 6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới Error! Bookmark not defined.	
3.7.Tiêu chí 7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	64
4.Tiêu chuẩn 4: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI.....	70
4.8. Tiêu chí 8. Hợp tác vùng, địa phương	70
4.9. Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế	77
4.10. Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác	84
4.11. Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông	92

5. Tiêu chuẩn 5: MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC VÀ CÁC NGUỒN LỰC.....	100
5.12. Tiêu chí 12: Môi trường sư phạm.....	100
5.13. Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy học ..	Error! Bookmark not defined.
5.14. Tiêu chí 14. Nguồn tài chính	Error! Bookmark not defined.
5.15. Tiêu chí 15. Nguồn nhân lực	Error! Bookmark not defined.
6. Tiêu chuẩn 6: HỖ TRỢ DẠY HỌC.....	Error! Bookmark not defined.
6.16. Tiêu chí 16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	Error! Bookmark not defined.
6.17. Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên ...	Error! Bookmark not defined.
7. Tiêu chuẩn 7: HỖ TRỢ HỌC TẬP.....	146
7.18. Tiêu chí 18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	146
7.19. Tiêu chí 19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập.....	Error! Bookmark not defined.
7.20. Tiêu chí 20. Các hoạt động ngoại khóa	Error! Bookmark not defined.
PHẦN 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ.....	166
PHẦN 4. KẾT LUẬN	169
PHỤ LỤC	170

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
CBQL	Cán bộ quản lý
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐHSPHN	ĐHSPHN
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giảng viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KHGD	Khoa học giáo dục
NCKH	Nghiên cứu khoa học
THCS	Trung học cơ sở
TTVH	Thể thao văn hoá

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1. Bối cảnh của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP

1.1. Bối cảnh của Nhà trường

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) được thành lập ngày 11 tháng 10 năm 1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trải qua 68 năm xây dựng và phát triển, đi cùng với lịch sử hào hùng của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các thế hệ thầy và trò Trường ĐHSPHN đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành và phát triển ngành Sư phạm Việt Nam, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) của đất nước.

Tại Quyết định số 201/1999/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ, Trường ĐHSPHN đã được Chính phủ định hướng xây dựng thành một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia.

Sứ mạng của Trường ĐHSPHN được xác định: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; nghiên cứu khoa học (NCKH) cơ bản, khoa học giáo dục (KHGD) và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế”*.

Trường ĐHSPHN có vai trò nòng cốt cho hệ thống các trường Sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng giảng viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục, phát triển các chương trình đào tạo (CTĐT), biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, cho các bậc học, tư vấn các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục. Trường ĐHSPHN xác định tầm nhìn: *“Đến năm 2030 Trường ĐHSPHN sẽ là trường đại học nghiên cứu có uy tín trong khu vực và trên thế giới. Trường ĐHSPHN là một trong những trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu của quốc gia; là nơi tập trung các chuyên gia, giảng viên trình độ cao; có các chương trình đào tạo liên kết quốc tế có uy tín trên thế giới; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ hoàn hảo”*.

Năm 2019, về cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSPHN có 23 khoa đào tạo (Toán - Tin, Công nghệ Thông tin (CNTT), Vật lý, Hóa học, Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Việt Nam học, Lí luận Chính trị - Giáo dục Công dân, Tâm lí - Giáo

dục, Quản lí Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Triết học, Công tác Xã hội); 02 Bộ môn trực thuộc (Tiếng Nga và Tiếng Trung Quốc); 01 Phân hiệu tại Hà Nam; 02 trường trung học phổ thông (THPT) trực thuộc (Trường THPT Chuyên ĐHSPHN và Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành); 01 trường Tiểu học thực hành (Trường Tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành); 01 trường Mầm non thực hành (Trường Mầm non Búp Sen Xanh); 02 viện nghiên cứu (Viện Nghiên cứu Sư phạm và Viện Khoa học Xã hội); 01 Viện GD&ĐT Quốc tế; hơn 20 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KHCN và KHGD.

Về đội ngũ cán bộ của Trường, tính đến 31/6/2019, toàn Trường có 1143 cán bộ, viên chức, trong đó:

- Về ngạch viên chức: 735 giảng viên (64,3%); 12 nghiên cứu viên (1,05%); 142 chuyên viên (12,4%) ; 52 giáo viên thực hành (4,55%); 72 giáo viên THPT; 03 giáo viên THCS, 01 giáo viên TH, 01 giáo viên MN, 125 cán bộ, viên chức các ngạch khác.

- Về trình độ: 16 giáo sư (1,4%), 159 phó giáo sư (14%), 272 tiến sĩ (23,8%), 495 thạc sĩ (43,3%); 154 cử nhân (13,5%) ; 47 trình độ khác (4%).

- Về chức danh nghề nghiệp: 174 giảng viên cao cấp (15,2%), 89 giảng viên chính (7,8%), 462 giảng viên (40,4%), 52 giáo viên thực hành, 72 giáo viên THPT, 03 giáo viên THCS.

Về CTĐT: Trường ĐHSHN hiện có 43 chương trình đào tạo (CTĐT) Tiến sĩ, 55 CTĐT Thạc sĩ, 45 CTĐT đại học chính quy, 40 CTĐT đại học không chính quy. Các CTĐT đều được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT và Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và có tên trong danh mục đào tạo được cho phép đào tạo tại Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT về danh mục giáo dục và Thông tư số 32/2013/TT-BGDĐT về sửa đổi Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

Bên cạnh đó, CTĐT của Trường cũng liên tục được cập nhật và đổi mới thường xuyên theo chu kỳ. Từ năm 2009 đến 2014, Trường đã hai lần đổi mới CTĐT cử nhân chính quy. Năm 2018 trường đã thực hiện cập nhật đổi mới CTĐT thạc sĩ. Năm 2019, Trường đã tiến hành xây dựng mô hình, chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ở tất cả các ngành, chỉnh sửa 45 chương trình đào tạo đại học (31 CTĐT giáo viên, 07 chương trình đào tạo ngoài Sư phạm, 07 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh). Qui mô tuyển

sinh của Trường hàng năm là khoảng 2.000 SV chính qui tập trung; 1.500 học viên cao học và 150 nghiên cứu sinh. Bên cạnh đó, CTĐT của Trường cũng liên tục được cập nhật và đổi mới thường xuyên theo chu kì. Từ năm 2009 đến 2014, Nhà trường đã hai lần đổi mới toàn bộ CTĐT cử nhân chính quy.

Về hoạt động NCKH: Công tác NCKH tiếp tục là một thế mạnh của Trường. Trong 5 năm qua, Trường luôn nằm trong tốp đầu những trường đại học ở Việt Nam có số công bố quốc tế chất lượng. Trường ĐHSPHN là đơn vị có thế mạnh trong hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2018, cán bộ của Trường đã thực hiện 01 nhiệm vụ nghiên cứu quốc tế, 02 nhiệm vụ nghiên cứu cấp nhà nước thuộc quỹ FIRST, 11 đề tài độc lập, đề tài thuộc chương trình cấp Nhà nước; 106 đề tài NAFOSTED; 155 đề tài/ nhiệm vụ cấp Bộ; 07 nhiệm vụ môi trường; 01 chương trình KHGD cấp Bộ; 04 nhiệm vụ hưởng xuyên theo chức năng của Viện nghiên cứu sư phạm; 08 đề tài Sở KH&CN Hà Nội; 09 nhiệm vụ cấp Trường; 10 đề tài trọng điểm cấp Trường; 400 đề tài cấp Trường; 87 đề tài cấp Trường tự túc kinh phí. Năm 2012, cán bộ của Trường đã được Bằng độc quyền sáng chế đầu tiên về: “Quy trình điều chế chế phẩm màu dùng để trang trí các sản phẩm gốm và chế phẩm màu thu được từ quy trình này”. Một giải pháp hữu ích của cán bộ Trường cũng đã được đăng ký vào tháng 02 năm 2016. Giai đoạn 2015 - 2018, cán bộ, GV của Trường công bố 4.196 bài báo trên tạp chí và hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Trong giai đoạn này, cán bộ giảng viên của Trường đã công bố 1.043 bài báo trên tạp chí khoa học và hội thảo quốc tế (trong đó có 465 bài báo quốc tế có chỉ số) và 2155 bài báo trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước. Riêng năm 2017 toàn trường đã có 126 bài và năm 2018 là 130 bài báo quốc tế được công bố thuộc danh mục ISI và SCORPUS.

Trường ĐHSPHN có quan hệ hợp tác quốc tế (HTQT) với hơn 150 cơ sở giáo dục thuộc hơn 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của các nước như: Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Pháp, Đức, Trung Quốc, Bỉ, Australia, Canada, Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Thụy Điển, Hà Lan.... Trường đã tham gia tổ chức tốt nhiều hoạt động quốc tế lớn như: Olympic Vật lí quốc tế lần thứ 39 (2008); Olympic Hoá học quốc tế lần thứ 46 (2014); Đại hội Thể dục Thể thao SV Đông Nam Á lần thứ 13.... Đặc biệt, năm 2016, Trường là đơn vị đăng cai tổ chức toàn bộ kì thi Olympic Sinh học quốc tế lần thứ 27 tại Việt Nam. Năm học 2017 - 2018, Trường đã tổ chức 11 hội thảo quốc tế về các lĩnh vực như Tâm lí giáo dục, Công tác xã hội,

Tiếng Anh, Giáo dục đặc biệt, Vật lí, địa lí, Hóa, Lịch sử, CNTT, Toán, NXB... là cơ hội để cán bộ, giảng viên có thể trao đổi, học hỏi, giao lưu, hợp tác với các nhà khoa học trên thế giới.

Về cơ sở vật chất (CSV): Trường ĐHSPHN được Chính phủ qui hoạch vị trí xây dựng và trụ sở tại địa chỉ hiện nay số 136 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Thủ tướng Chính phủ cấp đất xây dựng cho trường theo Quyết định số 187/TTg ngày 7/6/1980, có diện tích 27ha (272.650m²). Trải qua quá trình sát nhập rồi lại tách khỏi ĐHQG Hà Nội đến nay Trường ĐHSPHN quản lí và sử dụng diện tích đất: 119.869 m². Với khuôn viên hiện có, được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, về cơ bản, hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường chuyên, trường thực hành, kí túc xá (KTX), các phương tiện kĩ thuật của Trường có thể đáp ứng được yêu cầu đào tạo trước mắt. Mặc dù còn nhiều khó khăn, Nhà trường cũng đã có những quan tâm đầu tư thích đáng đối với CSV. Trường là một trong số ít các đơn vị sớm có quan tâm lập qui hoạch đất đai, hiện trạng tổng thể tạo cơ sở quan trọng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản trong nhiều năm tiếp theo. Trường có hệ thống nhà luyện tập và thi đấu thể thao đa năng, sân vận động đạt chuẩn. 100% hệ thống giảng đường, phòng học của Trường đã trang bị được máy chiếu đa năng.

Về công tác tài chính: Trường ĐHSPHN là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên; được tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ (trước đây là Nghị định 43/2006/NĐ-CP). Trường là đơn vị dự toán cấp II trực thuộc Bộ GD&ĐT. Trực thuộc Trường gồm có các đơn vị thanh toán và các đơn vị tự hạch toán nội bộ. Trong phạm vi nguồn tài chính của đơn vị, Nhà trường chủ động xây dựng tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu nội bộ về các khoản chi tiêu trên cơ sở các qui định của Nhà nước và phù hợp với đặc thù của đơn vị. Đây là cơ sở pháp lí để Nhà trường điều hành việc sử dụng kinh phí theo tinh thần công khai, dân chủ, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển trường đại học sư phạm trọng điểm đầu ngành của cả nước.

Với những thành tích nổi bật về mọi mặt, Trường ĐHSPHN đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba (1961); Huân chương Lao động hạng Nhì (1962); Huân chương kháng chiến

chống Mỹ, cứu nước (1972); Huân chương Lao động hạng Nhất (1981); Huân chương Độc lập hạng Nhì (1986); Huân chương Độc lập hạng Nhất (1996); Huân chương Hồ Chí Minh (2001, lần thứ nhất); Danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động thời kì đổi mới (2004); Huân chương Hồ Chí Minh (2011, lần thứ hai); Huân chương Độc lập hạng Nhất (2016, lần thứ hai). Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và đào tạo (2018).

1.2. Bối cảnh tham gia Chương trình ETEP

Hiện nay, Trường ĐHSPTH là trường đầu ngành của cả nước trong hệ thống các trường đào tạo giáo viên (cả nước có 14 trường đại học sư phạm, 33 trường cao đẳng sư phạm và 33 khoa sư phạm trong các trường đại học khác). Với vị trí và vai trò hiện tại, Trường ĐHSPTH xác định trách nhiệm tiên phong trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, định hướng và phối hợp với các trường ĐHSPTH trong cả nước xây dựng chiến lược phát triển giáo dục quốc gia, tư vấn quy hoạch hệ thống các trường sư phạm, tham gia xây dựng chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, biên soạn sách giáo khoa cho các chương trình.

Là một thành viên của Chương trình ETEP, Trường ĐHSPTH, dưới sự chỉ đạo của Ban quản lý (BQL) ETEP Trung ương, sẽ đồng hành cùng với các trường thành viên thụ hưởng ETEP để tích cực tham gia, đề xuất nội dung, xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu tổng thể của ETEP trong thời gian sớm nhất. Hơn nữa, với vai trò là đơn vị đầu tàu, Trường ĐHSPTH sẽ đảm nhận nhiệm vụ được Bộ trưởng và BQL ETEP Trung ương tin tưởng giao phó, là đầu mối xây dựng các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, xây dựng tiêu chuẩn và quy trình lựa chọn giảng viên sư phạm chủ chốt cho Chương trình ETEP và cho Bộ GD&ĐT.

2. Mục đích thực hiện đánh giá theo TEIDI

Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (Teacher Education Institution Development Index - TEIDI) là công cụ để đo lường hiệu quả của các trường ĐHSPTH trong việc cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý chất lượng cao. Trường ĐHSPTH sử dụng Công cụ này để đánh giá chất lượng và hiệu quả thể chế của Trường một cách toàn diện. Kết quả tự đánh giá theo tiêu chuẩn TEIDI sẽ cho biết thực trạng năng lực của trường theo tiêu chuẩn và tiêu chí của công cụ. Kết quả tự đánh giá là cơ sở quan trọng để Trường xây dựng kế hoạch phát triển,

tăng cường năng lực của Trường theo lộ trình ngắn hạn, trung hạn và dài hạn một cách hợp lý nhất.

3. Quy trình đánh giá theo TEIDI và phương pháp thực hiện

3.1. Quy trình tự đánh giá theo TEIDI

Các bước thực hiện đánh giá theo bộ chỉ số TEIDI 2017: (1) Tự đánh giá của từng trường; (2) Đánh giá đồng cấp; (3) Ban quản lý ETEP đánh giá và rà soát theo Bộ chỉ số TEIDI 2019.

Quy trình tự đánh giá của Trường ĐHSPhN bao gồm các bước cụ thể như trong bảng sau:

STT	Các hoạt động	Kết quả
Bước 1	Thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch hoạt động và phân công công việc cho các nhóm.	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá, chức năng nhiệm vụ của hội đồng; - Quyết định xây dựng kế hoạch hoạt động và phân công các nhóm.
Bước 2	Triển khai kế hoạch, nội dung làm việc nhóm, phân công thành viên phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí.	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp hội đồng, phân công nhiệm vụ, nội dung làm việc cho các trường nhóm và các thành viên. - Kế hoạch tự đánh giá đã được Hội đồng tự đánh giá thông qua.
Bước 3	Các nhóm nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công, các văn bản hướng dẫn tự đánh giá, xây dựng Phiếu yêu cầu phân tích chỉ số, thu thập minh chứng, có liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất cách hiểu các tiêu chí, chỉ số và cách làm. - Phiếu yêu cầu phân tích chỉ số, thu thập thông tin và minh chứng có liên quan.
Bước 4	Thảo luận nhóm, thống nhất nội dung Phiếu yêu cầu phân tích chỉ số, thu thập thông tin và minh chứng có liên quan	Phiếu yêu cầu phân tích chỉ số, thu thập thông tin, minh chứng.
Bước 5	Thu thập thông tin, tài liệu minh chứng theo Phiếu yêu cầu phân tích chỉ số, tìm thông tin, minh chứng.	Tài liệu minh chứng theo Phiếu Yêu cầu phân tích chỉ số, tìm thông tin, minh chứng.

Bước 6	Nghiên cứu, phân tích, xem xét sự phù hợp của minh chứng và mã hóa thông tin, tài liệu minh chứng.	Tài liệu, minh chứng đã được mã hoá
Bước 7	Đánh giá năng lực theo tiêu chí được phân công và viết dự thảo báo cáo đánh giá tiêu chí	Dự thảo báo cáo đánh giá tiêu chí
Bước 8	Nhóm công tác trao đổi, thảo luận, góp ý kiến Dự thảo báo cáo đánh giá tiêu chí của mỗi thành viên.	Biên bản họp góp ý Dự thảo báo cáo đánh giá tiêu chí
Bước 9	Chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tiêu chí.	Báo cáo đánh giá tiêu chí đã được chỉnh sửa, bổ sung.
Bước 10	Thư ký nhóm tổng hợp các báo cáo đánh giá tiêu chí và viết Dự thảo Báo cáo tiêu chuẩn.	Dự thảo báo cáo tiêu chuẩn
Bước 11	Nhóm công tác trao đổi, thảo luận, góp ý kiến Dự thảo Báo cáo tiêu chuẩn.	Biên bản họp góp ý Dự thảo Báo cáo đánh giá tiêu chuẩn
Bước 12	Trưởng nhóm hoàn thiện Báo cáo tiêu chuẩn và Danh mục và mã minh chứng cho thư ký Hội đồng tự đánh giá.	Báo cáo tiêu chuẩn và Danh mục và mã minh chứng
Bước 13	Thư ký Hội đồng tự đánh giá tổng hợp Dự thảo báo cáo tự đánh giá và báo cáo tóm tắt.	Dự thảo báo cáo tự đánh giá và báo cáo tóm tắt (bản 1)
Bước 14	Họp Hội đồng tự đánh giá góp ý Dự thảo báo cáo tự đánh giá và Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.	Biên bản họp góp ý Dự thảo báo cáo tự đánh giá và Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.
Bước 15	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá và Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.	Dự thảo báo cáo tự đánh giá và báo cáo tóm tắt. (bản 2)

3.2. Phương pháp thực hiện đánh giá theo TEIDI

Trường ĐHSPHN tổ chức tự đánh giá theo TEIDI với phương pháp chuẩn của công cụ. Cụ thể:

Hiệu trưởng Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá (Quyết định số: 6166/QĐ-ĐHSPHN). Hội đồng này có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, thực hiện và giám

sát quá trình tự đánh giá của Trường theo đúng kế hoạch; đảm bảo chất lượng của báo cáo và hệ thống minh chứng kèm theo.

Quá trình mô tả, đánh giá các chỉ số, tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn theo TEIDI đã được các nhóm chuyên trách của Trường đánh giá kết hợp giữa định tính và định lượng theo thang điểm 7 mức.

Mỗi chỉ số, tiêu chí và tiêu chuẩn đều được đánh giá định tính theo Chu trình PDCA (Plan - Do - Check - Act) (Deming, 1950). Việc đánh giá định lượng được xác định theo tỷ lệ phần trăm những nội dung đạt được theo các mức PDCA so với tổng thể các nội dung có trong chỉ số, tiêu chí.

Bản Báo cáo tự đánh giá này được tổng hợp từ các đánh giá tiêu chí và báo cáo tiêu chuẩn.

4. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

Về tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng: Trường ĐHSPHN đã có kế hoạch và tổ chức xây dựng, công bố sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường cũng được quan tâm điều chỉnh theo từng giai đoạn. Trong thời gian tới, công tác đánh giá về hiệu quả tuyên truyền và triển khai sứ mạng, tầm nhìn cần được tiến hành bài bản hơn nữa; việc huy động các bên liên quan tham gia vào quá trình xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược cũng cần được thực hiện. Trường ĐHSPHN đã có hệ thống các văn bản quản lý giúp thực hiện được sứ mạng, kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường cũng như đảm bảo phát huy được năng lực của cán bộ. Đội ngũ cán bộ của Trường phù hợp với nhu cầu hiện nay và thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định cũng như trách nhiệm giải trình. Tuy nhiên, thời gian tới Trường cần đẩy mạnh việc kết nối với các bên liên quan để đổi mới mô hình quản lý, nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ. Nhà trường đã quan tâm, xây dựng đội ngũ và tổ chức nghiêm túc công tác đảm bảo chất lượng giáo dục (cả công tác đảm bảo bên trong và bên ngoài). Nhà trường đã tập trung xây dựng hệ thống thông tin để hỗ trợ quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo và phục vụ cũng được Nhà trường triển khai thu thập định kỳ. Tuy nhiên, để công tác đảm bảo chất lượng của Trường được tốt hơn nữa, Nhà trường cần đẩy mạnh xây dựng mạng lưới trợ lý đảm bảo chất lượng trong toàn Trường; xây dựng hệ thống thông tin quản lý có tính tích hợp cao hơn nữa nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết

định; đồng thời đẩy mạnh việc thu nhận thông tin phản hồi từ đa dạng các đối tượng liên quan hơn.

Phát triển CTĐT là một trong những mối quan tâm của Trường nhằm hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Các CTĐT cho tất cả các ngành và hệ đào tạo của Trường đều được xây dựng có hệ thống và theo các văn bản quy định hiện hành cho các khối ngành của Bộ GD&ĐT ban hành. Các chương trình đảm bảo khối lượng kiến thức bắt buộc, vừa linh hoạt, vừa đảm bảo cho quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong từng giai đoạn, Nhà trường đã có cập nhật bổ sung CTĐT, từng bước nâng cao và phù hợp với yêu cầu phát triển ngành nghề của xã hội. Chương trình đào tạo các ngành đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, thiết kế theo hướng liên thông giữa các bậc học, giữa các phương thức đào tạo và giữa các trường đại học. Bên cạnh đó, CTĐT liên thông ngày càng được củng cố và mở rộng theo hướng đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người học và xã hội. Trong thời gian tới, Trường tiếp tục tham khảo các CTĐT tiên tiến, thường xuyên khảo sát ý kiến của người học và các cơ sở tuyển dụng, từng bước cải tiến CTĐT đang có hiện nay.

Trong những năm qua về hoạt động KHCN Trường đã phát huy thế mạnh truyền thống và thúc đẩy toàn diện các mặt hoạt động. Trường đã chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu cho từng năm, cho từng giai đoạn, khai thác tối đa tiềm năng khoa học, hợp tác NCKH đặc biệt là KHGD với các Trường, viện, các trung tâm NCKH trong và ngoài nước. Việc hình thành các nhóm nghiên cứu có chất lượng cũng như các hướng NCKH được mở rộng, việc hợp tác NCKH được chú trọng, tài chính cho NCKH được tăng lên. Các sản phẩm NCKH đã tạo nguồn lực, góp phần đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo ở các bậc đào tạo ở đại học và phổ thông, phục vụ cho đời sống xã hội. Tuy nhiên, hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học giáo dục của nhà trường còn hạn chế và chưa có nhiều công trình phổ biến trong phạm vi khu vực và quốc tế.

Trường có mối quan hệ hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức, các cơ sở giáo dục và đào tạo trong và ngoài nước. Trường đã phối hợp với nhiều địa phương để tổ chức các khoá đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên và bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông. Trường phối hợp với các tổ chức, các trường đại học trong nước, trong khu vực và quốc tế, thực hiện nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục, tổ chức nhiều hội thảo, hội

ngệ cấp quốc gia và quốc tế. Trường đã ký được một số văn bản hợp tác, ghi nhớ với các đối tác nước ngoài để triển khai các hoạt động hợp tác, nghiên cứu, trao đổi giảng viên, sinh viên... tổ chức các hội thảo liên kết đào tạo. Nhà trường đã ban hành cụ thể để đảm bảo việc xuất bản các giáo trình, tài liệu được thực hiện theo đúng các quy định về Luật bản quyền và sở hữu trí tuệ. Tạp chí Khoa học và Giáo dục (có cả các số xuất bản bằng Tiếng Anh) của Nhà trường được đánh giá cao và được tính điểm công trình khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và người học công bố kết quả nghiên cứu khoa học. Trong những năm tới, Nhà trường tập trung xây dựng hệ thống các chương trình bồi dưỡng, đào tạo lại giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Trường chủ động hơn trong việc mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các địa phương, các cơ sở giáo dục và đào tạo trong và ngoài nước, tận dụng tốt các cơ hội do hợp tác mang lại, đẩy nhanh quá trình hội nhập nhằm nâng cao vị thế của Nhà trường ở trong nước và quốc tế.

Nhà trường đảm bảo các điều kiện về cảnh quan môi trường sư phạm và các nguồn lực phục vụ cho công tác dạy và học cũng như nghiên cứu khoa học trong điều kiện hiện nay. Cơ sở vật chất của nhà trường được trang bị đầy đủ, tương đối hiện đại. Nguồn tài chính được huy động và sử dụng hợp lý hiệu quả. Nguồn nhân lực chất lượng cao được đặc biệt chú trọng phát triển. Tuy nhiên trong thời gian tới nhà trường cần nâng cấp một số thiết bị và công trình không đảm bảo chất lượng, nâng cấp cơ sở hạ tầng về CNTT một cách bài bản, có hệ thống hơn để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo trong bối cảnh mới. Bên cạnh đó nguồn thu tuy đa dạng nhưng quy mô còn nhỏ, tính bền vững không cao, liên tục biến động nhất là nguồn thu từ hoạt động KH-CN và hợp tác quốc tế còn hạn chế. Công tác quy hoạch cán bộ quản lý đã được chú trọng hơn song việc thực hiện còn thụ động, việc bồi dưỡng, phát triển sau quy hoạch chưa có tính riêng biệt cho các chức danh cụ thể. Đó là những vấn đề nhà trường cần chú trọng đưa ra giải pháp cải thiện trong thời gian tới.

Nhà trường coi trọng công tác hỗ trợ dạy học cho giảng viên, coi đầu tư và tạo điều kiện cho đội ngũ là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững của Nhà trường. Nhiều hoạt động liên quan đến hỗ trợ dạy học được lên kế hoạch chi tiết, bước đầu công tác thực hiện đã đi vào quy củ, nề nếp; một số hoạt động đã tạo nên thương hiệu và dấu ấn riêng cho Nhà trường. Nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong kiểm tra đánh giá để kịp thời điều chỉnh làm cho các hoạt động, chính sách của Trường hiệu quả, phù hợp với nguyện

vọng và mong muốn của giảng viên. Qua đó, hiệu quả công tác giảng dạy được nâng cao. Tuy nhiên, việc xây dựng một số kế hoạch hành động nhằm bồi dưỡng và cung cấp cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên còn thiếu quá trình khảo sát, thăm dò ý kiến của giảng viên nên tính phù hợp và hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, vẫn còn một số hoạt động liên quan đến công tác hỗ trợ hoạt động dạy học của giảng viên: Bồi dưỡng đổi mới phương pháp, khen thưởng và hỗ trợ để khuyến khích giảng dạy chưa được tiến hành thường xuyên. Việc đánh giá các hoạt động sau khi thực hiện chưa thực sự được coi trọng nên dẫn đến thiếu một số điều chỉnh kịp thời.

Hoạt động hỗ trợ học tập được lập kế hoạch cụ thể hàng năm và đi vào nề nếp tạo cơ sở cho chất lượng học tập của người học được đảm bảo. Các hoạt động hỗ trợ học tập đa dạng, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý người học. Các hoạt động đã có sự phối hợp đa dạng giữa các bộ phận khác nhau trong trường, đảm bảo công tác hỗ trợ diễn ra thông suốt. Cơ sở vật chất của nhà trường được trang bị tương đối hiện đại, đầy đủ, phục vụ tốt nhất cho hoạt động của người học. Bước đầu việc đánh giá nhu cầu người học đã được tiến hành. Người học trở thành trung tâm và có tiếng nói nhất định đối với việc hoạch định chính sách, chiến lược phát triển Nhà trường. Bên cạnh đó, một số vấn đề tồn tại liên quan đến hỗ trợ hoạt động học tập cũng được đặt ra bao gồm: Hệ thống thông tin hỗ trợ đăng ký tín chỉ chưa được cập nhật và nâng cấp cho hiện đại hơn và phục vụ việc đăng ký thuận lợi hơn cho người học; Việc lập và triển khai một số kế hoạch chưa dựa trên cơ sở khảo sát nhu cầu của cộng đồng, phụ huynh và người sử dụng lao động; Kết quả đánh giá về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp chưa được công khai rộng rãi; Nhà trường chưa tạo được sự gắn kết mạnh mẽ giữa Nhà trường và cựu học sinh, sinh viên, giáo chức. Đó là những điểm mà Nhà trường cần khắc phục trong thời gian tới.

PHẦN 2. TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1: TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.1. Tiêu chí 1: Tâm nhìn chiến lược

a. Mô tả

1.1.1. Tâm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường.

Tâm nhìn và sứ mạng, kế hoạch, chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN (ĐHSPHN) được tuyên bố, ban hành chính thức trong các văn bản như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSPHN; Chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030; “Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030”; Nhà trường đã xác định sứ mạng của mình là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế” [H1.01.01.01; H1.01.01.02].

Sứ mạng, tầm nhìn của Trường được công bố lần đầu tiên là năm 2005 [H1.01.01.03]. Cho đến nay, Nhà trường đã nhiều lần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn tương ứng với những yêu cầu mới, nhiệm vụ mới của ngành, của đất nước cũng như nội lực của đơn vị và thường gắn với mốc chuẩn bị kỷ niệm thành lập Trường năm 2011, 2016 (kỷ niệm 60 năm và kỷ niệm 65 năm) [H1.01.01.04; H1.01.01.05]. Hướng tới 70 năm thành lập Trường, năm 2018, Trường đã tổ chức Hội nghị cán bộ cốt cán họp rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường [H1.01.01.06; H1.01.01.07]. Theo đó, dự thảo sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường được xác định là: **Sứ mạng:** “Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao”. **Tâm nhìn:** “Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế”. **Giá trị cốt lõi:** “Chuẩn mực – Sáng tạo – Tiên phong” [H1.01.01.07].

Trường ĐHSPHN qua mỗi thời kì đều xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp và kèm theo đó là những điều chỉnh, cập nhật về mục tiêu gắn với tầm nhìn chiến lược của mình. Cụ thể, năm 2005, Nhà trường đã xây dựng và được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt “Đề án qui hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015” [H1.01.01.03]. Năm 2011, Nhà trường đã ban hành “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030” [H1.01.01.02]. Đến tháng 02 năm 2016, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Nhà trường tiếp tục được cập nhật và chỉnh sửa tại “Báo cáo thực trạng và định hướng qui hoạch phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030” trình Bộ GD&ĐT [H1.01.01.08]. Cụ thể, tầm nhìn của Trường là: *“Đến năm 2030 Trường ĐHSPHN sẽ là trường đại học nghiên cứu có uy tín trong khu vực và trên thế giới. Trường ĐHSPHN là một trong những trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu của quốc gia; là nơi tập trung các chuyên gia, giảng viên trình độ cao; có các chương trình đào tạo liên kết quốc tế có uy tín trên thế giới; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ hoàn hảo”*. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã tổ chức rà soát, điều chỉnh và hoàn thành Dự thảo sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường [H1.01.01.07].

Theo đó, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường luôn bám sát sứ mạng đã đề ra. Tầm nhìn của Trường ĐHSPHN được xác định đã cho thấy sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của mình. Cụ thể, chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 nêu rõ chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường là đào tạo đội ngũ giáo viên chất lượng cao, các bậc đại học và sau đại học đáp ứng yêu cầu giáo dục và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, đóng vai trò là trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia. Tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường được xác định cũng phù hợp với các nguồn lực của đơn vị. Định hướng phát triển của Trường đặc biệt nhấn mạnh đến việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và toàn xã hội, đúng với sứ mạng mà Nhà trường đã tuyên bố. Nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong giai đoạn hiện nay. Định hướng phát triển của Trường đặc biệt nhấn mạnh đến việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài cho hệ

thông giáo dục quốc dân và toàn xã hội, đúng với sứ mạng mà Nhà trường đã tuyên bố.

Việc rà soát, đánh giá kế hoạch ngắn hạn được Nhà trường thực hiện nghiêm túc. Nhà trường tổ chức định kỳ giao ban hàng tháng để tổng kết và triển khai nhiệm vụ thường xuyên; Định kỳ hàng năm, BGH phối hợp với Công đoàn Trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động nhằm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và chỉ tiêu phát triển trong từng năm học. Việc này thường được thực hiện qua quá trình báo cáo các cơ quan chủ quản về các hoạt động đào tạo, NCKH, qui hoạch cán bộ chuyên môn, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ. Hội đồng Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 2070/QĐ-BGDĐT ngày 01/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có vai trò quan trọng đối với các vấn đề mang tính chiến lược liên quan đến các hoạt động và sự phát triển của Trường [H1.01.01.09; H1.01.01.10; H1.01.01.11].

1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường.

Tầm nhìn và sứ mạng, kế hoạch, chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN (ĐHSPHN) được tuyên bố, ban hành chính thức trong các văn bản như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSPHN; “Đề án qui hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015” [H1.01.02.01]; Chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030; “Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030”; “Quyết định công bố Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi của Trường ĐHSPHN và được đăng tải công khai trên website của Trường, trên bảng tin tại tòa nhà Hiệu bộ, giảng đường K1 và Kí túc xá sinh viên, thư viện, sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên và trong sổ tay sinh viên hàng năm, trong các tài liệu quảng bá tuyển sinh,... [H1.01.01.01; H1.01.01.02; H1.01.01.05; H1.01.01.08; H1.01.02.02].

Việc triển khai sứ mạng, tầm nhìn vào các hoạt động của Trường đã được quan tâm, tổ chức. Cụ thể, với chiến lược phát triển Nhà trường qua từng thời kỳ, sứ mạng và tầm nhìn của Trường đã trở thành kim chỉ nam cho các mục tiêu phát triển cụ thể và từ đó có tác động trực tiếp đến định hướng đầu tư từ cơ sở vật chất đến con người. Ví dụ, trong “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030” và “Báo cáo thực trạng và định hướng qui hoạch phát triển Trường

ĐHSPHN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030”, ứng với mỗi giải pháp thực hiện kế hoạch, Nhà trường đều xác định rõ giai đoạn (năm) thực hiện, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chỉ số, chỉ báo đánh giá thực hiện của từng giải pháp đều được nêu cụ thể trong kế hoạch chiến lược [H1.01.01.08; H1.01.02.03].

Việc rà soát, đánh giá việc quảng bá và triển khai sứ mạng, tầm nhìn được Nhà trường thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, Trường tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt; Hội nghị Tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học mới; Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động nhằm rà soát, đánh giá tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu phát triển trong năm học và xây dựng, điều chỉnh định hướng chiến lược phát triển [H1.01.02.04; H1.01.02.05; H1.01.02.06; H1.01.02.07; H1.01.02.08]. Hội đồng Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 2070/QĐ-BGDĐT ngày 01/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có vai trò quan trọng đối với các vấn đề mang tính chiến lược liên quan đến các hoạt động và sự phát triển của Trường [H1.01.02.09].

b. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã có kế hoạch và triển khai xây dựng, tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển Nhà trường.

- Tầm nhìn của Trường ĐHSPHN có nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong giai đoạn hiện nay

- Tầm nhìn của Trường ĐHSPHN được tuyên bố chính thức, rõ ràng trong các văn bản và đăng tải công khai trên website của Trường

c. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có biện pháp hợp lý nhằm đánh giá được hiệu quả của việc tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn của mình.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại: Nhà trường chưa có biện pháp hợp lý nhằm đánh giá được hiệu quả của việc	Xây dựng quy trình, biện pháp, công cụ đo lường hiệu	Trung tâm ĐBCL đề xuất quy trình, biện pháp, công cụ	2019	2020

	tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn của mình.	quả, tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.	đo lường hiệu quả tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn. Phòng CTCT-HSSV tổ chức triển khai.		
2	Phát huy điểm mạnh: Sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSPHN được tuyên bố chính thức, rõ ràng trong nhiều văn bản và trên website của Trường.	Đa dạng hóa các hình thức công bố, tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường đến các đối tượng liên quan như nhà tuyển dụng, người học.	Phòng CTCT-HSSV là đầu mối tổ chức	2019	2020
3	Phát huy điểm mạnh: Kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường đã được quan tâm xây dựng theo từng giai đoạn. Tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với sứ mạng đã đề ra.	Tập trung xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường trong giai đoạn mới.	Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu chỉ đạo Hội đồng biên soạn sứ mạng, tầm nhìn triển khai. Hội đồng biên soạn kế hoạch chiến lược triển khai.	2019	2020
4	Phát huy điểm mạnh: Tầm nhìn của Trường ĐHSPHN có nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội và của cả nước trong giai đoạn hiện nay	Định kỳ rà soát sự phù hợp của tầm nhìn với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và của cả nước cũng như với định hướng và nguồn lực của Trường	Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu chỉ đạo Hội đồng biên soạn sứ mạng, tầm nhìn triển khai.	2019	2021

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 1	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.1.1					5		
Chỉ số 1.1.2				4			
Điểm TB tiêu chí	4.5						

1.2 Tiêu chí 2: Quản lý

a. Mô tả

1.2.1 Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 đã được ban hành từ năm 2011 [H1.01.01.02]. Theo thực tế vận hành, phát triển đến năm 2016, Trường thành lập Ban soạn thảo "Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi" của Trường [H1.01.01.04] và sau đó công bố "Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi" của Trường ĐHSPHN vào tháng 11/2016 [H1.01.01.05]. Đến năm 2018, "Sứ mạng", "Tầm nhìn" và kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2017 - 2025 của đã được điều chỉnh, dự thảo trong thỏa thuận thực hiện - PA [H1.01.01.07]

Có nhiều chính sách, qui định, qui chế đã được Nhà trường ban hành nhằm thực hiện sứ mạng và triển khai chiến lược phát triển phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ Trường đại học và Luật giáo dục đại học [H1.02.01.01]. Như: Qui chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHSPHN [H1.02.01.02; H1.02.01.03]; Qui định chức năng nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của BGH và các đơn vị trực thuộc [H1.02.01.04]; Qui định hoạt động Khoa học và Công nghệ [H1.02.01.05]; Qui chế đào tạo theo học chế tín chỉ [H1.02.01.06]; Qui chế Thực tập sư phạm [H1.02.01.07]; Qui định bổ nhiệm, miễn nhiệm [H1.02.01.08]; Qui định quản lý hoạt động các trung tâm [H1.02.01.09]; Qui định sử dụng tài sản Nhà nước [H1.02.01.10]; Qui chế chi tiêu nội bộ [H1.02.01.11]; Qui chế tuyển dụng viên chức [H1.02.01.12]; Qui định về tuyển dụng đặc cách [H1.02.01.13]; Qui định tiếp nhận cán bộ từ các đơn vị khác chuyển về [H1.02.01.14];

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả các chính sách, qui định, qui chế đã đề ra và thực hiện đúng kế hoạch chiến lược, có nhiều "công cụ" cũng được xây dựng, ban hành nhằm điều chỉnh, đánh giá mọi mặt hoạt động của cán bộ, viên chức, người lao động

cũng như hoạt động của Nhà trường. Đề án vị trí việc làm [H1.02.01.15]; Qui chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSPTN [H1.02.01.16]; Qui định chế độ làm việc, đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động [H1.02.01.17]; Qui định về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và khảo thí [H1.02.01.18]; Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPTN [H1.02.01.19]; Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giáo viên thực hành của Trường ĐHSPTN [H1.02.01.20]; Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPTN [H1.02.01.21].

Cùng với các qui định, qui chế nhằm đảm bảo hoạt động của Nhà trường hiệu quả, đáp ứng được kế hoạch chiến lược thì nhân tố con người cũng được Nhà trường đề cao và coi đây là nhân tố quyết định. Nhà trường có các chính sách khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực như: hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng qui định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H1.02.01.11]; Báo cáo và Kế hoạch Đào tạo, Bồi dưỡng viên chức trong nước các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 [H1.02.01.22]. Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện từ đơn vị, đáp ứng đúng nhu cầu của đơn vị sử dụng, tránh lãng phí [H1.02.01.22]. Ngoài ra, Nhà trường đã tiến hành thường xuyên việc rà soát văn bằng, chứng chỉ cũng như kết quả học tập, nghiên cứu của viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng [H1.02.01.22]. Đến 03/2019, Nhà trường ban hành Qui định về việc đền bù chi phí đào tạo đối với cán bộ, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H1.02.01.22].

Trường đã thành lập “Quỹ hỗ trợ khen thưởng KHCVN” [H1.02.01.23]. Trên cơ sở quỹ này, hằng năm, Trường đều tổ chức xét các công trình NCKH của tập thể, cán bộ, GV và trao giải cho các công trình có chất lượng khoa học tốt. Trường cũng qui định CBQL, GV có bài báo hoặc đề tài khoa học đăng trên các tạp chí nước ngoài có chỉ số ISI, SCI, SCIE, SCOPUS..., thì được hỗ trợ trung bình 1,5 triệu đồng/bài [H1.02.01.05]. Từ thực tiễn, Quy chế KHCVN và Quy chế chi tiêu nội bộ đã điều chỉnh mức hỗ trợ đăng bài báo khoa học quốc tế, khuyến khích bài báo khoa học xã hội và nhân văn bằng cách ưu tiên tính giờ cao gấp 2 lần bài quốc tế của khoa học tự nhiên và kỹ thuật [H1.02.01.23]. Kết quả, từ 2014 đến nay, cán bộ của Trường đã công bố được 54 bài báo khoa học KHGD đăng tạp chí Quốc tế [H1.02.01.23].

Hàng năm, theo qui định của công tác quản lý và nhiệm vụ năm học, các hoạt động báo cáo, tổng kết được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Qua đó, góp phần thực hiện rà soát, đưa ra cái nhìn tổng quan về thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược. Ví dụ: Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới tại hội nghị Đại biểu cán bộ - viên chức các năm học [H1.01.02.04]; Về tổng kết phong trào thi đua khen thưởng và phương hướng [H1.01.01.06]; Báo cáo về kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác [H1.01.02.07]; Báo cáo tự đánh giá trường năm 2016 [H1.02.01.24]. Qui chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, hoàn thiện qua các năm 2011, 2012, 2013, 2014 và gần đây nhất là năm 2017 [H1.02.01.11]. Năm 2019, Qui định về công tác văn thư lưu trữ được ban hành mới, thay thế qui định không còn phù hợp [H1.02.01.25]. Cũng trong năm 2019, khi các văn bản hướng dẫn có yêu cầu thay đổi, Nhà trường cũng ban hành mới Quy định Công tác Thi đua, khen thưởng [H1.02.01.26]. Qui chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý cũng được rà soát, điều chỉnh, ban hành mới qua các năm 2017, 2018 [H1.02.01.08]. Sửa đổi, bổ sung Qui định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường ĐHSPTHN [H1.02.01.19].

Từ đó, trình độ, năng lực đội ngũ của Trường được nâng cao và phát huy. Chất lượng đội ngũ của Nhà trường được ngành và xã hội thừa nhận, đánh giá cao, có uy tín trong và ngoài nước. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường hiện được đánh giá có chất lượng cao, hài hòa về cơ cấu, đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường.

1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.

Trong suốt lịch sử hình thành và phát triển của Nhà trường, cơ cấu tổ chức luôn được qui định, sắp xếp phù hợp, khoa học. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được qui định cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tránh chồng chéo, tránh hình thức, lãng phí các nguồn lực. Cụ thể, năm 2016, Nhà trường tiếp tục ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Ban Giám hiệu và các đơn vị. Đến năm 2018, sau khi thành lập Phân hiệu tại tỉnh Hà Nam, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới, Nhà trường ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Phân hiệu Trường ĐHSPTHN tại Hà Nam [H1.02.01.04].

Thực tế cho thấy, các Qui định nêu trên mang tính định hướng, vĩ mô trong tổ chức, hoạt động. Công việc thực tiễn luôn diễn ra đa dạng, có sự thay đổi theo xu thế cuộc sống, xã hội. Do đó, từ các hoạt động tổng kết, từ hoạt động giao ban, từ hội thảo, hội nghị cán bộ chủ chốt mà nhiều nhiệm vụ mới được lãnh đạo Nhà trường phân công, chỉ đạo thực hiện kịp thời dựa trên các Qui định đã ban hành. Ví dụ, Quy chế công tác văn thư, lưu trữ được ban hành ngày 06/8/2019 [H1.02.01.25] thay thế Quy chế tổ chức, hoạt động văn thư, lưu trữ năm 2013. Trong qui chế mới này, nhiệm vụ của Phòng Hành chính – Đối ngoại được điều chỉnh và bổ sung mới một số nhiệm vụ.

Đề án vị trí việc làm đã được Trường xây dựng, trình cấp có thẩm quyền từ năm 2015 [H1.02.01.15] và tiếp tục hoàn thiện, bổ sung vào các năm tiếp theo. Đề án là kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá về đội ngũ nhân sự, về định hướng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ hiện tại và tương lai. Các đơn vị trong toàn Trường đều tích cực tham gia xây dựng Đề án này và phòng TCCB là đầu mối tập hợp, triển khai theo đúng qui định, trình tự, biểu mẫu của Bộ GD&ĐT.

Trong kế hoạch chiến lược của Nhà trường, đội ngũ cán bộ, giảng viên luôn được yêu cầu đáp ứng bằng và trên chuẩn các chức danh nghề nghiệp đảm nhận. Các công văn yêu cầu trình độ ngoại ngữ, tin học, chuyên môn được ban hành và điều chỉnh kịp thời như: Văn bản quy định yêu cầu ngạch Giảng viên [H1.02.02.01]; Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường ĐHSPHN [H1.02.01.19]; Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giáo viên thực hành của Trường ĐHSPHN [H1.02.01.20]....

Để đáp ứng Đề án vị trí việc làm và tăng cường chất lượng nguồn nhân lực, công tác tạo nguồn, tuyển dụng được thực hiện khoa học, công khai, minh bạch. Theo nhu cầu của các đơn vị và định hướng phát triển, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức [H1.02.02.02], trong đó xác định rõ số lượng chỉ tiêu, yêu cầu của từng vị trí việc làm. Qui trình tuyển dụng được ban hành và công khai trong toàn trường cùng thực hiện và giám sát [H1.02.01.12]. Đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, Nhà trường có chính sách tuyển thẳng và cũng được qui định rõ ràng tại Qui định xét tuyển đặc cách vào ngạch GV, nghiên cứu viên ĐHSPHN [H1.02.01.13].

Song song với chế độ đãi ngộ trong sử dụng, tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, Nhà trường cũng ban hành và thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm tra, đánh giá mức độ đáp ứng nhiệm vụ của nguồn nhân lực. Nhà trường đã thành lập và

ban hành Quy định về tổ chức hoạt động của Thanh tra giáo dục trường ĐHSPHN [H1.02.02.03]; thành lập Tổ Kiểm tra Hành chính – Công vụ [H1.02.02.04]. Hằng tháng, hằng năm tiến hành hoạt động khảo sát đánh giá chất lượng giảng viên qua người học, đánh giá phân loại viên chức hành chính và cán bộ giảng dạy theo các qui định đã ban hành [H1.02.01.17], [H1.02.02.05]. Cùng với đó, hoạt động đánh giá, phân loại viên chức hằng năm được triển khai thực hiện trong toàn trường. Kết quả đánh giá, phân loại, khen thưởng được công khai và được khen thưởng theo qui định [H1.02.02.06]. Về cơ bản, trong các năm qua, tỷ lệ cán bộ hoàn thành nhiệm vụ đạt trên 98% [H1.02.02.07]. Nhiều cán bộ được nâng bậc lương trước thời hạn [H1.02.02.06].

Với các yêu cầu về trình độ tin học, ngoại ngữ, chuyên môn đã được công khai, cùng với yêu cầu trong các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, trong bổ nhiệm chức danh GS, PGS mà đội ngũ cán bộ, viên chức của Trường tích cực học tập, nâng cao trình độ. Hằng năm, qua rà soát trình độ, yêu cầu chức danh nghề nghiệp của đội ngũ viên chức, Nhà trường có kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng, cử cán bộ đi học tập chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, đồng thời có các cơ chế khuyến khích, động viên đối với cán bộ, viên chức tham gia học tập [H1.02.01.22], [H1.02.02.08], [H1.02.02.09], [H1.02.02.10]. Ngoài ra, Phòng Tổ chức cán bộ thường xuyên rà soát và cảnh báo các trường hợp giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường về trình độ [H1.02.02.11]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức 02 lần lấy phiếu khảo sát sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, theo đó tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy đều được đánh giá. Nhà trường bước đầu đã sử dụng kết quả phản hồi này để tìm cách cải thiện chất lượng giảng dạy [H1.02.02.12].

1.2.3. Toàn bộ nhân sự trong Trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ.

Mỗi vị trí việc làm của Nhà trường hiện nay đã được qui định cụ thể về tiêu chuẩn, chế độ làm việc: Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPHN [H1.02.01.19] (được bổ sung, điều chỉnh năm 2018); Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giáo viên thực hành của Trường ĐHSPHN [H1.02.01.20]; Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPHN [H1.02.01.21]. Cùng với đó là hoạt động đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức hằng tháng, hằng năm

được thực hiện tại Qui định chế độ làm việc, đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động [H1.02.01.17] và Quy định Công tác Thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN [H1.02.01.26].

Thực tế, Phòng Tổ chức cán bộ thường xuyên rà soát và cảnh báo các trường hợp giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường về trình độ [H1.02.02.11]. Đồng thời, Nhà trường thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ, viên chức học tập, nâng cao trình độ song song với kiên quyết chấm dứt hợp đồng làm việc đối với những trường hợp chây ì, không hoàn thành nhiệm vụ [H1.02.03.01].

Trong hoạt động đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, trong công tác thi đua khen thưởng các biểu mẫu qui định về kê khai, giải trình được xây dựng khoa học, cơ bản đáp ứng theo yêu cầu của các văn bản hướng dẫn, văn bản qui phạm pháp luật. Mỗi năm học, từng cá nhân trong Nhà trường thực hiện việc kê khai, tự đánh giá và tham gia đánh giá ở đơn vị theo qui định. Các kê khai, báo cáo này đều được xác nhận của lãnh đạo đơn vị và thực hiện báo cáo, chấm điểm, nhận xét công khai trong họp đơn vị. Đối với giảng viên, kê khai giờ giảng được thực hiện theo qui trình có nhiều đơn vị chức năng và cá nhân giảng viên cùng tham gia, giám sát, xác nhận, đảm bảo tính chính xác, khoa học [H1.02.02.01].

Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra việc giải trình của cá nhân, đơn vị liên quan cũng được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đúng qui định. Cụ thể, Quy định về tổ chức hoạt động của Thanh tra nhân dân trường ĐHSPHN, Quy định về tổ chức hoạt động của Thanh tra giáo dục trường ĐHSPHN [H1.02.03.02], Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm tra Đảng, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm tra Công đoàn [H1.02.03.03].

Bên cạnh đó, trên cơ sở “*Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường*” của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSPHN*, qui định cụ thể về nguyên tắc, trách nhiệm, nội dung thực hiện dân chủ phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của Trường [H1.02.01.16]. Cán bộ, viên chức, theo đó, được biết và giám sát các hoạt động của Trường; được quyền chất vấn, tham gia, đóng góp ý kiến cho những công việc chung theo qui định. Trách nhiệm giải trình của các bộ phận, các cán bộ liên quan, vì vậy, cũng được thực hiện nghiêm túc. Công tác kê khai tài sản, kê khai khi thực hiện qui trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu qui hoạch được thực hiện nghiêm túc, trung thực [H1.02.03.04].

Thực tế, Nhà trường thông qua hoạt động Tổng kết, qua Hội nghị viên chức, qua các Hội nghị cán bộ cốt cán ... đã nhanh chóng nắm bắt và có các điều chỉnh, thay đổi trong việc ban hành các qui định nhằm đảm bảo tính khả thi, tính thực tiễn. Cụ thể, Qui chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh nhiều lần qua các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2017 [H1.02.01.11]. Từ góp ý và thực tiễn quản lý cần cụ thể hóa và ban hành Qui định quản lí các Trung tâm của Trường ĐHSPTH năm 2015 [H1.02.01.09]; Qui chế hoạt động khoa học và công nghệ năm 2017 [H1.02.01.05]; thay mới Qui chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào năm 2018 [H1.02.01.08]....

b. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có hệ thống đầy đủ các văn bản tổ chức, quản lí các mặt hoạt động cơ bản của đơn vị. Hệ thống các văn bản này đã thúc đẩy việc thực hiện sứ mạng, chiến lược phát triển của Nhà trường và góp phần phát huy được năng lực đội ngũ của toàn Trường.

- Chính sách, cơ chế tuyển dụng cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ của Trường được xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, công khai. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động của Trường đã đáp ứng được yêu cầu công việc hiện nay.

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ yêu cầu của cấp trên về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm. Qui định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn trường và thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh.

- Nhà trường đã ban hành các qui định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức.

- Nhà trường đã ban hành và thực hiện đầy đủ các qui định về chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn của các nhóm chức danh nghề nghiệp.

- Các đơn vị và đội ngũ nhân sự thực hiện nghiêm túc các qui định về giải trình, chế độ thông tin, báo cáo.

c. Điểm tồn tại

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học vừa được ban hành cùng với các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan được thay đổi đòi hỏi hệ thống văn bản của Nhà trường cần thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, thay mới.

- Đội ngũ cán bộ của Trường được tuyển dụng về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, số cán bộ có đủ năng lực hội nhập với khu vực và thế giới một cách chủ động chưa có nhiều.

- Đề án vị trí việc làm thực hiện theo đúng yêu cầu, bảng biểu qui định, tuy nhiên "thước đo" nhu cầu sử dụng đội ngũ đặc biệt là đội ngũ viên chức hành chính còn mang nặng cảm tính, khó định lượng cụ thể.

- Việc văn bản hóa khi điều chỉnh cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Qui định chức năng, nhiệm vụ và cập nhật, bổ sung văn bản quản lý còn thực hiện chậm.

- Hướng dẫn, chỉ số trong hoạt động đánh giá, phân loại viên chức và thi đua khen thưởng còn nặng định tính, khó định lượng.

- Công tác rà soát kiểm tra lại sau giải trình, báo cáo, kê khai còn hạn chế.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
Khắc phục tồn tại:					
1	Hệ thống văn bản của Nhà trường chưa thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, thay mới.	Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, thay mới các hệ thống văn bản của Nhà trường đáp ứng yêu cầu thực tiễn	Các đơn vị chức năng	2019	2021
2	Số cán bộ có đủ năng lực hội nhập với khu vực và thế giới một cách chủ động chưa có nhiều.	- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chi tiết và đảm bảo triển khai hiệu quả. Thường xuyên rà soát, đánh giá.	Phòng TCCB, KHTC, KHCN đầu mối và cán bộ, viên chức toàn Trường tham gia, thực hiện.	2019	2021
3	Đề án vị trí việc làm thực hiện theo đúng yêu cầu,	- Xây dựng mới Đề án vị	Phòng TCCB đầu mối và các	2019	2021

	bảng biểu qui định, tuy nhiên "thước đo" nhu cầu sử dụng đội ngũ đặc biệt là đội ngũ viên chức hành chính còn mang nặng cảm tính, khó định lượng cụ thể.	trí việc làm với các "thước đo" cụ thể, khoa học.	đơn vị trong toàn trường.		
4	Việc văn bản hóa khi điều chỉnh cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Qui định chức năng, nhiệm vụ và cập nhật, bổ sung văn bản quản lý còn thực hiện chậm	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, phân loại toàn bộ hệ thống văn bản hiện có. - Xây dựng lộ trình ban hành mới, bổ sung, điều chỉnh văn bản từ kết quả rà soát, phân loại. - Văn bản hóa, bổ sung kịp thời khi điều chỉnh cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị. 	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị trong toàn trường.	2019	2021
5	Hướng dẫn, chỉ số trong hoạt động đánh giá, phân loại viên chức và thi đua khen thưởng còn nặng định tính, khó định lượng.	- Nghiên cứu và ban hành bộ chỉ số đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, người lao động một cách phù hợp, thực tiễn, dễ định lượng.	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị trong toàn trường.		
6	Công tác rà soát kiểm tra lại sau giải trình, báo cáo, kê khai còn hạn chế.	Thí điểm triển khai hoạt động kiểm tra sau kê khai, báo cáo.	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị trong toàn trường.	2019	2021

Phát huy điểm mạnh:					
1	Nhà trường đã có hệ thống đầy đủ các văn bản tổ chức, quản lí các mặt hoạt động cơ bản của đơn vị. Hệ thống các văn bản này đã thúc đẩy việc thực hiện sứ mạng, chiến lược phát triển của Nhà trường và góp phần phát huy được năng lực đội ngũ của toàn Trường.	Linh hoạt trong vận dụng, phù hợp với thực trạng, tuyên truyền rộng rãi hệ thống văn bản qui phạm hiện có của Nhà trường. Đồng thời, thường xuyên rà soát, cập nhật hệ thống văn bản đó.	Các đơn vị chức năng	2019	2021
2	Chính sách, cơ chế tuyển dụng cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ của Trường được xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, công khai. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động của Trường đã đáp ứng được yêu cầu công việc hiện nay.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của cán bộ, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. - Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chi tiết theo năm học và theo giai đoạn. - Thực hiện tốt chính sách, cơ chế tuyển dụng cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ của Trường nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ hiện tại và đảm bảo sự kế thừa, 	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị toàn trường	2019	2021

		phát triển trong tương lai.			
3	Nhà trường đã thực hiện đầy đủ yêu cầu của cấp trên về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm. Qui định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn trường và thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh.	- Xây dựng mới Đề án vị trí việc làm và Qui định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị.	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị trong toàn trường.	2019	2021
4	Nhà trường đã ban hành các qui định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức.	Nghiên cứu và hoàn thiện và cập nhật các qui định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức.	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị toàn trường	2019	2021
5	Nhà trường đã ban hành và thực hiện đầy đủ các qui định về chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn của các nhóm chức danh nghề nghiệp.	Đánh giá qui định về chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn của các nhóm chức danh nghề nghiệp để từ đó có cơ sở sửa đổi hoặc ban hành qui định mới phù hợp với thực tiễn.	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị trong toàn trường.	2019	2021
6	Các đơn vị và đội ngũ nhân sự thực hiện nghiêm túc các qui định về giải trình, chế độ thông tin,	Thực hiện yêu cầu, giám sát thực hiện nghiêm túc các	Phòng TCCB đầu mối và các đơn vị toàn trường	2019	2021

	báo cáo.	qui định về giải trình, chế độ thông tin, báo cáo.			
--	----------	--	--	--	--

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 2	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.2.1				4			
Chỉ số 1.2.2				4			
Chỉ số 1.2.3					5		
Điểm TB tiêu chí	4,3						

1.3 Tiêu chí 3. Đảm bảo chất lượng

a. Mô tả

1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

Đảm bảo chất lượng vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của Trường ĐHSPHN. Tất cả các hoạt động của Nhà trường đều hướng đến chất lượng trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Theo đó, hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường xây dựng theo mô hình AUN_QA hướng tới sự hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động cốt lõi của Trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các hoạt động ĐBCL đều thực hiện theo đúng các Quy định về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và khảo thí [H1.03.01.01].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí theo Quyết định số 437/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 21 tháng 3 năm 2005 [H1.03.01.02], năm 2018 đổi tên thành Trung tâm Đảm bảo chất lượng [H1.03.01.03]. Trung tâm thực hiện chức năng quản lý của Trường về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và khảo thí [H1.03.01.04] và có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám hiệu về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng và khảo thí trong phạm vi toàn Trường nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng.

Đội ngũ cán bộ của Trung tâm ĐBCL là những người có năng lực, có kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục, có khả năng tham mưu, triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá, đảm bảo chất lượng giáo dục. Cán bộ của Trung tâm đã được tham dự nhiều lớp tập huấn về đảm bảo chất lượng bên trong, tự đánh giá và đánh giá ngoài; các hội thảo chuyên đề về hoạt động đảm bảo chất lượng đại học do Bộ GD&ĐT, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức. Hiện tại, 80% cán bộ của trung tâm có trình độ thạc sĩ trở lên trong đó có 02 cán bộ có thể kiểm định viên kiểm định chất lượng GDĐH và trung cấp chuyên nghiệp do Bộ GD&ĐT cấp[H1.03.01.05]. Trung tâm cũng đã soạn tài liệu hướng dẫn về đảm bảo chất lượng [H1.03.01.06]. Hằng năm, Trung tâm đều xây dựng kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng nhằm duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo cũng như NCKH của Trường [H1.03.01.07].

Nhà trường đã cử 32 cán bộ là trưởng hoặc phó các phòng ban và các Khoa đào tạo trong Trường tham dự lớp đào tạo “Kiểm định viên KĐCLGD ĐH&TCCN” nhằm góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ của Trường về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và đã có chứng chỉ. [H1.03.01.08].

Mỗi năm học, Trung tâm ĐBCL đều tiến hành rà soát, tổng kết công tác đảm bảo chất lượng và đề ra phương hướng triển khai công tác này cho năm học tới [H1.03.01.09].

Để nắm bắt kịp thời các phản ánh về giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy, Trường thành lập Ban thanh tra nhân dân, Ban thanh tra giáo dục và Tổ kiểm tra hành chính, công vụ [H1.02.02.03; H1.02.02.04].

1.3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.

Trường ĐHSPHN là một trong 10 cơ sở giáo dục đại học đầu tiên trong cả nước triển khai Tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học từ năm 2006 và được kiểm định, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng năm 2007 [H1.03.02.01].

Năm 2016, Trường đã tiến hành Tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học lần thứ 2 và đã được đánh giá ngoài công nhận đạt chuẩn chất lượng [H1.03.02.02; H1.03.02.01; H1.03.02.03; H1.03.02.04]. Bên cạnh công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường còn tiến hành triển khai Tự đánh giá chương trình đào tạo. Hai chương trình đào tạo ngành sư phạm (sư phạm Hóa học Chất lượng cao và sư phạm Giáo dục

Tiểu học) của Trường đã được tự đánh giá theo Tiêu chuẩn đánh giá CTĐT ban hành kèm Thông tư 04 /2016 [H1.03.02.02; H1.03.02.01; H1.03.02.03]. Hai chương trình đào tạo này đã được đánh giá ngoài vào tháng 5/2018 và được cấp chứng nhận đạt chuẩn [H1.03.02.05; H1.03.02.04]. Tháng 10/2019, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai Tự đánh giá 08 CTĐT, trong đó có 02 CTĐT là Sư phạm Toán và Sư phạm Vật lý sẽ đánh giá theo tiêu chuẩn khu vực AUN-QA[H1.03.02.01; H1.03.02.03]

Qua quá trình tự đánh giá và được đánh giá ngoài, cán bộ, sinh viên của Trường đã được nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa chất lượng trong hoạt động học tập và giảng dạy.

Căn cứ vào các kết luận đánh giá ngoài cũng như những kết quả của Tự đánh giá cấp Trường và CTĐT, Trường cũng đã quan tâm rà soát và xây dựng kế hoạch hành động để tập trung cải thiện những tồn tại và phát huy những thế mạnh với quan điểm đảm bảo chất lượng, thực thi tốt sứ mạng của mình [H1.03.02.06; H1.03.02.07], các hoạt động cải thiện những tồn tại được lồng ghép trong kế hoạch hoạt động hàng năm của trường [H1.03.02.08]. Tuy nhiên, việc triển khai kế hoạch hành động sau mỗi chu kỳ tự đánh giá và đánh giá ngoài cần được tập trung chỉ đạo và triển khai một cách quyết liệt và có tính liên mạch hơn. Bên cạnh đó, Trường chưa có chương trình đào tạo nào được kiểm định theo tiêu chuẩn của các tổ chức khu vực và quốc tế.

1.3.3. Trường có hệ thống thông tin thích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.

Thông tin về cán bộ, giảng viên và sinh viên được Nhà trường quản lý bằng hệ thống phần mềm chuyên dụng. Toàn bộ thông tin của từng giảng viên về trình độ đào tạo, ngạch viên chức... đều được quản lý bằng phần mềm quản trị bởi Phòng Tổ chức cán bộ. Giảng viên cũng có thể tự cập nhật các thông tin về lý lịch khoa học trên phần mềm tại địa chỉ <http://hnue.edu.vn/Danhchocanbo/Lylichkhoahoc.aspx> của trường. Gần đây, Nhà trường đã đưa vào vận hành phần mềm quản lý công việc của giảng viên theo địa chỉ: <http://qlnt.hnue.edu.vn>. Phần mềm cho phép quản lý giờ dạy, giờ nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của từng GV. Các thông tin thu thập bằng phần mềm cũng được gửi đến các phòng chức năng nhằm kiểm tra, đối chiếu đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng [H1.03.03.01].

Việc quản lý thông tin người học của Trường cũng mang tính toàn diện từ đầu vào, quá trình và đầu ra và được thực hiện bằng phần mềm chuyên dụng. Tất cả SV

chính qui được cấp tài khoản trên cổng thông tin để đăng ký lịch học, xem lịch thi, tra cứu kết quả học tập và đề cương môn học...

Từ hệ thống thông tin được quản lý bằng phần mềm, các phòng ban tùy chức năng nhiệm vụ sẽ khai thác thông tin, thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học cho các mục đích khác nhau như giám sát, đánh giá, phân loại, khảo sát,...

Năm học 2018 - 2019, Trường tổ chức rà soát toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học và triển khai xây dựng phần mềm quản lý Nhà trường tích hợp các hệ thống quản lý thông tin riêng lẻ vào một hệ thống quản lý và xử lý thông tin thống nhất trong toàn trường [H1.03.03.02].

1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.

Bên cạnh quản lý các thông tin cơ bản của giảng viên về khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, Nhà trường cũng xây dựng hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan về chất lượng giảng dạy [H1.03.01.07].

Định kỳ hai lần/năm học, Nhà trường triển khai lấy ý kiến khảo sát sinh viên về chất lượng công tác giảng dạy của GV. Nhà trường sử dụng các công cụ như: Phiếu khảo sát mức sự hài lòng của SV tốt nghiệp; Phiếu khảo sát đánh giá năng lực, kỹ năng của SV vừa tốt nghiệp; Phiếu khảo sát tình hình việc làm, thu nhập, yêu cầu của thị trường lao động; Phiếu khảo sát SV về hiệu quả môn học; Phiếu khảo sát nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên đang học và cựu sinh viên về CTĐT... nhằm thu nhận được nhiều nhất những phản hồi của người học về chất lượng đào tạo của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng triển khai lấy ý kiến của giảng viên, sinh viên về chất lượng phục vụ của cán bộ hành chính, thư viện. Thông tin thu thập được từ các đợt khảo sát đều được gửi tới những đối tượng, đơn vị có liên quan để thực hiện những điều chỉnh phù hợp cũng như báo cáo Ban Giám hiệu để có những chỉ đạo kịp thời, hiệu quả [H1.03.04.01; H1.03.04.02].

Trường thường xuyên tổ chức rà soát, chuẩn hóa lại một số công cụ khảo sát, cụ thể năm học 2018 - 2019 trường thiết kế, chuẩn hóa lại công cụ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng phục vụ của cán bộ hành chính [H1.03.04.03].

Trường cũng thực hiện quan điểm đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gồm đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Thông qua các bài kiểm tra đánh giá, SV và cố vấn học tập sẽ thu nhận được thông tin phản hồi về sự tiến bộ của người học để có thể điều chỉnh kịp thời lộ trình học tập của từng SV. Sinh viên nào thuộc diện cảnh báo học tập cũng sẽ được thông báo trên hệ thống phần mềm và được yêu cầu rút bớt tín chỉ đăng ký để có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập trong học kỳ tiếp theo.

Tuy nhiên, hiện nay thông tin phản hồi của Trường thu nhận được mới chủ yếu tập trung từ đối tượng SV chính quy, học viên sau đại học và cán bộ, giảng viên đang công tác tại Trường. Vì vậy, trong thời gian tới Nhà trường sẽ quan tâm tăng cường thu thập thêm phản hồi từ SV hệ không chính quy và các đơn vị, các nhà tuyển dụng cùng các cấp quản lý liên quan.

b. Điểm mạnh

- Công tác đảm bảo chất lượng đã được Nhà trường quan tâm và tổ chức thực hiện bài bản. Trung tâm Đảm bảo Chất lượng của Trường có đội ngũ mạnh về chuyên môn.

- Nhà trường là một trong những đại học đầu tiên triển khai công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài. Đến nay Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá ở cả mức độ chương trình đào tạo và mức cơ sở giáo dục; hai lần Trường đã được đánh giá ngoài mức cơ sở giáo dục và đã đánh giá ngoài 02 CTĐT. Những cải tiến rõ nét sau mỗi lần tự đánh giá được ghi nhận ở cả cấp độ chương trình đào tạo và cấp Trường.

- Nhà trường đã quan tâm đầu tư để có hệ thống các phần mềm tác vụ, trong đó có các phần mềm chuyên dụng hỗ trợ công tác quản lý giảng viên và hỗ trợ sinh viên, hỗ trợ đào tạo.

- Nhà trường đã có hệ thống các công cụ được thường xuyên rà soát, chuẩn hóa để thu thập thông tin phản hồi từ SV, học viên chính quy và giảng viên nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng phục vụ.

c. Điểm tồn tại

- Trường vẫn chưa xây dựng được mạng lưới các trợ lý đảm bảo chất lượng phủ khắp ở các khoa, đơn vị.

- Việc triển khai kế hoạch hành động sau mỗi chu kỳ tự đánh giá và đánh giá ngoài nhằm nâng cao chất lượng của Trường đôi khi vẫn chưa được thực hiện quyết liệt và có tính liên mạch.

- Thông tin phản hồi phục vụ việc nâng cao chất lượng đào tạo của Trường vẫn chưa đa dạng, chưa triển khai việc thu nhận phản hồi từ sinh viên hệ không chính quy, cựu người học và các nhà tuyển dụng, quản lý giáo dục liên quan.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại: Trường vẫn chưa xây dựng được mạng lưới các trợ lý đảm bảo chất lượng ở các khoa, đơn vị.	Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về vị trí trợ lý đảm bảo chất lượng ở các đơn vị trong Trường. Bồi dưỡng đội ngũ trợ lý và xây dựng quy chế làm việc.	Trung tâm ĐBCL Phòng TCCB	2019	2021
	Khắc phục tồn tại: Việc triển khai kế hoạch hành động sau mỗi chu kỳ tự đánh giá và đánh giá ngoài nhằm nâng cao chất lượng của Trường đôi khi vẫn chưa được thực hiện quyết liệt và có tính liên mạch.	Xây dựng kế hoạch và phân nhiệm rõ ràng việc triển khai kế hoạch hành động sau khi tự đánh giá và đánh giá ngoài. Bố trí nguồn kinh phí phù hợp để thực hiện kế hoạch triệt để.	Trung tâm ĐBCL là đơn vị thường trực	2019	2021
	Khắc phục tồn tại: Thông tin phản hồi phục vụ việc nâng cao chất lượng đào tạo của Trường vẫn chưa đa dạng, cần triển khai thêm việc thu nhận phản hồi từ sinh viên	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV hệ không chính quy, cựu người học và nhà tuyển dụng, nhà quản lý giáo dục các cấp liên quan	Trung tâm ĐBCL Phòng CTCT – HSSV, Đoàn TN,	2019	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
	hệ không chính quy, cựu người học và các nhà tuyển dụng, quản lý giáo dục liên quan.	về chất lượng đào tạo của Nhà trường một cách thường xuyên, liên tục.	Trung tâm ĐT – BD TX phối hợp thực hiện.		
2.	Phát huy điểm mạnh: Công tác đảm bảo chất lượng đã được Nhà trường quan tâm và tổ chức thực hiện bài bản. Trung tâm Đảm bảo Chất lượng của Trường có đội ngũ mạnh về chuyên môn	Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL và Các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.	2019	2021
	Phát huy điểm mạnh: Nhà trường đã quan tâm và thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá và đăng ký để được đánh giá ngoài ở cả mức độ chương trình đào tạo và mức độ Nhà trường.	Tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài theo đúng chu kỳ.	Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan phối hợp triển khai.	2019	2021
	Phát huy điểm mạnh: Nhà trường đã quan tâm đầu tư hệ thống các phần mềm tác vụ khác nhau, trong đó có các phần mềm chuyên dụng hỗ trợ công tác quản lý giảng viên và hỗ trợ sinh viên, hỗ trợ đào tạo.	Tập trung để tích hợp các phần mềm tác vụ này thành hệ thống quản lý các nguồn lực của Nhà trường một cách đồng bộ, thống nhất.	Trung tâm CNTT là đầu mối tổ chức, thực hiện. Các đơn vị liên quan hỗ trợ, triển	2019	2019

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
			khai		
	Phát huy điểm mạnh: Nhà trường đã có hệ thống các công cụ thu thập thông tin phản hồi từ SV, học viên chính quy và giảng viên nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng phục vụ.	Chuẩn hoá các công cụ thu thập thông tin phản hồi từ SV, học viên chính quy và giảng viên. Tổ chức lấy thông tin phản hồi trên diện rộng hơn, thường xuyên hơn.	Trung tâm ĐBCL là đầu mối tổ chức, thực hiện.	2019	2021

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 3	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.3.1				4			
Chỉ số 1.3.2					5		
Chỉ số 1.3.3				4			
Chỉ số 1.3.4				4			
Điểm TB tiêu chí	4,2						

❖ Tự đánh giá tiêu chuẩn 1

Tiêu chuẩn 1	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Tiêu chí 1: Tầm nhìn chiến lược</i>							
Chỉ số 1.1.1: Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của Trường					5		
Chỉ số 1.1.2: Tầm nhìn, sứ mạng của Trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của Trường.				4			

Điểm tiêu chí	4,5						
<i>Tiêu chí 2: Quản lý</i>							
Chỉ số 1.2.1: Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.				4			
Chỉ số 1.2.2: Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng của từng vị trí việc làm.				4			
Chỉ số 1.2.3: Toàn bộ nhân sự trong Trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ.					5		
Điểm tiêu chí	4,3						
<i>Tiêu chí 3: Đảm bảo chất lượng</i>							
Chỉ số 1.3.1: Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong				4			
Chỉ số 1.3.2: Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp Trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục					5		
Chỉ số 1.3.3: Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học				4			
Chỉ số 1.3.4: Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải				4			

nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học							
Điểm tiêu chí	4,2						
ĐIỂM TIÊU CHUẨN	4,33						
Điểm mức năng lực	4						

2. TIÊU CHUẨN 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.4. Tiêu chí 4. Phát triển chương trình

a. Mô tả

2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao.

Trường ĐHSPhN có sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội, nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” [H2.04.01.01]. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định thực hiện, giám sát và điều chỉnh các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng của nhà trường được xây dựng theo các qui định hiện hành của Bộ GD&ĐT như Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT và Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và có tên trong danh mục đào tạo được cho phép đào tạo tại Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT về danh mục giáo dục, Thông tư số 32/2013/TT-BGDĐT về sửa đổi Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học [H2.04.01.02]. Tất cả các CTĐT của Nhà trường đều đáp ứng yêu cầu mục tiêu đào tạo qui định tại Luật GDĐH [H2.04.01.03] và gắn liền với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, trường có 43 CTĐT Tiến sĩ, 55 CTĐT Thạc sĩ, 45 CTĐT đại học chính qui, 40 CTĐT đại học không chính qui [H2.04.01.04]. Về chương trình bồi dưỡng, trường đang thực hiện và triển khai 26 chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ được Bộ

Giáo dục và Đào tạo cho phép [H2.04.01.05]. Ngoài ra, Trường đã xây dựng gần 500 chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục [H2.04.01.06]. Trước khi ban hành các CTĐT và bồi dưỡng, Nhà trường thành lập các Hội đồng nghiệm thu để rà soát quy trình xây dựng, biên soạn và thẩm định nội dung của chương trình.

Để phát triển một CTĐT cũng như chương trình bồi dưỡng giáo viên, Nhà trường có một qui trình chặt chẽ từ khâu thiết kế cho đến phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình gắn liền với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng Nhà trường giao cho đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện việc khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo bằng nhiều hình thức thông qua tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên; tổ chức cho sinh viên giao lưu với các nhà tuyển dụng... [H2.04.01.07]; Từ kết quả khảo sát trên và căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của trường và nhiệm vụ được nhà nước giao, khoa đào tạo tiến hành họp hội đồng khoa học của khoa để xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra [H2.04.01.08]; Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo; Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định [H2.04.01.09; H2.04.01.10]; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo; Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng [H2.04.01.11]; Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiên bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Trường ĐHSPHN có đa dạng và phong phú các ngành, hệ, và các hình thức đào tạo. Ngoài hệ đào tạo chính quy, để đáp ứng nhu cầu của các địa phương Nhà trường đã liên kết với các cơ sở giáo dục tại nhiều tỉnh, thành phố tiến hành đào tạo loại hình đào tạo vừa làm, vừa học và bồi dưỡng thường xuyên [H2.04.01.12]. Cùng với đào tạo chính quy, Nhà trường được Bộ GD&ĐT giao chỉ tiêu và nhiệm vụ đào tạo trình độ

đại học hệ vừa làm vừa học, đào tạo liên thông, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn. Đối với chương trình bồi dưỡng, Trường đang triển khai theo hai hướng, đó là: 1) Bồi dưỡng cấp chứng chỉ đối với các chương trình bồi dưỡng do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành; 2) Bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên các cấp học trên cơ sở những chuyên đề Trường xây dựng và theo yêu cầu của người học.

Năm 2018, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức bồi dưỡng 04 chương trình bồi dưỡng giáo viên mới (Bồi dưỡng giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh; Bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên ở THCS; Bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lí ở THCS; Bồi dưỡng giáo viên Tin học dạy môn Tin học và Công nghệ ở Tiểu học) thực hiện nhiệm vụ mà Bộ GD&ĐT giao [H2.04.01.13]. Nhà trường đã ra chủ trương và quyết tâm thực hiện việc xây dựng mới toàn bộ các chương trình đào tạo hiện có của Trường, đến tháng 4/2019 trường đã hoàn thiện và ban hành khung chuẩn đầu ra của các CTĐT cử nhân sư phạm và mô hình đào tạo của nhà trường [H2.04.01.14].

Tháng 7/2019, Trường đã xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên phổ thông làm công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh để đáp ứng nhu cầu giáo viên tại các địa phương thực hiện công tác hướng nghiệp cho học sinh theo Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”. Trường đã tổ chức bồi dưỡng thí điểm và dự kiến tổ chức hội thảo xin cấp phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.04.01.15].

2.4.2. Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

Trường ĐHSPhN xây dựng CTĐT và triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ cho tất cả các ngành đào tạo chính qui bắt đầu từ năm học 2009 - 2010, đồng thời ban hành Quy chế đào tạo phù hợp theo phương thức này [H2.04.02.01]. Nhà trường cũng tiến hành xây dựng mới toàn bộ 51 CTĐT của bậc sau đại học theo tín chỉ năm 2010 [H2.04.02.02; H2.04.02.03].

Quy trình xây dựng CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên chặt chẽ ở tất cả các bước và đảm bảo tính hệ thống, tính cập nhật và tính linh hoạt sau khi xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu về nguồn nhân lực của thị trường lao động. Trước khi xây dựng chương

trình Nhà trường đã đánh giá tổng thể các chương trình hiện có; tổ chức nghiên cứu nhu cầu và yêu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là yêu cầu về đào tạo giáo viên đáp ứng đổi mới giáo dục hiện nay; Thành lập các nhóm chuyên gia xây dựng mới CTĐT [H2.04.02.04]; tham khảo một số mô hình đào tạo giáo viên của một số nước như Hàn Quốc, Đài Loan, Phần Lan, Pháp, Đức, Anh, Mỹ... [H2.04.02.05]; Tham khảo các CTĐT của các trường đại học ở Việt Nam như Trường ĐHSPhN 2, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh... [H2.04.02.06].

Trước nhu cầu đòi hỏi về đội ngũ giáo viên dạy các trường phổ thông có yếu tố nước ngoài, năm 2013 Trường xây dựng và triển khai đào tạo 7 CTĐT mới bao gồm 5 CTĐT giáo viên dạy Toán, Lí, Hóa, Tin học, Sinh học bằng Tiếng Anh và 2 CTĐT ngành kép Giáo dục Tiểu học - SP Tiếng Anh và Giáo dục Mầm non - SP Tiếng Anh [H2.04.02.07]; Tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị trong nội bộ Trường cũng như với 6 trường đại học có đào tạo giáo viên về CTĐT mới [H2.04.02.08].

Khi triển khai CTĐT mới, Nhà trường nhận được nhiều ý kiến đóng góp và nhận xét của giáo viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và đa số ý kiến nhấn mạnh về những ưu điểm nổi bật là: tỉ lệ hợp lí giữa các khối kiến thức, đặc biệt tăng tỉ lệ khối kiến thức đào tạo kĩ năng nghề; giảm số đầu học phần; tăng số lượng các học phần tự chọn; tăng tính liên thông dọc và liên thông ngang [H2.04.02.09]. Tuy nhiên, số lượng ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về CTĐT còn thấp.

Trong giai đoạn 2017 - 2020, Nhà trường dự kiến mở mới các CTĐT giáo viên dạy tích hợp phục vụ yêu cầu đổi mới giáo dục. Trường bước đầu triển khai một số chuyên đề bồi dưỡng giáo viên bằng hình thức trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học [H2.04.02.09].

2.4.3. CTĐT và bồi dưỡng giáo viên được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

Nhà trường luôn luôn chú trọng rà soát, cập nhật bổ sung, chỉnh sửa CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên, việc này được thực hiện sau mỗi khóa đào tạo và bồi dưỡng. Kể từ khi thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ (năm học 2009 - 2010) đến nay trường đã 2 lần chỉnh sửa chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo chính qui nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan vào các năm 2014 và 2018. Năm 2014, Nhà

trường đã tiến hành xây dựng mới chuẩn đầu ra và chỉnh sửa toàn bộ các CTĐT giáo viên của Trường áp dụng cho SV từ khóa tuyển sinh năm học 2015 - 2016 [H2.04.02.07].

Trước khi điều chỉnh hoặc xây dựng mới CTĐT, Nhà trường thành lập ban xây dựng CTĐT để xem xét điều chỉnh, rà soát lại các CTĐT và hệ thống giáo trình các hệ đào tạo [H2.04.03.01], [H2.04.03.02]; Trường tham khảo một số CTĐT tiên tiến của các trường ĐH trong nước, khu vực và quốc tế [H2.04.02.04; H2.04.02.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của sinh viên trước tốt nghiệp về CTĐT [H2.04.03.03]; tổ chức ngày hội việc làm có sự tham gia của các nhà tuyển dụng... [H2.04.03.04], đó là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động [H2.04.02.07]. Ngoài việc chỉnh sửa, cập nhật theo định kỳ, Trường còn tiến hành điều chỉnh các CTĐT ngay trong quá trình triển khai đào tạo, nếu khoa đào tạo phát hiện có vấn đề phát sinh hoặc cần thay đổi để cập nhật kiến thức mới..., trưởng khoa đề xuất yêu cầu, Nhà trường xem xét và quyết định tiến hành việc sửa đổi bổ sung CTĐT đó. Các biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo về rà soát CTĐT của các khoa đều thể hiện việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H2.04.01.08].

Chương trình một số ngành của Trường đã được một số trường đại học nước ngoài thẩm định và đồng ý ký thỏa thuận đào tạo liên thông như ngành Ngữ văn với Trường Đại học Busan (Hàn Quốc), ngành Việt Nam học với Học viện kỹ thuật chuyên nghiệp Nam Ninh (Trung Quốc) theo hình thức 2+2 trao đổi SV giữa hai trường. Theo thỏa thuận, hằng năm, hai trường thực hiện trao đổi một số SV học tập 2 năm cuối và được hai trường cùng cấp bằng tốt nghiệp cho các SV đủ điều kiện theo qui định [H2.04.03.05].

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ sư phạm của nhà trường được thành lập (năm 2013) nhằm đáp ứng nhu cầu rèn luyện NVSP thường xuyên cho SV và nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý trên toàn quốc [H2.04.03.06]. Trường cũng đã xây dựng mới hoàn toàn khối kiến thức đào tạo nghiệp vụ sư phạm với việc tăng về thời lượng và chú trọng nâng cao về năng lực và kỹ năng nghề nghiệp cho SV, tăng thời lượng SV xuống trường phổ thông kết hợp với rèn luyện kỹ năng tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ sư phạm [H2.04.02.07]. Bắt đầu từ học kì I năm thứ 2, SV liên tục được đến trường phổ thông

để tìm hiểu, học tập, thực hành và thực tập sư phạm [H2.04.03.07].

Nhà trường đã tiến hành triển khai Tự đánh giá chương trình đào tạo. Bước đầu, hai chương trình đào tạo ngành sư phạm (sư phạm Hóa học Chất lượng cao và sư phạm Giáo dục Tiểu học) của Trường đã được tự đánh giá theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã được đánh giá ngoài bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng - Đại học quốc gia Hà Nội vào tháng 5/2018. Ngày 04/04/2019 Trung tâm Kiểm định chất lượng - Đại học quốc gia Hà Nội đã ký các quyết định số 124/QĐ-KĐCL và 125/QĐ-KĐCL công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho hai CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học Chất lượng cao và Cử nhân Giáo dục tiểu học của trường [H2.04.03.08]. Tuy nhiên, so với quy mô đào tạo của Nhà trường thì số CTĐT được triển khai tự đánh giá và kiểm định chất lượng như vậy là còn ít.

Trường có kế hoạch tiếp tục tiến hành Tự đánh giá các CTĐT, đến hết năm 2020, ít nhất 10% các CTĐT được kiểm định trong đó sẽ đánh giá 02 CTĐT theo chuẩn khu vực Đông Nam Á (AUN-QA) [H2.04.03.09].

Việc bồi dưỡng thường xuyên dựa trên nhu cầu của người học và đặc biệt là nhu cầu của các Sở Giáo dục và Đào tạo và của các cơ sở liên kết nên chương trình bồi dưỡng luôn luôn cập nhật tình hình thực tế của đổi mới giáo dục hiện nay. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị, Trường phối hợp với các cơ sở liên kết chuẩn bị cơ sở vật chất, học liệu và cử các giáo viên, giảng viên có trình độ, chuyên môn cao và có kinh nghiệm tham gia giảng dạy. Thời gian tổ chức bồi dưỡng có thể diễn ra trong hè hoặc và các ngày nghỉ cuối tuần (Thứ Bảy và Chủ nhật). Sau mỗi chuyên đề bồi dưỡng, Trường tổ chức kiểm tra, đánh giá thông qua bài thu hoạch để Trường có sự điều chỉnh nội dung các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng bồi dưỡng [H2.04.03.10].

Sau khi kết thúc mỗi chuyên đề bồi dưỡng, Trường phối hợp với cơ sở liên kết tổ chức lấy ý kiến khảo sát tập trung vào các nội dung: công tác tổ chức lớp; chất lượng giảng dạy của giảng viên và tính cấp thiết của chuyên đề bồi dưỡng. Việc điều chỉnh nội dung bồi dưỡng, tài liệu phục vụ bồi dưỡng được Nhà trường triển khai thường xuyên hàng năm thông qua kết quả khảo sát của người học và lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học đã và đang tham gia vào các chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H2.04.03.11]. Đó là cơ sở để Trường đưa ra những chuyên đề cần bồi dưỡng cho phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và của xã hội.

Năm 2018, Trường tổ chức thực hiện xây dựng CTĐT mới nhằm đáp ứng sát hơn

sứ mạng, tầm nhìn của Trường trên cơ sở tiếp thu những ý kiến đóng góp của người học, của các tổ chức liên quan. Trường tổ chức xây dựng mô hình đào tạo của Nhà trường, Chuẩn đầu ra nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của người học và các bên liên quan. Chương trình đào tạo mới được thực hiện theo các nhóm và một số nhóm đã có những sản phẩm cụ thể [H2.04.03.12].

b. Điểm mạnh

- Các chương trình đào tạo được xây dựng theo các bước phù hợp sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao.
- Trường có 7 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.
- CTĐT được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu thực tế và theo định kì.
- Các chương trình bồi dưỡng thường xuyên được cập nhật và bổ sung phù hợp với yêu cầu nhu cầu của các bên liên quan.

c. Điểm tồn tại

- Số lượng ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về CTĐT còn thấp.
- Việc tham khảo CTĐT quốc tế còn hạn chế và hiệu quả tham khảo còn thấp
- Số CTĐT được triển khai Tự đánh giá và kiểm định chất lượng còn ít so với quy mô đào tạo.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
Khắc phục tồn tại:					
1	Số lượng ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về CTĐT còn thấp;	- Tổ chức có hệ thống lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh CTĐT, bồi dưỡng GV.	Phòng ĐT, TTĐT&B DTX và các khoa	2019	2022
2	Việc tham khảo CTĐT quốc tế còn hạn chế và hiệu quả tham khảo còn thấp;	- Nghiên cứu mô hình, tham khảo CTĐT và kinh nghiệm đào tạo giáo viên một số nước trước khi điều chỉnh và xây dựng mới các CTĐT	Phòng ĐT, TTĐT&B DTX và các khoa	2019	2022

3	Số CTĐT được triển khai Tự đánh giá và kiểm định chất lượng còn ít so với quy mô đào tạo	- Tiếp tục đánh giá CTĐT theo thông tư 04 - Lập kế hoạch hành động và có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi đánh giá	TT ĐBCL, các Khoa đào tạo và các phòng ban chức năng liên quan	2019	2022
Phát huy điểm mạnh:					
1	- Các chương trình đào tạo được xây dựng theo các bước phù hợp sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao - CTĐT được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu thực tế và theo định kì Các chương trình bồi dưỡng thường xuyên được cập nhật và bổ sung phù hợp với yêu cầu nhu cầu của các bên liên quan	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT, chương trình bồi dưỡng GV theo cấp theo chuẩn chức danh nghề nghiệp, yêu cầu thực tế và đáp ứng nhu cầu xã hội phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao. Mở mới các chương trình bồi dưỡng giáo viên theo nhu cầu xã hội được Bộ GD&ĐT cho phép. Tham gia đánh giá chương trình theo chuẩn AUN	Các khoa; Phòng Đào tạo; Trung tâm ĐT-BD thường xuyên; TT ĐBCL	2019	2022

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 4	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.4.1				4			
Chỉ số 2.4.2				4			
Chỉ số 2.4.3				4			
Điểm TB của tiêu chí				4			

2.5. Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

a. Mô tả

2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục

phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

Căn cứ Quy định số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSPHN đã xây dựng chuẩn đầu ra tương ứng cho từng chương trình đào tạo và có những quy định cụ thể trong việc xây dựng, điều chỉnh CTĐT. CTĐT có cấu trúc hợp lý được thiết kế đáp ứng CDR gắn với chuẩn nghề nghiệp. Năm 2014, trên cơ sở rà soát, đánh giá lại chuẩn đầu ra của các CTĐT được xây dựng năm 2009 và căn cứ chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành, Nhà trường xây dựng mới và ban hành chuẩn đầu ra của tất cả các ngành đào tạo [H2.05.01.01]. Chuẩn đầu ra là cơ sở để xác định vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học. Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo được công bố trên Website của Trường [H2.05.01.02].

Tất cả các chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học đều xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, được phân giải thành các chỉ số có thể định lượng, đánh giá được (bao gồm về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực người tốt nghiệp, cơ hội nghề nghiệp, khả năng nâng cao trình độ) [H2.04.01.09; H2.04.01.10; H2.04.01.12; H2.04.02.04]. Ngoài ra, mục tiêu, yêu cầu và điều kiện tiên quyết còn được nêu rõ trong đề cương chi tiết của từng học phần, đáp ứng yêu cầu mục tiêu đào tạo trong Luật GDDH và mô tả cụ thể trình độ kiến thức, trình độ chuyên môn, các ngành nghề có thể đảm nhận của SV sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu đào tạo của từng ngành gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của Việt Nam và thực tế điều kiện giảng dạy của Nhà trường [H2.04.01.09; H2.04.01.10]. Căn cứ chuẩn đầu ra mới trong đó đặc biệt là chuẩn về năng lực sư phạm của sinh viên, Nhà trường tiến hành xây dựng mới toàn bộ các CTĐT, cụ thể là các CTĐT giáo viên của trường được tăng thời lượng từ 130 tín chỉ lên thành 135 tín chỉ và bố trí lại các khối kiến thức để đảm bảo 25% thời lượng dành cho đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm để cho SV được trang bị thêm các phẩm chất và năng lực của người giáo viên tương lai [H2.04.02.07]. CTĐT được xây dựng đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT [H2.05.01.03]. Hằng năm, Trường định kỳ tổ chức khảo sát SV trước khi nhận bằng và SV sau tốt nghiệp 1 năm về nội dung và chất lượng CTĐT của 100% CTĐT thuộc các ngành đào tạo đại học của Trường để từ

đó làm căn cứ xây dựng và chỉnh sửa CTĐT phù hợp với thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương [H2.05.01.04].

Năm 2018, trường ĐHSPHN đã tổ chức xây dựng Mô hình đào tạo và Chuẩn đầu ra tương ứng cho từng chương trình đào tạo và có văn bản quy định rõ trong việc xây dựng, điều chỉnh CTĐT, CDR phù hợp với từng đối tượng đào tạo dựa vào Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H2.05.01.05]. Sau khi xây dựng Mô hình đào tạo và Chuẩn đầu ra cùng với kết quả khảo sát người học, Trường đã tổ chức xây dựng mới các chương trình đào tạo. Trường giao cho các nhóm xây dựng chương trình, mỗi nhóm và thành viên có nhiệm vụ cụ thể và đã ban hành được mô hình đào tạo cử nhân sư phạm và khung chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo [H2.05.01.06].

Các chương trình đào tạo đại học hệ VLVH theo hệ thống tín chỉ được xây dựng phù hợp với phương thức đào tạo và đáp ứng được nhu cầu của người học và tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh của địa phương, quốc gia, quốc tế. Đối với các chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học theo hình thức VLVH, Trường đã xây dựng khung chương trình cho phù hợp với các đối tượng tuyển sinh vừa đáp ứng được yêu cầu nâng cao trình độ phù hợp với chuyên môn đã được học, vừa đáp ứng được chuẩn đầu ra. Đối với các chương trình liên thông lên đại học của các ngành đào tạo giáo viên, nội dung luôn được cập nhật đáp ứng yêu cầu đổi mới sách giáo khoa và chương trình giáo dục phổ thông mới [H2.05.01.07].

Hàng năm, Trường đều tiến hành liên kết và ký biên bản hợp tác với một số trường phổ thông có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội để đưa SV đến thực tập và lấy ý kiến phản hồi từ các cơ sở đào tạo này, tiến tới xây dựng, chỉnh sửa CTĐT đáp ứng các yêu cầu của chuẩn mực quốc tế [H2.05.01.08].

2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên được thiết kế có cấu trúc hợp lý bao gồm các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT rất chặt chẽ và khoa học thể hiện ở việc lựa chọn các học phần để đáp ứng chuẩn đầu ra tương ứng [H2.05.01.01]. Trong tổng số 135 tín chỉ thời lượng của một CTĐT, khối kiến thức chung gồm 20 tín chỉ nhằm trang bị cho SV năng lực về ngoại ngữ và kiến thức về khoa học Mác - Lênin; khối kiến thức chuyên ngành có 81 tín chỉ nhằm đào tạo SV về kiến thức nền tảng cơ bản và năng lực chuyên môn và khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm gồm 34 tín chỉ nhằm trang bị cho SV kiến thức và năng lực nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Để đảm bảo tính logic giữa các học phần, CTĐT qui định rõ ràng về điều kiện tiên quyết cho từng học phần cụ thể, CTĐT còn bao gồm nội dung bắt buộc về Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo đúng qui định của Bộ GD&ĐT. Ngoài những yêu cầu về kiến thức như: tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp..., yêu cầu về kỹ năng cứng: Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề..., CTĐT còn thể hiện rõ yêu cầu về kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học...[H2.04.02.07]. Trường ĐHSPHN đã qui định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên tốt nghiệp [H2.05.02.01]. CTĐT của Trường hướng đến việc tăng cường kỹ năng thực tế chuyên sâu (chuyên ngành); tăng thời lượng thực hành, thực tập; đảm bảo 25% thời lượng dành cho đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cho SV [H2.04.02.07]. Bắt đầu từ học kì I năm thứ 2, SV liên tục được đến trường phổ thông để tìm hiểu, học tập, thực hành và thực tập sư phạm. Các hoạt động kiến tập thường xuyên và thực tập sư phạm được tổ chức có hiệu quả, là cơ hội để người học tiếp xúc, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học tại Trường để giải quyết các tình huống sư phạm thực tế qua đó người học được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực chuyên môn một cách toàn diện [H2.05.02.02]. Định kì 2 lần/năm trường tổ chức khảo sát SV các khóa đào tạo chính qui về nội dung và chất lượng các học phần đào tạo của CTĐT thuộc các ngành đào tạo đại học, mỗi năm 1 lần tổ chức khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng ngành/khóa đào tạo. Kết quả khảo sát được dùng làm căn cứ xây dựng và chỉnh sửa CTĐT phù hợp với thực tế [H2.05.01.04; H2.05.02.03].

Chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học cũng được xây dựng đảm bảo phù hợp, hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học [H2.05.02.04]. Đối với chương trình đào tạo liên thông các ngành đào tạo giáo viên, chương trình đảm bảo tính liên thông từ khối kiến thức trong chương trình trước đó người học đã tích lũy. Chương trình đảm bảo có khối kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành. Thời lượng thực hành đều được thể hiện trong từng môn học. Đối với kiến thức về kỹ năng nghề nghiệp, học viên được thực hiện bài tập nghiệp vụ dưới sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành phương pháp giảng dạy bộ môn. [H2.05.02.05].

Các chương trình bồi dưỡng được Trường xây dựng đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành. Nội dung các chuyên đề đều thể hiện rõ số tiết lý thuyết bồi dưỡng trực tiếp, số tiết thực hành phù hợp với yêu cầu của chuyên đề đó. Thời lượng thực hành được giảng viên hướng dẫn trực tiếp thông qua các hoạt động tổ chức tại lớp, sau đó học viên tự triển khai tại đơn vị công tác, tại lớp học. Sau mỗi đợt bồi dưỡng, học viên phải viết bài thu hoạch và lấy kết quả để đánh giá toàn khóa bồi dưỡng [H2.05.01.07].

Một số chuyên đề bồi dưỡng dành cho giáo viên, ngoài phần triển khai kiến thức lý thuyết, giảng viên hướng dẫn và tổ chức thực hành tại lớp thông qua nhiều phương thức: tổ chức sinh hoạt nhóm, thực hành trên các thiết bị trường học cụ thể hoặc tổ chức cho giáo viên dạy thực hành tại một lớp học sinh.... [H2.05.02.05]. Qua khảo sát sau mỗi đợt tập huấn, các học viên là giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục cảm thấy hài lòng và đánh giá cao về chất lượng bồi dưỡng đối với các chuyên đề có sự phân bố hợp lý giữa lý thuyết phần thực hành vì họ được “cầm tay chỉ việc” [H2.05.02.06].

2.5.3. Việc phân bố các học phần đảm bảo tính hợp lý đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

Mỗi chương trình đào tạo chính quy của trường có 110 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 40 đến 50 tín chỉ tự chọn trong đó chọn ra khoảng 25 tín chỉ giúp người học dễ dàng sắp xếp kế hoạch học tập các nhân, có thể học vượt, học hai ngành trong cùng một thời điểm đào tạo. Tùy vào năng lực của mình mỗi học kỳ sinh viên có thể chọn và học tích lũy từ 14 đến 20 tín chỉ. Tất cả học phần đều được đánh mã số, phân loại dựa trên nhóm kiến thức và theo khoa quản lý. Điều kiện tiên quyết quy định trong

các học phần đảm bảo nguyên tắc khoa học trong thiết kế kế hoạch học tập cá nhân của từng sinh viên. Các học phần tự chọn được bố trí ngay từ học kỳ 2 giúp cho người học linh hoạt trong việc tăng cường những kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế thị trường lao động [H2.04.02.07; H2.05.03.01]. Việc đảm bảo tính liên thông các trình độ và liên thông các CTĐT là yêu cầu bắt buộc của Nhà trường trong thiết kế và xây dựng CTĐT. CTĐT có tính liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học được thể hiện bởi việc bảo lưu nhiều học phần tương đương được tích lũy ở bậc cao đẳng và do vậy giảm chi phí đào tạo cũng như rút ngắn được thời gian đào tạo còn 1,5 năm đến 2,0 năm. Tính liên thông giữa các CTĐT được thể hiện cụ thể như khối kiến thức chung với thời lượng 20 tín chỉ và khối kiến thức về Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh được thống nhất chung cho tất cả các CTĐT bậc đại học của Trường. Các CTĐT trong nhóm ngành đều có khối kiến thức chung của nhóm, ví dụ CTĐT nhóm các ngành sư phạm Vật lý, sư phạm Hóa học, sư phạm Sinh học có các tín chỉ chung về toán học, nhóm các ngành sư phạm Địa lý, sư phạm Lịch sử có các tín chỉ chung mà SV ngành này có thể đăng ký học cùng các ngành khác thể hiện trong mã môn học của các CTĐT. Tính liên thông trong các CTĐT, giữa các CTĐT của Trường ĐHSPHN và các trường khác đã tạo cơ hội với nhiều thuận lợi cho SV học văn bằng 2 các ngành trong cùng nhóm ngành, vì được bảo lưu nhiều học phần đã được tích lũy từ văn bằng thứ nhất, trong đó có qui định rõ những môn học được miễn, giảm khi có khối kiến thức đã tích lũy tương đương [H2.05.03.02]

Đối với chương trình VLVH, từ năm 2017 Trường đã chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ áp dụng Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. CTĐT hệ VLVH có nội dung như CTĐT chính quy [H2.05.03.03]. Kế hoạch đào tạo được tổ chức theo từng học kỳ, mỗi học kỳ từ 15 đến 20 tín chỉ và được bố trí đào tạo thường vào các buổi tối, thứ 7, chủ nhật hoặc thời gian hè (đối với các chương trình đào tạo giáo viên tại các tỉnh có điều kiện đi lại khó khăn) tạo thuận lợi cho người học vừa đi làm vừa đi học [H2.05.03.04].

Trước yêu cầu của việc thay đổi sách giáo khoa và áp dụng chương trình phổ thông mới, Trường luôn chủ động xây dựng, cập nhật hệ thống các chương trình bồi dưỡng giáo viên thông báo tới các cơ sở giáo dục và giáo viên trong cả nước. Đồng thời, căn cứ vào đề xuất của người học thông qua các cơ sở giáo dục và các đơn vị liên kết, các chương trình bồi dưỡng giáo viên của Trường được triển khai linh động dịch

chuyển sao cho phù hợp với từng đối tượng [H2.05.01.07]. Kế hoạch bồi dưỡng được thực hiện chủ yếu vào dịp hè, thứ 7, chủ nhật [H2.05.03.04].

2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

Nhà trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học giúp người học làm quen với chương trình giáo dục phổ thông ngay cả khi đang được đào tạo tại Trường. Trường có hệ thống phòng thực hành phương pháp với nhiều trang thiết bị dạy học hiện đại giúp người học có điều kiện thực hành các tình huống sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm một cách thường xuyên. Đặc biệt, Trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm của trường được thành lập từ năm 2013 đã đóng góp quan trọng trong công tác rèn luyện kỹ năng nghề và phát triển năng lực sư phạm của sinh viên. Bắt đầu từ học kì I năm thứ 2, SV liên tục được xuống trường phổ thông để tìm hiểu, học tập, thực hành, thực tập sư phạm và tìm hiểu, học tập các tình huống đa dạng thường xảy ra trong các nhà trường phổ thông. Ngoài ra, hằng năm Trường còn tổ chức hội thi Nghiệp vụ sư phạm dành cho người học khối ngành sư phạm, đây là cơ hội để người học làm quen, học tập biện pháp giải quyết các tình huống sư phạm có thể phát sinh trong thực tế [H2.05.04.01].

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến SV về ngành/khóa đào tạo trước khi ra trường. Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy đa số SV đều hài lòng với công tác tổ chức đào tạo, sự tư vấn cũng như hỗ trợ học tập tạo điều kiện cho người học học tập linh hoạt. [H2.05.04.02].

2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.

Trường đã có đầy đủ cơ sở vật chất (phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, các trang thiết bị), đội ngũ cán bộ giảng viên, nguồn lực tài chính để đáp ứng được hoạt động đào tạo [H2.05.05.01; H2.05.05.02; H2.05.05.03]. Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học hằng năm dựa trên nguồn lực hiện có nhằm đảm bảo tốt nhất kế hoạch học tập cho người học và đảm bảo chất lượng cũng như thời gian học được thiết kế của CTĐT qua đó đáp ứng các chuẩn đầu ra [H2.05.05.04]. Kết quả khảo sát SV khi tốt nghiệp hằng năm cho thấy trên 65% SV cho rằng “CSVC của trường đáp ứng tốt các yêu cầu học tập và thực hành của ngành học” [H2.05.04.02].

Thời khóa biểu được Nhà trường xây dựng bám sát kế hoạch năm học và kèm theo hướng dẫn lộ trình học để người học có thể đáp ứng khối lượng kiến thức cần có theo thiết kế của CTĐT [H2.05.03.01]. Kế hoạch đào tạo của các lớp đại học hệ VLVH được xây dựng một cách mềm dẻo, linh hoạt, vừa đảm bảo được yêu cầu của các môn học, vừa tạo điều kiện cho người học được tham gia đầy đủ không ảnh hưởng đến công việc. Đối với các chương trình đào tạo giáo viên, hoạt động đào tạo chủ yếu diễn ra vào các ngày cuối tuần (Thứ Bảy, Chủ nhật); đối với các tỉnh miền núi, điều kiện đi lại khó khăn sẽ diễn ra vào các kì nghỉ hè. [H2.05.05.04]

Kết quả học tập của người học được tổng kết theo từng học kỳ nhằm mục đích định hướng lộ trình học đúng nhất để người học có thể hoàn thành CTĐT một cách tốt nhất với thời gian ngắn nhất [H2.05.05.05].

Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng diễn ra linh hoạt, mềm dẻo phù hợp với đối tượng tham gia. Thời gian bồi dưỡng có thể vào các ngày cuối tuần, liên tục trong hè hoặc bồi dưỡng từng đợt. Kế hoạch bồi dưỡng cũng có thể được bố trí cho phù hợp với yêu cầu của địa phương (do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì) [H2.05.05.05].

2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Hệ thống chương trình bồi dưỡng của trường ĐHSPTN phong phú và được thực hiện một cách linh hoạt về thời gian học tập cho học viên, có thể học vào mùa hè, hoặc ban đêm; linh hoạt về nội dung để đáp ứng cho từng đối tượng, theo nhu cầu công việc, thực tiễn địa phương; linh hoạt về phương pháp giảng dạy theo từng đối tượng học tập: học nhóm, học với hình thức trải nghiệm; linh hoạt về địa điểm tổ chức các lớp học tại địa phương và tại trường; linh hoạt về hình thức giảng dạy, trực tuyến, bài giảng điện tử, trực tiếp [H2.04.03.10; H2.05.05.06].

Sau mỗi đợt bồi dưỡng, Trường tổ chức lấy phiếu ý kiến phản hồi của người học, từ đó có những điều chỉnh cụ thể về nội dung các chuyên đề bồi dưỡng cũng như công tác tổ chức để triển khai trong những năm tiếp theo [H2.05.02.06].

b. Điểm mạnh

- Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng đều có chuẩn đầu ra rõ ràng.
- Nội dung các chương trình đào tạo đều đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học

có sự hiểu biết toàn diện, có đầy đủ các năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học

- SV được tiếp xúc với môi trường GD phổ thông sớm nên đã chủ động trong hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giáo dục.

- Các chương trình bồi dưỡng thường xuyên thường xuyên được cập nhật giúp người học có thể tiếp cận một cách nhanh nhất trước yêu cầu thay đổi sách giáo khoa và áp dụng chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Hệ thống chương trình bồi dưỡng đa dạng được triển khai linh hoạt nên đã đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng và địa phương.

c. Điểm tồn tại

Việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về sự phù hợp của nội dung CTĐT với chuẩn đầu ra, tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành và phù hợp với nhu cầu học tập của từng cá nhân chưa được triển khai đồng bộ và xử lý một cách hệ thống, đặc biệt là hệ vừa làm vừa học.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thu thập được ý kiến phản hồi của cựu SV hệ không chính quy một cách rộng rãi về tính hợp lý và chất lượng của các CTĐT và chương trình bồi dưỡng	TT Đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên TT ĐBCL	2019	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá các CTĐT và bồi dưỡng dành giáo viên & cán bộ quản lý giáo dục theo chương trình ETEP	TT ĐBCL, TT ĐT và BD thường xuyên, Ban QL ETEP của trường	2019	2020

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 5	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7

Chỉ số 2.5.1				4			
Chỉ số 2.5.2				4			
Chỉ số 2.5.3				4			
Chỉ số 2.5.4				4			
Chỉ số 2.5.5					5		
Chỉ số 2.5.6				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.2						

❖ **Tự đánh giá tiêu chuẩn 2**

Tiêu chuẩn 2	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Tiêu chí 2.4: Phát triển chương trình</i>							
Chỉ số 2.4.1: Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao				4			
Chỉ số 2.4.2: Các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán				4			
Chỉ số 2.4.3: Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan				4			
Điểm tiêu chí	4						
<i>Tiêu chí 2.5 Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện</i>							
Chỉ số 2.5.1: Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế				4			
Chỉ số 2.5.2: Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực				4			

hiện hiệu quả các hoạt động dạy học							
Chỉ số 2.5.3: Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học				4			
Chỉ số 2.5.4: Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông				4			
Chỉ số 2.5.5: Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra					5		
Chỉ số 2.5.6: Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông				4			
Điểm tiêu chí	4.2						
ĐIỂM TIÊU CHUẨN	4,11						
ĐIỂM NĂNG LỰC	4						

3. Tiêu chuẩn 3: NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

3.6. Tiêu chí 6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

a. Mô tả

3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.

Kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHCN của Trường đã được xây dựng trong bản Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030, sửa đổi bổ sung trong bản Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2035. Kế hoạch được cụ thể thành mục tiêu tổng quát và các tiêu chí phấn đấu của Đảng bộ của

Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2015-2020 [H3.06.01.01]. Trường quy định rõ về Tổ chức, nội dung quản lý hoạt động khoa học công nghệ và chức năng, nhiệm vụ của cá nhân, đơn vị của Trường trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSPHN của Nhà trường ban hành năm 2011 và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSPHN mới thay đổi và ban hành tháng 9/2019[H3.06.01.02].

Để phát triển hoạt động khoa học Trường đã xây dựng Quy định hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHSPHN. Trong Quy định đã nêu rõ định hướng khoa học công nghệ của Trường; quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, đơn vị của Trường trong hoạt động KH&CN, quy định và hướng dẫn các hoạt động KH&CN. Với định hướng là trường đại học nghiên cứu có uy tín khu vực và trên thế giới và trách nhiệm đào tạo giáo viên chất lượng cao, Trường đã xây dựng và ban hành kèm theo Quy định hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHSPHN, Định hướng nghiên cứu Khoa học Giáo dục: Triết lí, mục tiêu, quản lý giáo dục nhà trường phổ thông và ĐHSP; Chuẩn, nội dung giáo dục, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục; Cơ sở vật chất, phương tiện dạy học; Đánh giá và kiểm định; Nghiên cứu về khoa học giáo dục, nghiên cứu cơ bản trong KHGD [H3.06.01.03].

Hàng năm, Trường triển khai các hoạt động KH&CN gồm: Các đề tài, dự án, chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN của Nhà nước, Bộ/ngành; Các dự án đầu tư trang thiết bị KH&CN, nhiệm vụ về thông tin KH&CN của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp Trường; Các hoạt động KH&CN khác của Trường (hội thảo, trao đổi học thuật, hoạt động NCKH của sinh viên...). Kết thúc năm học, Trường có tổng kết đánh giá hoạt động KH&CN và kế hoạch hoạt động KH&CN năm học mới [H3.06.01.04]. Trường tổ chức các hội thảo đánh giá hoạt động KH&CN của Trường như: Hội thảo “Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giảng dạy của giảng viên ĐHSPHN” (năm 2013); Hội thảo “Giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu KHGD của trường ĐHSPHN” (năm 2015) [H3.06.01.05; H3.06.01.06]. Đặc biệt từ tổng kết và kết luận của Hội thảo: “Tăng cường công tác khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong giai đoạn 2014-2020” (Năm 2014) và được Nhà trường xây dựng thành định hướng phát triển Khoa học và Công nghệ của Trường, đưa vào Quy định hoạt động khoa học và công nghệ [H3.06.01.02; H3.06.01.03]. Năm 2018, Trường đã xây dựng được kế hoạch nghiên cứu và phát triển năng lực nhà trường trong khuôn khổ chương trình ETEP [H3.06.01.07].

Trường thành lập 2 Hội đồng Tư vấn KHGD và KHXH để tư vấn xây dựng nhiệm vụ và đánh giá kết quả hoạt động KHXH&NV của Trường [H3.06.01.08]. Đầu năm 2018, các hội đồng tư vấn đã họp rà soát hoạt động KHCN của Trường và đưa ra định hướng hành động cụ thể [H3.06.01.09] như: Phát triển giáo dục STEM; Tổ chức thường kỳ Hội thảo quốc tế về Khoa học Giáo dục - Ngày 14-15/12/2019 Trường Đại học Sư phạm tổ chức Hội thảo Quốc tế “Đổi mới sáng tạo trong dạy học và đào tạo bồi dưỡng giáo viên” lần thứ 1, hiện đã có hơn 20 nhà khoa học Quốc tế đăng ký tham dự [H3.06.01.10]; Mở rộng hợp tác với các cơ quan, tổ chức, Sở KH&CN... Năm 2018, 2019 Trường mở rộng hợp tác đăng ký thực hiện đề tài cấp Tỉnh của Sở KH&CN Thanh Hóa, Sơn La, Hải Dương và nhiệm vụ KHCN với Cục Quản lý đề và Phòng chống thiên tai [H3.06.01.11].

Tuy Trường có kế hoạch dài hạn về KHCN nhưng kế hoạch KHCN năm chưa thống nhất với kế hoạch dài hạn và hàng năm chưa có đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dài hạn.

3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục.

Trong Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ Trường; Định hướng phát triển khoa học và công nghệ trong Quy định hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHSPTN; Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới luôn nhấn mạnh ưu tiên đầu tư phát triển Khoa học Giáo dục [H3.06.01.01, H3.06.01.02, H3.06.01.04]. Trường có những ưu tiên về đầu tư về trang thiết bị cho nghiên cứu KHGD [H3.06.02.01]. Trường đã đầu tư các phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm và thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm [H3.06.02.02].

Trường đầu tư riêng kinh phí đặt hàng nhiệm vụ về KHGD, tính đến nay, Trường đã đặt hàng thực hiện 9 nhiệm vụ KHGD với tổng số tiền đầu tư là: 550 triệu đồng. Năm 2013, Trường ưu tiên thực hiện 7/10 đề tài trọng điểm Trường là đề tài KHGD với số kinh phí 960/1400 triệu đồng. Năm 2018, Trường đã đầu tư triển khai 2 nhiệm vụ trọng điểm cấp Trường [H3.06.02.03];

Tận dụng các nguồn đầu tư cho KHGD, trong năm 2017, 2018 Trường đã được duyệt thực hiện 5 đề tài trong chương trình KHGD/16-20 với tổng kinh phí thực hiện 16,7 tỷ đồng; 01 đề tài thuộc chương trình Tây Bắc, kinh phí 2,96 tỷ đồng; 01 đề tài độc lập cấp nhà nước kinh phí 2,95 tỷ đồng [H3.06.02.04]. Trong các năm từ 2014 đến

2018 cán bộ Trường thực hiện 10 đề tài Quỹ NAFOSTED, tổng kinh phí thực hiện 6.388 triệu đồng và 49 nhiệm vụ, đề tài KHGD cấp Bộ, tổng kinh phí 10.835 triệu đồng [H3.06.02.05];

Trong khuôn khổ chương trình ETEP, Trường có nguồn đầu hỗ trợ cho các hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển KHGD của Trường. Năm 2017, 2018 dự án ETEP đầu tư thực hiện 15 đề tài phục vụ đánh giá và phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và đổi mới quản lý của nhà trường [H3.06.02.06].

Hàng năm trường dành riêng nguồn kinh phí xuất bản giáo trình. Năm 2015, Trường đầu tư xây dựng và xuất bản bộ sách 1 bộ sách “Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh” (2 tập) [H3.06.02.07].

Ưu tiên định hướng phát triển giáo dục STEM, trong kế hoạch đã dự kiến xây t khai các nhiệm vụ nghiên cứu về STEM, tổ chức đấu thầu và đã được chọn nhiệm vụ STEM cấp nhà nước, tổ chức và hỗ trợ cho cán bộ tham dự hội thảo khoa học về STEM [H3.06.02.08].

Với sự đầu tư về NCKHGD, bước đầu nhà trường đã có sự phát triển, đổi mới trong khoa học giáo dục. Trang web dạy học *Diễn đàn hỗ trợ dạy và học tích cực (giaoducphothong.edu.vn)* do Trung tâm Học liệu quản lý, được hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đã được sử dụng rộng rãi trên toàn quốc. Từ đầu tư các nhiệm vụ KHGD, Trường hình thành được hướng nghiên các nhóm nghiên cứu về Phát triển chương trình nhà trường, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục STEM; Các nhóm này đã xuất bản được sách chuyên khảo, sách tham khảo dùng cho nhà giáo dục, giáo viên, sinh viên, học sinh và tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu, phát triển nhiệm vụ thành nhiệm vụ cấp Bộ B2014-17-05NV, B2016-SPH-03, B2016-SPH-04, B2016-SPH-10, B2017-SPH-29, KHGD/16-20.ĐT.039 [H3.06.02.03; H3.06.02.05; H3.06.02.08; H3.06.02.09].

Mặc dù, trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục, nhưng chưa có đánh giá riêng và kế hoạch rõ ràng của từng năm.

3.6.3. Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học

Nghị Quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2015-2020) Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội đã nêu rõ “Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học làm tiền đề giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng triển khai các nghiên cứu ứng

dụng vào đời sống, sản xuất và thực tiễn đổi mới giáo dục và đào tạo ở các bậc học” [H3.06.01.01]. Trong phương hướng năm học việc gắn kết NCKH với đào tạo cũng luôn được đưa ra trong phần giải pháp [H3.06.01.04]. Hoạt động nghiên cứu khoa học và các kết quả nghiên cứu của giảng viên thường được giảng viên tích hợp và ứng dụng ngay vào các hoạt động giảng dạy của mình như bổ sung làm mới môn học mà giảng viên đảm nhiệm, đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ, cập nhật vào các hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, nên các nghiên cứu của trường ít nhiều đều được tích hợp hay ứng dụng vào hoạt động dạy và học. Các nhiệm vụ nghiên cứu cũng bổ sung nguồn sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo phục vụ cho nghiên cứu, cho dạy và học các trường sư phạm và giáo dục phổ thông [H3.06.03.01; H3.03.06.02].

Với xu thế đổi mới cập nhật cho giáo dục phổ thông, Trường đã định hướng và đặt hàng các nghiên cứu, các giảng viên của Trường đã chủ động nghiên cứu các hướng mới mang tính thời sự như phát triển chương trình Nhà trường; Dạy học, kiểm tra, đánh giá theo năng lực; dạy học tích hợp; Giáo dục STEM trong dạy học, LAMAP... [H3.06.02.03, H3.06.02.05]. Ngoài các bài báo, sách xuất bản theo các hướng nghiên cứu mới, năm 2018, chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn được đưa vào các môn học mới như phát triển chương trình, dạy học tích hợp, kiểm tra đánh giá theo năng lực, dạy học theo định hướng STEM hoặc cập nhật nội dung vào môn học [H3.03.06.03].

Từ những định hướng và đầu tư của Trường đã phát triển được các nhóm nghiên cứu như STEM, trải nghiệm sáng tạo, phát triển chương trình nhà trường, hướng nghiệp... và đầu tư nghiên cứu. Những nhiệm vụ này đã được cập nhật vào chương trình đào tạo và đổi mới hoạt động dạy và học của trường. Các khoa SPKT, Vật lí, Hóa học, Sinh học đã cập nhật giáo dục STEM vào các môn phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo sinh viên, học viên sau đại học như trong chương trình đào tạo sau đại học Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học, đã bổ sung môn Hoạt động trải nghiệm giáo dục STEM [H3.06.03.04]. B2016 - SPH - 05 (Đào tạo năng lực giáo dục hướng nghiệp cho sinh viên đại học sư phạm) đã góp phần xây dựng và bổ sung chuyên đề Giáo dục hướng nghiệp cho ngành đào tạo Sư phạm công nghệ của trường [H3.06.03.05]. Đề tài SPHN 2014 -17 - 04 NV (Nâng cao năng lực phát triển chương trình nhà trường cho giáo viên phổ thông) và B2016 - SPH - 03 (Nghiên cứu

đề xuất khung năng lực và hình thành năng lực phát triển chương trình nhà trường phổ thông cho sinh viên đại học sư phạm) đã cập nhật vào nội dung chuyên đề "Phát triển chương trình nhà trường phổ thông" dạy cho cao học QLGD [H3.06.03.06].

Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào giảng dạy được tổng kết, đánh giá trong các báo cáo của Trường và báo cáo hội thảo như báo cáo “Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ của Trường ĐHSPHN” tại Hội thảo kỷ niệm 65 năm thành lập Trường ĐHSPHN [H3.06.03.07]. Chính sách khuyến khích phát triển ứng dụng kết quả nghiên cứu vào dạy và học cũng được quy định tại Quy định về KHCN (điều 9, mục 5) của trường. Cụ thể đó là “*Ưu tiên phê duyệt thực hiện các đề tài có triển vọng, phục vụ trực tiếp công tác đổi mới giáo dục đào tạo của Trường, ngành*” [H3.06.01.03]

Kết quả nghiên cứu của trường đặc biệt là các nghiên cứu KHGD đều hướng tới ứng dụng cho đổi mới dạy và học, nhưng trường vẫn còn ít các nhiệm vụ đặt hàng có sản phẩm ứng dụng trực tiếp cho hoạt động dạy và học của các đơn vị giáo dục, đào tạo trong trường, cũng như của các đơn vị giáo dục ngoài trường. Trường chưa có kế hoạch thường xuyên về các nhiệm vụ ứng dụng và ứng dụng kết quả nghiên cứu trong dạy và học

3.6.4. *Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế*

Trường luôn xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ KH&CN mang tính thời sự thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục, góp phần hoạch định chính sách cho giáo dục. Trong chuỗi 9 đề tài về đổi mới đào tạo giáo viên có kết quả nghiên cứu đề tài đã được chuyển thành tài liệu tham khảo cho các trường sư phạm trong đổi mới chương trình đào tạo như sách chuyên khảo: *Mô hình đào tạo giáo viên theo định hướng phát triển năng lực nghề; Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường ĐHSP* [H3.06.04.01; H3.06.04.02]. Đặc biệt, việc đánh giá chương trình nghiệp vụ sư phạm và đề xuất chương trình nghiệp vụ sư phạm mới của đề tài “*Giải pháp đổi mới đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông trong thời kỳ mới*” đã làm căn cứ cho các trường ĐHSP thống nhất chương trình nghiệp vụ chiếm gần 25% thời lượng

đào tạo [H3.06.04.03]. Trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo có một số vấn đề mới như phát triển chương trình, trải nghiệm sáng tạo, tích hợp liên môn, trường xây dựng kế hoạch cho đề tài trọng điểm và nhiệm vụ cấp Trường [H3.06.02.03] và định hướng đăng ký các nhiệm vụ cấp Bộ hướng tới đào tạo phát triển các năng lực cho sinh viên như năng lực phát triển chương trình nhà trường, năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, năng lực thiết kế chủ đề thuộc chương trình địa phương, năng lực giáo dục hướng nghiệp, năng lực tổ chức giáo dục đạo đức học sinh, năng lực tổ chức hoạt động giáo dục thể chất thuộc các đề tài B2016 - SPH - 03, B2016 - SPH - 04, B2016 - SPH - 05, B2016 - SPH - 06, B2016 - SPH - 09 B2016 - SPH - 10; B2016 - SPH - 11 [H3.06.04.04]. Sách chuyên khảo và bộ tài liệu do nhiệm vụ của trường được phát hành toàn quốc [H3.06.03.09]

Trường ĐHSPHN được Bộ GD&ĐT giao một số nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất chính sách cho ngành như giao cho PGS.TS. Nguyễn Công Khanh chủ trì thực hiện nhiệm vụ chỉnh sửa thông tư 30/2014/TT-BGD&ĐT về đánh giá học sinh tiểu học. Ngày 22/09/2016 Bộ GD&ĐT đã cho ban hành thông tư 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung và giao cho PGS.TS. Nguyễn Công Khanh nghiên cứu đề tài KHCN/16-20.ĐT016 để tiếp tục hoàn thiện thông tư 22 và đưa vào đánh giá trong chương trình phổ thông [H3.06.04.05]. Nhiệm vụ nghiên cứu dự báo giáo viên phổ thông trên toàn quốc (trường ĐHSPHN và trường ĐHSPTP HCM cùng thực hiện, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện bằng đề tài KHGD/16-20.ĐT10 và đã có nhiều văn bản tư vấn, đề xuất với Bộ GD&ĐT [H3.06.04.06]; Nghiên cứu xây dựng khung bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học (PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn được phân công Trưởng nhóm) [H3.06.04.07].

Kết quả của một số nhiệm vụ nghiên cứu trong chương trình ETEP năm 2017 đã được sử dụng cho ngành giáo dục. Kết quả nhiệm vụ HD3 - Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy trình lựa chọn và nhiệm vụ của giảng viên sư phạm chủ chốt, đã được tích hợp vào thành 1 điều của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Bộ công cụ của nhiệm vụ HD12 - Xây dựng bộ công cụ, đề xuất phương án phân tích, tổng hợp xử lý số liệu và khảo sát đánh giá nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp, đã được 8 trường đại học sử dụng khảo sát trên tất cả 64 tỉnh thành [H3.06.04.08].

Về Giáo dục đặc biệt, Trường đã có nhiều công trình nghiên cứu từ cấp trường đến cấp Bộ và các dự án quốc tế. Các giảng viên thường xuyên đi giảng và tư vấn cho các

trung tâm giáo dục đặc biệt trên toàn quốc. Năm 2018 - 2019, Trường đã phối hợp với Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam thực hiện dự án viết và xuất bản 2 tài liệu về Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỷ tại Việt Nam; Một tài liệu dành cho phụ huynh và người nuôi dưỡng; Một tài liệu dành cho cán bộ và kỹ thuật viên can thiệp; Tài liệu sẽ được đưa đến các trung tâm bảo trợ xã hội và các trung tâm giáo dục đặc biệt và phổ biến toàn quốc [H3.06.04.09].

Ngoài ra, các nhà khoa học của trường còn tham gia với tư cách là tác giả chương trình, sách giáo khoa phổ thông, sách tham khảo cho giáo viên và HS các cấp [H3.06.03.05]. Các chương trình bồi dưỡng mới được giới thiệu và triển khai ở các sở giáo dục và đào tạo trong cả nước [H3.06.04.10].

Kết quả nghiên cứu của trường được phổ biến và sử dụng toàn quốc. Việc phổ biến kết quả nghiên cứu với khu vực và quốc tế chủ yếu thông qua bài báo công bố. Trong 5 năm vừa qua, cán bộ của Trường đã công bố được nhiều bài báo khoa học KHGD đăng tạp chí Quốc tế [H3.06.04.11].

Năm 2017 - 2018, nhóm STEM và các nghiên cứu giáo dục STEM của Trường đã hợp tác với Đài Loan, tham gia dự án chung và có Bản thoả thuận hợp tác được ký giữa Trung tâm Học liệu với Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Khoa học của ĐHSPT Đài Loan, tham gia hội thảo tại Đài Loan tháng 11-12/2018. Trường ĐHSPTN tham gia đồng tổ chức Hội thảo STEM 13-15/8/2018 tại Thái Lan. Năm 2019, Trường có 2 dự án STEM hợp tác với Hợp tác với Đại học Dundee, Scotland và nhóm nghiên cứu của Cambuchia [H3.06.04.12].

Tuy trường có bản định hướng nghiên cứu khoa học giáo dục và kế hoạch xây dựng đặt hàng nghiên cứu, nhưng chưa có kế hoạch tạo ra sản phẩm và hướng dẫn triển khai cụ thể định hướng nghiên cứu khoa học giáo dục

b. Điểm mạnh

- Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới và được cụ thể trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, trong kế hoạch hàng năm, được hội đồng tư vấn KHGD và KHXH của Trường, tư vấn thực hiện hoạt động cụ thể và hiện thực hóa bằng kết quả hoạt động.

- Trường đầu tư thực hiện hiện các nhiệm vụ trọng điểm KHGD phục vụ hoạt động giáo dục của Nhà trường và nguồn đầu tư phát triển KHGD của ETEP, tận dụng nguồn đầu tư của Chương trình KHGD/16-20 thực hiện 5 đề tài cấp Nhà nước.

- Các nghiên cứu của trường phần lớn đều phục vụ cho giáo dục, đào tạo như đào tạo người học trong làm luận văn cử nhân, thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo tiến sĩ; đổi mới chương trình đào tạo giáo viên; đổi mới giáo dục phổ thông.

- Cán bộ của Trường là thành phần chủ chốt của Ban đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và là tác giả của sách giáo khoa và tài liệu tham khảo phổ thông

c. Điểm tồn tại

- Chưa có đánh giá hàng năm về thực hiện kế hoạch tổng thể, kế hoạch thực hiện hàng năm của KHCN chưa thống nhất với kế hoạch tổng thể, chưa rõ kế hoạch KHGD trong năm

- Trường chưa có những tổng kết đánh giá về hiệu quả đầu tư cho KHGD và chưa có kế hoạch kinh phí riêng cho KHGD của từng năm.

- Chưa định hướng xây dựng các nhiệm vụ, kinh phí nghiên cứu phục vụ đào tạo giáo viên và giáo dục phổ thông

- Chưa có đánh giá hiệu quả về áp dụng nghiên cứu giáo dục với đào tạo của Trường và phổ thông

- Chưa có nhiều công trình về KHGD phổ biến trong phạm vi khu vực và quốc tế.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Điều chỉnh kế hoạch tổng thể và xây dựng kế hoạch hàng năm cho phù hợp	Lãnh đạo Trường, Phòng KHCN	2019	2022
		Xây dựng kế hoạch và đánh giá hoạt động KHGD của từng năm	Các đơn vị NCKH		
2		Đánh giá đầu tư hoạt động KHGD	Lãnh đạo Trường, Phòng KHCN	2020	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
3		Thu thập ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên và các bên liên quan về hoạt động KHCN và KHGD của Trường	Phòng KHCN	2019	2022
4		Có chính sách ưu tiên đầu tư cho hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học giáo dục	Lãnh đạo Trường	2019	2022
5	Phát huy điểm mạnh	Tăng đề tài trọng điểm và nhiệm vụ đặt hàng phục vụ trực tiếp hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên	Phòng KHCN, Phòng Đào tạo, Sau đại học, Trung tâm bồi dưỡng thường xuyên	2019	2022
6		Đánh giá phân tích nhu cầu phát triển KHGD phù hợp với tình hình phát triển của Quốc gia	Lãnh đạo Trường, Phòng KHCN	2019	2022
7		Tổ chức Hội thảo Quốc tế thường niên về KHGD để tạo điều kiện giao lưu học hỏi và nâng cao năng lực viết và công bố bài trên các tạp chí quốc tế	Lãnh đạo Trường, Phòng KHCN	2019	2022

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 6	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.6.1				4			
Chỉ số 3.6.2				4			
Chỉ số 3.6.3				4			
Chỉ số 3.6.4				4			
Điểm TB của tiêu chí	4						

3.7. Tiêu chí 7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

a. Mô tả

3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Trường có hệ thống văn bản Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSHPN; Quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Ban Giám hiệu và các đơn vị; Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường ĐHSHP Hà Nội; Quy chế chi tiêu nội bộ [H3.06.01.02]; Quy định hoạt động khoa học và công nghệ [H3.06.01.03] đã quy định rõ yêu cầu hoạt động KHCN của giảng viên và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc hỗ trợ giảng viên tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Trường tổ chức hỗ trợ tối đa cho các giảng viên tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ: Trường có văn bản chi tiết hướng dẫn xây dựng kế hoạch KHCN, hướng dẫn tuyển chọn; hướng dẫn triển khai, báo cáo giai đoạn và tổng kết nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ kèm theo hệ thống quy trình, biểu mẫu đầy đủ [H3.07.01.01; H3.07.01.02; H3.07.01.03]. Trong quá trình thực hiện, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu được các đơn vị quản lý thông báo hướng dẫn và hỗ trợ về thủ tục hành chính như: tạm ứng và thanh toán tài chính [H3.07.01.04]; tổ chức mua sắm thiết bị của đề tài theo đúng yêu cầu của nhà nước [H3.07.01.05]; công văn, giấy giới thiệu triển khai nghiên cứu với các đối tác và đơn vị ứng dụng hay thông báo, giấy mời tổ chức hội thảo khoa học của đề tài [H3.07.01.06]; hướng dẫn xin điều chỉnh nội dung và thời gian thực hiện của đề tài và công văn đề nghị của trường với đơn vị chủ quản [H3.07.01.07]; Lãnh đạo hoặc đại diện phòng KH&CN của trường (đơn vị chủ quản của đề tài) tham dự buổi đánh giá thuyết minh đề tài, báo cáo tiến độ, nghiệm thu đề tài của cơ quan chủ trì [H3.07.01.08]. Trường có 2 email phục vụ công tác quản lý

khoa học đó là email: khoahoc@hnue.edu.vn để thông báo chung và trao đổi với các đơn vị cá nhân về hoạt động khoa học, đăng ký thực hiện đề tài nhiệm vụ khoa học và email: qldetai@hnue.edu.vn dùng để trao đổi, hướng dẫn triển khai đề tài với chủ nhiệm và nhóm thực hiện đề tài. Để các giảng viên và cán bộ nghiên cứu đăng ký và thực hiện nhiệm vụ khoa học thuận lợi, hệ thống hỗ trợ của trường luôn được điều chỉnh, cập nhật biểu mẫu như: khi thay thông tư 12/2011/BGD&ĐT quản lý đề tài khoa học cấp Bộ bằng thông tư 11/2016/BGD&ĐT, một số mẫu biểu, hướng dẫn tổng kết, nghiệm thu đề tài cấp Bộ của được chỉnh sửa theo thông tư mới [H3.07.01.09]; Thông tư 55/2015/BTC-BKHHCN thay Thông tư 44/2007/BTC-BKHHCN, trường cập nhật QĐ 5830/BGD&ĐT và xây dựng 2 mẫu dự trù kinh phí cho đề tài cấp Bộ [H3.07.01.10], ban hành quyết định số:11608/QĐ-ĐHSPHN hướng dẫn thực hiện kinh phí cho các đề tài cấp trường [H3.07.01.11]. Khi Bộ GD&ĐT có những thay đổi trong tuyển chọn đề tài, trường cũng có những hướng dẫn chi tiết và xây dựng mẫu chung như công văn, giấy đăng ký phối hợp, dự toán kinh phí, bì hồ sơ cho các đề tài đăng ký tuyển chọn [H3.07.01.12].

Trong các báo cáo tổng kết năm học và phương hướng công tác năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, đều đưa ra mục tiêu là gia tăng số lượng đề tài, nhiệm vụ KHHCN cho cán bộ, tăng số lượng nghiên cứu về KHGD, tăng tỉ trọng nguồn thu từ các hoạt động KHHCN trong toàn Trường; giải pháp đưa ra như bồi dưỡng năng lực cán bộ, hướng dẫn quy trình viết và gửi bài trên tạp chí quốc tế đặc biệt trong lĩnh vực KHGD và KHXH&NV, có cơ chế khuyến khích giảng viên NCKH, tăng cường đầu tư cho các đề tài thuộc lĩnh vực KHGD [H3.06.01.04].

Năm 2017 và 2018 Trường đã triển khai và hỗ trợ nhóm nghiên cứu xây dựng thuyết minh, đấu thầu 8 đề tài độc lập và thuộc chương trình KH&CN cấp Nhà nước trong đó có 6 đề tài thuộc KHGD [H3.06.02.04, H3.07.01.13]. Mở rộng thêm đề tài thực hiện ở Sở KH&CN Thanh Hóa, Hải Dương, Sơn La [H3.06.01.11]

Năng lực giảng viên được đánh giá chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc công bố công trình trên tạp chí Quốc tế có uy tín về KHGD [H3.06.01.04, H3.06.01.07]. Tháng 10/2018, Trường đã tổ chức tập huấn cho giảng viên về viết và công bố bài báo quốc tế trong khoa học xã hội và nhân văn do chuyên gia Úc và chuyên gia Hongkong giảng dạy nhằm giúp giảng viên của trường công bố bài quốc tế có chỉ số cho đề tài [H3.07.01.14].

Mặc dù, trường có hệ thống hướng dẫn về quy trình và biểu mẫu đầy đủ và luôn hỗ trợ về mặt hành chính phù hợp nhất cho giảng viên tổ chức thực hiện các đề tài nhưng trong hoạt động tìm kiếm nguồn đầu tư ngoài ngành giáo dục, chủ nhiệm đề tài phải chủ động tìm kiếm. Hiện chưa có hoạt động đánh giá, tham vấn cán bộ giảng viên về công tác hỗ trợ hoạt động NCKH của giảng viên.

3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Trường đã xác định các hoạt động KHCN của giảng viên trong Quy định hoạt động khoa học và công nghệ [H3.06.01.03], Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường ĐHSP Hà Nội [H3.06.01.02]. Các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được cụ thể liệt kê tính giờ theo 6 nhóm hoạt động: Chủ trì, tham gia đề tài, dự án KH&CN các cấp; Công bố bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí, hội thảo, hội nghị, xêmina khoa học; Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo được xuất bản; Hoạt động sáng tác, công bố tác phẩm của ngành âm nhạc - mỹ thuật; Tham gia hội đồng khoa học các cấp; Các hoạt động khoa học khác trong phụ lục “Hướng dẫn tính giờ hoạt động KHCN của giảng viên [H3.07.02.01]. Trường thực hiện tính giờ cho giảng viên bắt đầu từ năm học 2017-2018 làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên trong năm học. Giảng viên sẽ kê khai và minh chứng các hoạt động nghiên cứu khoa học của mình và được phòng KHCN kiểm tra xác thực giờ KHCN của giảng viên trong năm thông qua phần mềm do trung tâm CNTT quản lý [H3.07.02.02]. Trong quá trình triển khai thực hiện nhận được phản ánh của giảng viên, Nhà trường đã có điều chỉnh các tính giờ thực hiện đề tài chi theo năm thực hiện không tính 1 lần sau khi nghiệm thu theo quy chế [H3.07.02.03].

Ngoài việc xác định rõ ràng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường có hệ thống hỗ trợ giảng viên thực hiện hoạt động nghiên cứu như: hướng dẫn cán bộ, giảng viên, đơn vị nghiên cứu khoa học đăng ký thực hiện đề tài, nhiệm vụ trọng điểm, nhiệm vụ quản lý ngành, nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ hợp tác song phương,... cấp trường, cấp bộ/ngành, cấp nhà nước, quỹ KHCN quốc gia, quốc tế [H3.07.01.01]. Đối với nhiệm vụ cấp trường, trong Qui định hoạt động khoa học và công nghệ của trường đã xác định nhiều loại nhiệm vụ nghiên cứu khác nhau như: Dự án, nhiệm vụ, đề tài, đề tài trọng điểm, đề tài tự túc [H3.06.01.03]. Trường có tạp chí

khoa học có uy tín, từ năm 2015 tạp chí của trường có 3 số tiếng Anh/năm. Hằng năm tạp chí xuất bản 3 số Tự nhiên (2 số tiếng Việt, 1 số tiếng Anh, 2 số Xã hội, 2 số Giáo dục, 2-3 số đặc biệt; Tạp chí Dạy và học 8 số/năm [H3.07.02.04]; Nhà xuất bản Đại học Sư phạm xuất bản khai thác bản thảo của giảng viên, xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo phổ thông, sách tham khảo phục vụ nghiên cứu, giáo dục [H3.07.02.05]; Hội thảo khoa học của trường được Tạp chí và Nhà xuất bản hỗ trợ xuất bản kỹ yếu nên giảng viên ngoài việc đăng ký thực hiện đề tài còn có thể lựa chọn nghiên cứu và công bố bài báo và xuất bản sách phù hợp với hoạt động nghiên cứu [H3.07.02.06].

Các công trình khoa học của giảng viên được trường tổng hợp, xây dựng danh mục đề tài, công trình công bố và tổng kết đưa vào báo cáo chung của trường, báo cáo Bộ/ngành khi có yêu cầu [H3.07.02.07].

Từ những thực tế hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, đã có những chính sách của trường được điều chỉnh. Trong Quy chế KHCN và Quy chế chi tiêu nội bộ đã điều chỉnh mức hỗ trợ đăng bài báo khoa học quốc tế, khuyến khích bài báo khoa học xã hội và nhân văn bằng cách ưu tiên tính giờ cao gấp 2 lần bài quốc tế của khoa học tự nhiên và kỹ thuật [H3.07.02.01; H3.07.02.08].

Mặc dù các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác định rõ ràng tại phụ lục “Hướng dẫn tính giờ hoạt động KHCN của giảng viên” nhưng Trường có một số khoa đặc thù như Giáo dục Thể chất, Nghệ thuật, Quốc phòng và của một số giảng viên các khoa khác có những hoạt động ngoài các nội dung trong Hướng dẫn như tham gia các Hội đồng tư vấn, ban biên soạn chương trình sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tham gia huấn luyện các đội tuyển... nên cần có rà soát và có ý kiến của giảng viên để bổ sung các hoạt động trong Hướng dẫn của Trường.

3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường.

Vào đầu năm Nhà trường triển khai xây dựng danh mục đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ, cấp Trường, đề tài Quỹ NAFOSTED thực hiện trong năm bao gồm cả đề tài chuyển tiếp và đề tài duyệt mới. Các danh mục đề tài các cấp được bổ sung thường xuyên và cập nhật số lượng do đề tài được duyệt thực hiện rải rác trong năm, cuối năm được rà soát tổng thể [H3.07.03.01]. Danh mục đề tài thực hiện trường tổng hợp in thành quyển và đưa lên trang website của trường [H3.07.03.02]. Hệ thống thiết bị, phòng thí

nghiệm phục vụ nghiên cứu cũng được trường tổng hợp, cập nhật và kiểm kê định kỳ theo quy định của nhà nước [H3.07.03.03; H3.07.03.04]. Thiết bị phục vụ nghiên cứu được tổng hợp đánh giá và báo cáo toàn trường trong “Hội thảo Nâng cao lực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế” [H3.06.01.06]. Các hội thảo Quốc tế và hội thảo các cấp tổ chức tại Trường đều được thông báo công khai trên lịch tuần để cán bộ quan tâm đến tham dự.

Tuy nhiên, danh mục thiết bị chưa được đăng tải trên trang website của trường hay công bố danh mục. Danh sách đề tài cập nhật theo năm lên trang website của trường nhưng chưa cập nhật kết quả thực hiện đề tài.

b. Điểm mạnh

- Trường có hệ thống hướng dẫn và biểu mẫu đầy đủ để hỗ trợ cán bộ giảng viên thực hiện đề tài NCKH.

- Trường xác định rõ các hoạt động nghiên cứu khoa học đề giảng viên lựa chọn. Giảng viên được cấp mã riêng để tự cập nhật hoạt động nghiên cứu của mình vào phần mềm và được tính điểm đánh giá cán bộ theo học kỳ và năm học.

- Danh mục đề tài, thiết bị được cập nhật thường xuyên

c. Điểm tồn tại

- Chưa có tổng kết đánh giá hoạt động hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

- Chưa có tổng hợp rà soát bổ sung hướng dẫn tính giờ KHCN của giảng viên

- Danh mục thiết bị chưa được đăng tải trên trang website của trường hay công bố danh mục.

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 7	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.7.1				4			
Chỉ số 3.7.2				4			
Chỉ số 3.7.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4,0						

❖ Tự đánh giá tiêu chuẩn 3

Tiêu chuẩn 3	Thang đánh giá
---------------------	-----------------------

Tiêu chí 3.6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới							
Chỉ số 3.6.1: Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao				4			
Chỉ số 3.6.2: Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục				4			
Chỉ số 3.6.3: Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học				4			
Chỉ số 3.6.4: Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế				4			
Điểm tiêu chí	4						
Tiêu chí 3.7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới							
Chỉ số 3.7.1: Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ				4			
Chỉ số 3.7.2: Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình				4			
Chỉ số 3.7.3: Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường				4			

Điểm tiêu chí	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN	4.0
ĐIỂM MỨC NĂNG LỰC	4

4. TIÊU CHUẨN 4: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

4.8. Tiêu chí 8. Hợp tác vùng, địa phương

a. Mô tả

4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 đã chỉ rõ mục tiêu chiến lược trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng là: “nâng cao chất lượng các hệ đào tạo”, “Mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng yêu cầu của hệ thống giáo dục quốc dân và thị trường lao động” [H4.08.01.01]. Nhà trường cũng đặt ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019 phải đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới giáo dục và đào tạo [H4.08.01.02].

Căn cứ vào kế hoạch chiến lược phát triển và các Thông tư của Bộ GD&ĐT về xác định chỉ tiêu đào tạo hàng năm [H4.08.01.03], các thông tư về bồi dưỡng thường xuyên cho GVPT và CBQLGDPT [H4.08.01.04], các văn bản, quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.08.01.05] và tình hình thực tế của trường ĐHSPHN về nhân lực, vật lực... Trường ĐHSPHN đã xây dựng các chương trình đào tạo [H4.08.01.06] và các chương trình bồi dưỡng cho giáo viên và CBQLGDPT [H4.08.01.07]. Trong các năm học 2017 - 2018, 2018-2019, Nhà trường đã xây dựng lại hệ thống chuyên đề bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay [H4.08.01.08]. Hệ thống chuyên đề mới được xây dựng dựa trên việc đánh giá các chương trình bồi dưỡng của Nhà trường đang thực hiện, dựa trên chuẩn GVPT, chương trình GDPT 2018, nhu cầu bồi dưỡng của GVPT hiện nay [H4.08.01.09]; Tổ chức xây dựng 3 chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy các môn liên môn, tích hợp ở THCS và Tiểu học [H4.08.01.10]; Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh [H4.08.01.11].

Hàng năm, Trường đều ra thông báo tuyển sinh và gửi đến các Sở Giáo dục và

Đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước, ngoài ra Nhà trường cũng thông báo tuyển sinh trên website của Trường và của Trung tâm ĐT-BDTX [H4.08.01.12; H4.08.01.13]. Lãnh đạo Nhà trường cũng trực tiếp đến các Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở liên kết gặp gỡ, đối thoại với lãnh đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở liên kết, thông qua đó đánh giá kết quả hợp tác trong năm và giới thiệu thêm về công tác đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường [H4.08.01.14]. Nhà trường tiếp tục triển khai ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp tác với Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định, Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Đan Phượng, Hà Nội, Trường CĐSP Hưng Yên, Trường CĐSP Bà Rịa – Vũng Tàu, Trường Bồi dưỡng CBGD Hà Nội, Trường Đại học Hạ Long, Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên... [H4.08.01.15].

Các hình thức tổ chức bồi dưỡng cũng được bố trí linh hoạt bằng nhiều cách như tổ chức bồi dưỡng trực tiếp hoặc trực tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông. Thực tế, trường ĐHSPTHN đã bồi dưỡng cho hơn 800 GVPT, CBQLCSGDPT của các tỉnh Yên Bái, Điện Biên, Ninh Bình bằng hình thức trực tuyến [H4.08.01.16]; bồi dưỡng trực tiếp cho 1.178 GVPT tỉnh Ninh Bình, 2.043 GVPT của quận Cầu Giấy, Hà Nội [H4.08.01.17]. Trong năm học 2018-2019, Nhà trường tiếp tục tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho 32.187 HV và bồi dưỡng cấp chứng chỉ cho 15.886 [H4.08.01.18] GVPT, CBQLCSGDPT tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

Về tổ chức các khoá đào tạo, Nhà trường tiếp tục triển khai hợp tác đào tạo lại, đào tạo nâng chuẩn, đào tạo sau đại học cho đội ngũ giáo viên và CBQLGD tại các vùng, địa phương. Trong đó quy mô đào tạo đại học là 12.745 người [H4.08.01.19]; đào tạo sau đại học là 122 người [H4.08.01.20].

Việc tổ chức kế hoạch đào tạo, kiểm tra, đánh giá, xét và công nhận tốt nghiệp sau khi đào tạo được Nhà trường thực hiện theo đúng các quy định, quy chế của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H4.08.01.21].

Nhà trường đã khắc phục được một số tồn tại như thống nhất việc xây dựng kế hoạch học tập cho hệ vừa làm vừa học [H4.08.01.22], tăng cường ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp tác đào tạo và tổ chức các hoạt động dựa trên các biên bản đã ký kết.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ phía đối tác, người học, giảng viên làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi

dưỡng phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục

Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 thể hiện trường ĐHSPTHN có sứ mạng: “nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế”; việc “chuyển giao công nghệ trở thành nền tảng và động lực phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước” [H4.08.01.01]. Căn cứ vào nhu cầu xã hội và các bên liên quan, nhà trường đã chỉnh sửa Chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn mới 2017 - 2025 tầm nhìn 2030 [H4.08.02.01]. Nhà trường cũng chỉ ra giải pháp cho năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019 là tăng cường phối hợp với các viện nghiên cứu và các trường ĐH khác, với các doanh nghiệp và các địa phương trong nghiên cứu, triển khai và chuyển giao khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế [H4.08.01.02].

Dựa trên các văn bản cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường cũng đã phối hợp với nhiều trường đại học khác như Đại học Bách Khoa, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Hà Nội, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Hải Phòng... lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên các trường đại học này [H4.08.02.02]

Từ năm 2017 đến 2019, dựa trên kế hoạch phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai chương trình ETEP, Trường ĐHSPTHN (với vai trò đầu mối, chủ trì các chương trình đào tạo, bồi dưỡng) đã cùng với các Trường Đại học Sư phạm khác trong CLB Hiệu trưởng các Trường Đại học Sư phạm tổ chức nhiều hoạt động khoa học giáo dục [H4.08.02.03; H4.08.02.04], trong đó, Trường được giao nhiệm vụ tập trung vào việc xây dựng bộ công cụ khảo sát và tổ chức khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giáo viên phổ thông, CBQL CSGDPT trên toàn quốc [H4.08.02.05]. Trường làm đầu mối biên soạn bộ tài liệu Hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT 2018, xây dựng lại các chương trình đào tạo [H4.08.02.06] Ngoài ra, Trường còn tổ chức hội thảo với 30 sở giáo dục, hơn 30 trường THPT chuyên và 10 trường phổ thông có yếu tố nước ngoài về một số CTĐT giáo viên dạy chuyên ngành bằng Tiếng Anh [H4.08.02.07].

Trường đã ký kết biên bản hợp tác toàn diện với trường Đại học Hải Phòng, Đại

học Hạ Long qua đó có các hoạt động về khoa học giáo dục, trao đổi giảng viên, hướng dẫn cao học, nghiên cứu sinh, hợp tác về nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng giảng viên... Các giảng viên và các khoa đào tạo của các Trường trong khối sư phạm cũng hợp tác trao đổi học thuật, tham gia nghiên cứu đề tài, công bố chung công trình, phối hợp tổ chức các Hội thảo khoa học, tham gia các hội đồng khoa học. [H4.08.02.08; H4.08.02.09].

Đối với các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông, Trường cũng có nhiều phối hợp nhiều sự kiện về khoa học giáo dục. Trường đã ký kết các biên bản ghi nhớ với Hệ thống giáo dục Vinschool, Myquest... Dựa trên biên bản ghi nhớ, Trường đã cử giảng viên, sinh viên tham gia các hoạt động giáo dục, dạy học, giao lưu chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm với các trường phổ thông [H4.08.02.10]. Ngoài ra, Trường thường xuyên tổ chức các Hội thảo khoa học, Triển lãm khoa học công nghệ, Trải nghiệm STEM, Tư vấn tuyển sinh, Giới thiệu việc làm... nhằm công bố, giới thiệu và quảng bá các sản phẩm khoa học công nghệ, đặc biệt là các sản phẩm ứng dụng trong khoa học giáo dục của Nhà trường; tạo cơ hội thúc đẩy hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhu cầu; kết nối hoạt động nghiên cứu khoa học giữa các khoa trong trường; gắn kết các nghiên cứu khoa học của trường với hoạt động giảng dạy trong các trường mầm non, phổ thông; quảng bá tuyển sinh cho Nhà trường hay góp phần tạo cơ hội tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp [H4.08.02.11]. Đặc biệt, liên quan đến các điều kiện chuẩn bị thực hiện Chương trình GDPT 2018, Trường đã tổ chức các Hội thảo Dạy và học Tiếng Anh theo chương trình GDPT mới [H4.08.02.12], Hội thảo Thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng giảng viên Tiểu học đáp ứng chương trình GDPT mới [H4.08.02.13].

Mặc dù đã đẩy mạnh các hoạt động và tổ chức các sự kiện khoa học giáo dục, nhưng Nhà trường vẫn chưa thực hiện các đánh giá hiệu quả cũng như chưa có kế hoạch dài hạn cho hoạt động này.

b. Điểm mạnh

- Trường có kế hoạch chiến lược trong thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phối kết hợp với địa phương, các trường đại học, các trường ĐHSP triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện giáo dục

- Hệ thống chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên của Nhà trường thường xuyên được cập nhật, xây dựng mới nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

và cung cấp nền giáo dục chất lượng cao cho cộng đồng.

- Nhà trường luôn đẩy mạnh các mối quan hệ với các cơ sở liên kết đào tạo và các địa phương cả nước.

- Đội ngũ chuyên gia đầu ngành của Nhà trường về khoa học giáo dục tích cực tham gia các hoạt động phối hợp nghiên cứu, trao đổi học thuật, tư vấn giáo dục hoặc tham gia các chương trình dự án giáo dục của Bộ, các Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức khác.

- Với vai trò là trường đầu mối, chủ trì các hoạt động giáo dục trong chương trình ETEP, Trường đã phát huy thế mạnh của mình thông qua việc xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; tham gia các đề tài nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm khoa học ứng dụng và chuyển giao.

- Các sự kiện khoa học giáo dục của Nhà trường được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả, thu hút được sự tham gia của nhiều trường Đại học và các địa phương.

c. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ đối tác, giảng viên và người học để điều chỉnh kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

- Chưa có đánh giá tác động và kế hoạch tổng thể phát triển các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

d. Kế hoạch hành động

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức 1 - 2 hội thảo đánh giá các chương trình bồi dưỡng giáo viên, CBQLGDPT	Ban Giám hiệu, P.HCĐN, P.KHCN, Trung tâm ĐT-BDTX	2019	2020
2		Thực hiện việc lấy ý kiến của người học, cơ sở liên kết đào tạo về các chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng....	Trung tâm ĐT-BDTX	2019 (Thực hiện hàng năm)	2022

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
3		Xây dựng các chương trình đào tạo đại học VLVH theo hướng gắn với các chương trình đào tạo đại học chính qui mới của Nhà trường và chương trình GDPT 2018	Ban Giám hiệu, P.HCĐN, Trung tâm ĐT-BĐTX, các khoa	2019	2020
4		Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để xây dựng kế hoạch và đánh giá tác động của các hoạt động giáo dục	P.KHCN, TT NC&PTNVSP, NXB, Trung tâm ĐT-BĐTX	2019 (Thực hiện hàng năm)	2022
1		Hoàn thành 3 chương trình bồi dưỡng cho giáo viên dạy các môn liên môn, tích hợp ở THCS và Tiểu học	Ban Giám hiệu, P.HCĐN, P.KHTC, Trung tâm ĐT-BĐTX, các khoa	2019	2020
2		Biên soạn các module bồi dưỡng GVPT, CBQLCSGDPT	Ban Giám hiệu, P.HCĐN, P.KHTC, Trung tâm ĐT-BĐTX, các khoa	2019	2020
3	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng hợp tác vùng, địa phương từ 3-6 đơn vị/địa phương thông qua các biên bản ghi nhớ, hợp tác lâu dài	Ban Giám hiệu, P.HCTH, Trung tâm ĐT-BĐTX, P.ĐT, P.SĐH	2019	2022

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
4		Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và CBQLGD phổ thông	Ban Giám hiệu, P. HCĐN, Trung tâm ĐT-BDTX, các khoa	2019	2022
5		Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo, các module bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT	Ban Giám hiệu, P.KHCN, Trung tâm ĐT-BDTX, P.Đào tạo, P.KHTC, NXB, Vp ETEP, các khoa	2019	2020
6		Tập huấn cho các Trường ĐHSP biên soạn các tài liệu bồi dưỡng theo chương trình ETEP	Ban Giám hiệu, P.KHCN, P.KHTC, Trung tâm ĐT-BDTX, Vp ETEP	2019	2020
7		Phối hợp với các Trường ĐH, các bên liên quan tổ chức các sự kiện khoa học giáo dục (3-5 sự kiện/năm)	Ban Giám hiệu, P.KHCN, Trung tâm ĐT-BDTX, TT NC&PTNVSP, NXB, các khoa	2019	2022
8		Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục, sản xuất các sản phẩm khoa học ứng dụng chuyển giao cho các bên liên quan (mỗi năm 1-2 hợp tác chuyển giao)	Ban Giám hiệu, P. KHCN, Trung tâm học liệu, NXB, các khoa	2019	2022

e. Tự đánh giá

Tiêu chí 8	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 8. Hợp tác vùng, địa phương							
Chỉ số 4.8.1				4			
Chỉ số 4.8.2				4			
Điểm TB của tiêu chí:	4						

4.9. Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế

a. Mô tả

4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này.

Trong xu hướng hội nhập toàn cầu, Trường ĐHSPHN luôn xác định hợp tác quốc tế là một hoạt động trọng tâm cần được ưu tiên phát triển trong tiến trình xây dựng trường đại học trọng điểm của đất nước và khu vực. Xác định được tầm quan trọng đó, Trường luôn quan tâm đến việc tổ chức các hội thảo, hội nghị tập huấn quốc tế về đào tạo tại trường [H4.09.01.01]. Chính sách của Nhà trường khuyến khích giảng viên và người học tham gia vào các hoạt động giao lưu quốc tế thông qua hỗ trợ kỹ thuật và tài chính. Việc khuyến khích, hỗ trợ cho giảng viên và người học khi tham gia các mạng lưới quốc tế phát triển đào tạo giáo viên, các hội thảo, dự án và xuất bản các nghiên cứu được qui định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H4.09.01.02]. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học hợp tác quốc tế thông qua việc qui đổi sản phẩm nghiên cứu khoa học sang giờ giảng. Việc hỗ trợ kinh phí được thể hiện cụ thể trong quyết định cử cán bộ quản lý, giảng viên tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H4.09.01.03]. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học hợp tác quốc tế thông qua việc qui đổi giờ giảng bằng các công trình đó với hệ số cao [H4.09.01.04].

Trường đã thành lập “Quỹ hỗ trợ khen thưởng KHCN”, theo đó việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế về phát triển đào tạo giáo viên, các hội thảo, dự án và xuất bản các nghiên cứu được qui định rõ và hỗ trợ

kip thời [H4.09.01.05]. Các hoạt động khuyến khích hỗ trợ giảng viên và người học tham gia nghiên cứu và xuất bản quốc tế đã được thể hiện ở văn bản điều chỉnh qui chế giải thưởng Khoa học Công nghệ [H4.09.01.04]. Trường có báo cáo đầy đủ về việc thực hiện chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H4.09.01.06].

Trường đã tổ chức nhiều hội thảo quốc tế về các lĩnh vực như Triết học, Tâm lí giáo dục, Công tác xã hội, Tiếng Anh, Giáo dục đặc biệt, Vật lí... là cơ hội để cán bộ, giảng viên có thể trao đổi, học hỏi, giao lưu, hợp tác với các nhà khoa học trên thế giới [H4.09.01.01]. Đặc biệt Trường có nhóm các nhà nghiên cứu giáo dục STEM tham gia dự án nghiên cứu quốc tế cùng với một số nước trong khu vực như Đài Loan (TQ), Thái Lan..., hoạt động này mang lại nhiều cơ hội giao lưu trao đổi kinh nghiệm cho các giảng viên [H4.09.01.07]. Việc tham gia vào các dự án quốc tế, các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên trong mạng lưới các trường đối tác đã giúp cho đội ngũ giảng viên và người học có thêm nhiều cơ hội được trải nghiệm với môi trường quốc tế [H4.09.01.08].

Trường cũng đã hỗ trợ thủ tục, kinh phí cho các đơn vị trong việc mời các giáo sư, chuyên gia nước ngoài sang giảng dạy nhằm tăng cường vấn đề giao lưu học thuật, tuy nhiên kinh phí được hỗ trợ vẫn còn thấp...

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tham gia nhiều trong việc đồng tổ chức hội thảo quốc tế hay cùng tham gia các dự án nghiên cứu mang tầm quốc tế thì. Các xuất bản về lĩnh vực khoa học xã hội chưa xứng tầm với vị trí của trường. Nhà trường chưa xin ý kiến đa dạng của các bên liên quan trong quá trình xây dựng chính sách hợp tác quốc tế của nhà trường.

4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

Hoạt động hợp tác quốc tế đã giúp phát triển các chương trình liên kết đào tạo các bậc cử nhân và sau đại học. Trường đã xây dựng và thực hiện thí điểm một số chương trình đào tạo chất lượng cao, có tham khảo chương trình đào tạo chuẩn của khu vực và quốc tế. Trường đã cấp 111 bằng cử nhân, 50 bằng thạc sĩ, 12 bằng tiến sĩ

cho lưu học sinh nước ngoài, riêng hai năm 2018 và 2019 Trường đã cấp 48 bằng cử nhân, 04 bằng thạc sĩ và 03 bằng tiến sĩ cho học sinh người nước ngoài [H4.09.02.01].

Các chương trình hợp tác đã đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, GV cũng được Trường quan tâm và hỗ trợ [H4.09.02.02]. Trường đã có nhiều cán bộ GV được cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài [H4.09.02.03]. Trường đã cử 111 cán bộ đi thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lí, giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các nước tiên tiến [H4.09.02.04]. Các chương trình hợp tác quốc tế đã đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường đã góp phần hiệu quả trong việc nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu của giảng viên.

Trường đã có chương trình đào tạo cử nhân bằng tiếng anh, năm học 2018 - 2019, 2 sinh viên chuyên ngành sư phạm Hoá đã bảo vệ thành công khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh theo hình thức đồng hướng dẫn (1 CBHD là GS Hàn Quốc và 1 GVHD là GV ĐHSPHN) điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có cơ hội tốt trong việc tiếp cận các bậc học cao hơn ở môi trường quốc tế, và tăng cơ hội phát triển mối quan hệ hợp tác về chuyên môn của đội ngũ giảng viên [H4.09.02.05]. Ngoài ra, Trường đã khai thác các Quỹ học bổng quốc tế như VEF, Fulbright, Erasmus Mundus, DAAD, AusAid, ADS (Australia) để tạo nguồn kinh phí cử cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài [H4.09.02.06].

Đối với sinh viên, một số chương trình trao đổi sinh viên đang được triển khai với đại học Ochanomizu, Yamaguchi (Nhật Bản), trường King Mongkutt (Thái Lan), đại học West (Thụy Điển), Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc)... Đã có 33 sinh viên của Trường tham gia vào các chương trình trao đổi. Trường đã tiếp nhận nhiều đoàn sinh viên quốc tế đến từ các trường đối tác như ĐHSP AiChi, ĐH Meijo (Nhật Bản), ĐH NewEngland (Úc), ĐH Artevelde Grote (Bỉ)... tham gia chương trình trao đổi, thực tập sinh, thực tế công tác xã hội và phát triển cộng đồng giúp mở rộng mạng lưới giao lưu quốc tế cho cả sinh viên và giảng viên. [H4.09.02.07].

Hàng năm, Trường tiếp nhận khoảng 200 người nước ngoài với các quốc tịch Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Thụy Điển, Bỉ, Úc... đến học tập ở các trình độ khác nhau [H4.09.02.08]. Chương trình Lữ học quốc tế cử nhân với Đại học Ngoại ngữ Busan (Hàn Quốc) được triển khai từ năm 2004 đến nay đã có 208 sinh viên Hàn Quốc đến Trường ĐHSPHN học và đã gửi 66 sinh viên sang Hàn Quốc học tập. Đặc biệt

trong hai năm 2018, 2019 Chương trình Luỡng quốc cử nhân với Đại học Ngoại ngữ Busan (Hàn Quốc) có 51 sinh viên Hàn Quốc đến Trường ĐHSPTN học và đã gửi 17 sinh viên sang Hàn Quốc học tập [H4.09.02.09]. Sau khi tốt nghiệp số sinh viên theo học chương trình này đều có cơ hội việc làm rất tốt.

Các chương trình tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hoá trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng được Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức thường xuyên cho sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khoá, các buổi nói chuyện chuyên đề hay các buổi seminar cùng với chuyên gia nước ngoài đã mang lại hiệu ứng tích cực cho sinh viên Nhà trường, tuy nhiên chỉ mới dừng lại ở các chuyên đề về kĩ năng sống và một số buổi seminar về giáo dục giới tính [H4.09.02.10].

Các chương trình liên kết với nước ngoài chưa đa dạng, phong phú. Số lượng giảng viên tham gia giảng dạy, đồng hướng dẫn ở các Trường đại học trên thế giới và tham gia vào những hoạt động của các hiệp hội, tổ chức, mạng lưới quốc tế về văn hóa, giáo dục chưa nhiều.

4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo qui định.

Nhà trường có chính sách và quy định việc yêu cầu giảng viên phải thông thạo ngoại ngữ theo đúng quy chế tuyển dụng của Trường [H4.09.03.01]; [H4.09.03.02]. Các chương trình học ngoại ngữ cho giảng viên và người học được nhà trường tổ chức chính khóa và không chính khóa, Nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh cho giảng viên, nhà trường đã tạo điều kiện cho cán bộ của trường được tham gia các khóa học như văn bằng 2 tiếng Anh, hợp tác với Philippine, Trung tâm tiếng Anh Language Link để bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên ngành cho 38 cán bộ trẻ trong đó có 7 giảng viên đã được học tập, nâng cao kĩ năng tại Philipine 03 tháng, là những giảng viên giảng dạy các chuyên ngành bằng tiếng Anh [H4.09.03.03]. Tuy nhiên, số lượng đó vẫn chưa đủ đáp ứng đủ theo yêu cầu của các lớp thuộc chương trình chất lượng cao.

Từ năm 2013, Trường có chương trình đào tạo chuyên ngành bằng tiếng Anh cho các ngành khoa học tự nhiên và đào tạo văn bằng kép cho sinh viên khoa Tiểu học và Mầm non... Các chương trình trao đổi sinh viên, các khoá đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài đã giúp cho giảng viên và người học có cơ hội nâng cao năng lực ngoại ngữ đáp ứng được phần nào nhu cầu của xã hội.

Năm 2018, với sự tài trợ của chính phủ Bỉ, trong khuôn khổ của dự án FCB Trường đã tổ chức được một số khóa học tiếng Anh chuyên sâu về quản trị Đại học, về phương pháp giảng dạy... cho giảng viên, cán bộ quản lí nguồn của nhà trường, các khóa học không chỉ bổ sung những kiến thức về chuyên môn mà còn giúp trang bị cho cán bộ, giảng viên khả năng làm việc bằng tiếng Anh khá hiệu quả [H4.09.03.04].

Tuy nhiên, việc theo dõi và đánh giá kết quả cải thiện ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên chưa diễn ra thường xuyên và đồng bộ trong toàn trường.

b. Điểm mạnh:

- Nhà trường có chủ trương, chính sách khuyến khích cán bộ viên chức phát huy tính chủ động, tích cực trong các hoạt động kết nối, phát triển giao lưu quốc tế.

- Nhà trường có nhiều cố gắng xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

- Các hoạt động liên kết, ký kết hợp tác với các Trường đại học khác trên thế giới luôn được duy trì và phát triển, những năm gần đây đã thu hút khá nhiều lưu học sinh, NCS, giảng viên nước ngoài đến học tập, tham gia các hoạt động nghiên cứu, thực tập, thực tế.

c. Điểm tồn tại:

- Nhà trường chưa tham gia nhiều trong việc đồng tổ chức hội thảo quốc tế hay cùng tham gia các dự án nghiên cứu mang tầm quốc tế. Các xuất bản về lĩnh vực khoa học xã hội vẫn còn hạn chế chưa xứng tầm với vị trí của trường. Nhà trường chưa xin ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng chính sách hợp tác quốc tế của nhà trường.

- Các chương trình liên kết với nước ngoài chưa được chuẩn hóa, loại hình liên kết chưa đa dạng, phong phú.

- Số lượng giảng viên tham gia giảng dạy, đồng hướng dẫn ở các Trường đại học trên thế giới và tham gia vào những hoạt động của các hiệp hội, tổ chức, mạng lưới quốc tế về văn hóa, giáo dục chưa nhiều. Việc theo dõi và đánh giá kết quả cải thiện ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên chưa thường xuyên và đồng bộ.

d. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chương trình hợp tác chi tiết với các đối tác nước ngoài đặc biệt ưu tiên khối các nước sử dụng tiếng Anh,	Bam Giám hiệu, P.HCĐN, các đơn vị	2019	2022
2		Mở rộng các hoạt động, hình thức trao đổi giảng viên, sinh viên	Bam Giám hiệu, P.TCCB, P.HCĐN	2019	2022
3		Xây dựng nhóm cộng tác khoa học từ các viên chức từng được đào tạo ở nước ngoài, thắt chặt sự kết nối giữa các cá nhân, các Trường tham gia hợp tác, trao đổi.	P.HCĐN, các khoa	2019	2019
4		Lên kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho viên chức.	Bam Giám hiệu, P.TCCB, HCĐN, các khoa	2019	2019
5		Lên kế hoạch để nhóm cộng tác khoa học hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên có thể xuất bản các kết quả nghiên cứu của mình ra nước ngoài, đặc biệt là khối ngành khoa học xã hội	Bam Giám hiệu, P. HCĐN, P.Tạp chí & TTKHCN, nhóm cộng tác khoa học	2019	2019
6		Liên kết với các đối tác nước ngoài để cùng tổ chức các hội thảo khoa học, cùng tham gia dự án, đồng hướng dẫn...	Bam Giám hiệu, P.HCĐN, P.SĐH, P.KHCN, các khoa, nhóm cộng tác khoa học	2019	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
7		Xây dựng các chương trình chuẩn “liên kết đào tạo ĐH Vân Nam TQ và “Lưỡng quốc cử nhân” với ĐHNN Busan, ĐH Quốc gia Incheon, Hàn Quốc	Ban Giám hiệu, P.HCĐN, P.ĐT, Khoa Ngữ Văn, Khoa Anh, Viện GD&ĐT Quốc tế TT.NVSP	2019	2019
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy tiềm lực của các khoa có đào tạo bằng tiếng Anh, phát triển thế mạnh của đội ngũ cán bộ được đào tạo ở nước ngoài về nhằm xây dựng môi trường giáo dục đạt chuẩn quốc tế.	Ban Giám hiệu, các khoa, các phòng ban chức năng	2019	2022
2		Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và NCKH của Viện GD & ĐT quốc tế nhằm tạo cầu nối cho các hoạt động HTQT của Trường	Ban Giám hiệu, P.HCĐN, Viện GD&ĐT Quốc tế	2019	2020
3		Tiếp tục phát huy các hoạt động giao lưu văn hóa, liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên, đồng tham gia các dự án nghiên cứu khoa học	P.HCĐN, các đơn vị	Thường xuyên	Thường xuyên

e. Tự đánh giá:

Tiêu chí 9	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.9.1				4			
Chỉ số 4.9.2				4			
Chỉ số 4.9.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

4.10. Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác

a. Mô tả

4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSPTHN giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 nêu rõ sứ mạng của nhà trường như sau: “*Trường ĐHSPTHN có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế*” [H4.10.01.01]. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHSPTHN xác định nhiệm vụ: “*Đào tạo giáo viên cho tất cả các cấp học, ngành học, có trình độ từ cử nhân đến tiến sĩ. Đào tạo giảng viên cho các trường sư phạm và một số trường khác. Đào tạo cán bộ khoa học cho các đơn vị nghiên cứu trong toàn quốc. Cung cấp các dịch vụ giáo dục theo nhu cầu xã hội. Đào tạo cán bộ quản lí các cấp, đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên các trường trung học chuyên nghiệp và giảng viên các trường cao đẳng, đại học khác*” [H4.10.01.02].

Trong CTĐT của Trường, đối với hầu hết các ngành/nghề đào tạo đại học, phần mô tả vị trí việc làm đều đề cập đến khả năng giảng dạy tại các trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng hoặc làm việc trong các cơ sở nghiên cứu khoa học, có khả năng tiếp tục phát triển để giảng dạy bậc đại học và cao hơn [H4.10.01.03; H4.10.01.04].

Trên thực tế, nhiều cử nhân tốt nghiệp tại Trường ĐHSPTHN, đặc biệt là các cử nhân tốt nghiệp 07 chương trình đào tạo chất lượng cao đã trở thành giảng viên (giảng dạy khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, triết học, tâm lí học, giáo dục quốc phòng,...), nghiên cứu viên, chuyên viên của các viện nghiên cứu, trường đại học khác. Mặt khác, nhiều giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên của các trường đại học khác theo học Cao học và NCS tại Trường ĐHSPTHN. Số liệu thống kê như sau:

TT	Tổng số NCS	Số NCS trường đại học	Tỷ lệ %
Khoá 36	133	73	55
Khoá 37	44	25	57

Khoá 38	38	19	50
---------	----	----	----

[H4.10.01.05]

Ngoài ra, Trường ĐHSPHN có nhiều năm tổ chức bồi dưỡng và cấp các chứng chỉ chuyên môn đa dạng (nghệ vụ sư phạm, quản lí giáo dục, ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, giáo dục đặc biệt, giáo dục hòa nhập, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên,..) cho cán bộ từ các đơn vị khác nhau, trong đó có các trường đại học, cao đẳng trong cả nước [H4.10.01.06]. Một số khoa như khoa QLGD, Tiếng Anh, Giáo dục Chính trị, Giáo dục công dân đã có các nghiên cứu đánh giá chuẩn đầu ra của khoa, xin ý kiến người học về chuowong trình đào tạo đáp ứng vị trí công việc [H4.10.01.07]. Để đáp ứng yêu cầu của xã hội và người sử dụng lao động, đổi mới giáo dục, trường ĐHSP đang tổ chức xây dựng lại chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo [H4.10.01.03].

Trải qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ cựu người học (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ) của Nhà trường góp phần xây dựng và phát triển các trường đại học, cao đẳng nói chung và các trường sư phạm nói riêng trong cả nước trên nhiều cương vị khác nhau (cán bộ quản lí, giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên) được nhà nước, các trường đại học và xã hội ghi nhận như: TS Nguyễn Hữu Độ (Thứ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo); Nhà giáo Nguyễn Lâm; GS Phạm Huy Thông, GS Đặng Thai Mai... Tuy nhiên, Trường ĐHSP Hà Nội chưa đánh giá một cách hệ thống số lượng cựu người học đã và đang làm việc tại các trường đại học, cao đẳng nói chung và các trường sư phạm nói riêng; chưa đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện khả năng đáp ứng công việc của cựu người học tại các cơ sở giáo dục đại học này.

4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

Việc tham gia tích cực trong mạng lưới các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác đã được đề ra trong tầm nhìn hoạt động của Trường ĐHSPHN: “Trường ĐHSPHN là một trong những trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của quốc gia” [H4.08.01.12], [H4.10.01.02].

Trên thực tế, Trường ĐHSPHN có vai trò nòng cốt cho hệ thống các trường sư phạm trong việc triển khai các chính sách của Bộ GD & ĐT: đào tạo, bồi dưỡng GVPT, phát triển các chương trình đào tạo (CTĐT), biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, cho các bậc học, tư vấn các cấp quản lí xây dựng chính sách giáo

dục [H4.10.01.02], [H4.10.02.01]. Trường tham gia Câu lạc bộ Hiệu trưởng các Trường ĐHSP [H4.10.02.02], và là chủ tịch câu lạc bộ [H4.10.02.03]

Trường ĐHSPHN đã khởi xướng và chia sẻ về những đổi mới trong mô hình và CTĐT cho các trường sư phạm khác thông qua Câu lạc bộ Hiệu trưởng các Trường ĐHSP. Nhà trường đã tổ chức hội thảo với sự tham gia của 6 trường đại học khác có đào tạo giáo viên vào tháng 3 năm 2014 để cùng trao đổi mô hình đào tạo: về những hạn chế của CTĐT cũ, về định hướng xây dựng chương trình mới có tính liên thông tốt hơn [H4.08.02.01]. Trường là đơn vị khởi xướng tổ chức hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường đại học sư phạm toàn quốc và định kỳ luân phiên tổ chức hội thảo ở các trường sư phạm [H4.10.02.04]. Trong khuôn khổ Chương trình ETEP, Trường ĐHSPHN là đơn vị chủ trì, phối hợp với 6 trường ĐHSP chủ chốt khác để xây dựng phương án thực hiện các hoạt động: Phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán; Phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho GV phổ thông đại trà; Hỗ trợ bồi dưỡng GV [H4.10.02.05]. Trường làm đầu mối biên soạn chương trình bồi dưỡng giáo viên phổ thông thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới [H4.10.02.06]. Ngoài ra, Nhà trường đã chủ trì nhiều hội nghị, hội thảo khoa học về đổi mới nội dung và phương pháp dạy học trong các trường đại học sư phạm và các trường đại học, cao đẳng toàn quốc [H4.10.02.07]. Tuy nhiên, Trường ĐHSPHN chưa đánh giá tác động của sự tham gia của Nhà trường vào mạng lưới các Trường đại học sư phạm và các Trường đại học khác nhằm có những điều chỉnh, hướng tới thực hiện tốt hơn nữa vai trò truyền dẫn kết nối đổi mới trong mạng lưới các trường đại học sư phạm trong cả nước.

4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành

Nhà trường đặt nhiệm vụ: “Chủ trì, tham gia xây dựng chương trình, nội dung, giáo trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo các cấp học để phát huy vai trò đối với ngành giáo dục, đặc biệt trong việc triển khai các cuộc đổi mới, cải cách giáo dục; Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản” [H4.10.01.02]. Căn cứ vào nhiệm vụ nhà trường “Tổ chức cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu xã hội” [H4.10.01.02].

Số lượng, chất lượng các công bố khoa học của GV không ngừng tăng lên theo từng năm; Các sản phẩm khoa học của các nhà khoa học trường ĐHSPHN đạt trình độ tiên tiến và đã góp phần cung cấp ứng dụng cho ngành giáo dục và KH-CN; phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H4.10.03.01].

Các nhà giáo dục của Trường là các chuyên gia tư vấn giáo dục cho các trường từ mầm non đến phổ thông trung học, đại học. Nhiều GV của Trường ĐHSPHN là tác giả chương trình, sách giáo khoa phổ thông, sách tham khảo cho giáo viên và HS các cấp [H4.10.03.02]. Một số nhiệm vụ mang tính đặt hàng của Trường đã được xuất bản và phát hành trên toàn quốc như: Dạy học tích hợp phát triển năng lực HS (2 tập); Phát triển chương trình Nhà trường; Hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Dạy học các môn học theo định hướng phát triển năng lực học sinh; Bồi dưỡng giáo viên dạy các môn tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Một số nhiệm vụ nghiên cứu đã chuyển thành chương trình bồi dưỡng và đã được Trường triển khai bồi dưỡng ở nhiều tỉnh [H4.10.03.03].

Trường ĐHSPHN đã đề ra những chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, người học tham gia các hoạt động ngoài trường, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành [H4.10.03.04].

Hàng năm, trường tổ chức xét duyệt và tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”, nhà giáo ưu tú, nhà giáo nhân dân cho các giảng viên của nhà trường với những đóng góp cho sự nghiệp giáo dục [H4.10.03.05]. Nhà trường tổ chức vinh danh và trao giải thưởng cho GV được khen thưởng về các công trình khoa học đóng góp cho chuyên gia công nghệ và hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục [H4.10.03.04].

Tuy vậy, nhà trường chưa đánh giá một cách toàn diện hiệu quả của các hoạt động tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn của ngành, tính hiệu quả của các chính sách khuyến khích, hỗ trợ tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành.

4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Trường ĐHSPHN có kế hoạch khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, tầm nhìn nhà trường chỉ rõ: nhà trường “là nơi tập trung các chuyên gia, giảng

viên trình độ cao; có các chương trình đào tạo liên kết quốc tế có uy tín trên thế giới; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ hoàn hảo”. [H4.10.01.01] và “ . Mở rộng quan hệ hợp tác trao đổi với các trường và viện NCKH trong và ngoài nước để xây dựng sự hợp tác trong đào tạo và NCKH, tiến tới hội nhập giáo dục đại học khu vực và quốc tế” [H4.10.01.02].

Nhà trường hợp tác đào tạo sau đại học với trường Đại học Tây Bắc, trường Đại học Tây nguyên, Đại học An Giang, trường Đại học Trà Vinh, Đại học KTCN Cần Thơ, trường Đại học sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long,... [H4.10.04.01] và hợp tác bồi dưỡng giáo viên với các Sở Giáo dục và đào tạo [H4.08.01.07] hoặc thông qua các dự án của Bộ Giáo dục và đào tạo [H4.10.03.01; H4.10.02.05]. Nhà trường đã chú ý lấy ý kiến của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu người học,...) về các CTĐT [H4.10.01.03; H4.10.04.02; H4.10.04.03; H4.10.04.04; H4.10.04.05]. Nhiều GV của Trường ĐHSPTN làm tư vấn hoặc trực tiếp thỉnh giảng cho các trường đại học, các trường phổ thông công lập, các trường phổ thông dân lập có yếu tố quốc tế [H4.10.03.01].

Về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, GV của Trường tham gia thực hiện các đề tài có đơn vị chủ trì là các viện nghiên cứu và các trường đại học trên cả nước [H4.10.04.06]. Ngược lại, các đề tài của Trường cũng có cán bộ khoa học của các viện, các trường đại học là thành viên chính thực hiện đề tài. Ngoài đề tài Bộ GD&ĐT và quỹ NAFOSTED, Trường đã có các đề tài thuộc các chương trình nhà nước và đề tài của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, của Chương trình Tây Bắc, Chương trình của Bộ Công thương [H4.10.04.07]]. Các nhà khoa học của Trường là tác giả giáo trình giảng dạy đại học, chương trình, sách giáo khoa phổ thông, sách tham khảo các cấp nên thường xuyên có những hợp tác với các nhà xuất bản như NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội,...[H4.10.04.06]. Các hoạt động hợp tác với các trường và các bên liên quan khác đem lại nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường; tăng cường chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Tuy nhiên, một phần các kết quả hợp tác kể trên xuất phát từ nỗ lực, quan hệ của cá nhân giảng viên, người học với các bên liên quan. Nhà trường chưa đánh giá tổng thể chính sách cấp trường trong trung hạn, ngắn hạn về khuyến khích, hỗ trợ hoạt động

hợp tác với các tổ chức và cá nhân thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

b. Điểm mạnh

- Trường có chính sách, kế hoạch cho hoạt động hợp tác với các tổ chức khác. Lãnh đạo Trường ĐHSPHN khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động hợp tác với các bên liên quan của các đơn vị, giảng viên, người học của Nhà trường nhằm đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành. Đồng thời, sự tiên phong, chủ động, hiệu quả trong tham gia các nhiệm vụ chung của Ngành đem lại ảnh hưởng tích cực cho chính hoạt động quản trị, nghiên cứu và đào tạo của Nhà trường.

- Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, quốc tế hoá. Đội ngũ giảng viên có chất lượng cao và mạng lưới cựu người học rộng khắp đã và đang kết nối lan tỏa giá trị “Mô phạm – Sáng tạo – Công hiến” của Trường ĐHSPHN trong hệ thống giáo dục đại học, giáo dục phổ thông nước nhà.

- Trường là đầu mối quan trọng trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, là nơi khởi xướng nhiều hoạt động trong các trường sư phạm và đại học nói chung. Trường ĐHSPHN là thành viên chủ động, tích cực, có trách nhiệm trong Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm; khởi xướng các hoạt động chia sẻ, thảo luận các mô hình, kinh nghiệm thực tiễn và các chuẩn đào tạo sư phạm (chuẩn đầu ra, chuẩn chương trình, chuẩn cơ sở vật chất,...).

- Nhờ hợp tác sâu, rộng với các tổ chức khác, Nhà trường đã triển khai một cách đa dạng các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như thực hiện nhiệm vụ của ngành. Mặt khác, Nhà trường đã đa dạng hóa các nhiệm vụ, đề tài NCKH với các viện, các trung tâm NCKH, các trường đại học trong cả nước.

c. Điểm tồn tại

Các hoạt động hội thảo, hội nghị chia sẻ và kết nối của nhà trường với các trường đại học sư phạm và đại học khác chưa được diễn ra một cách thường xuyên; hoạt động kết nối giữa các trường địa học sư phạm chưa có quy chế hoạt động và cơ chế phối hợp rõ ràng và được cam kết bởi các bên có liên quan.

Nhà trường chưa đánh giá một cách toàn diện và công bố công khai về số lượng và khả năng đáp ứng công việc của cựu người học tại cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là tại các trường đại học sư phạm.

Kế hoạch hợp tác với các bên có liên quan chưa được tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên đến giảng viên, người học của Nhà trường.

Mặc dù Nhà trường đã có chính sách, lập kế hoạch triển khai (Plan, Do) nhiều hoạt động hợp tác với các tổ chức khác, nhưng việc đánh giá hiệu quả của chính sách và các hoạt động để từ đó điều chỉnh, thực hiện tốt hơn (Check, Act) còn chưa thường xuyên.

d. Kế hoạch hành động

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc	Đánh giá hiệu quả của các chính sách, các hoạt động hợp tác với các tổ chức ngoài trường trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả nghiên cứu.	Phòng Khoa học - Công nghệ, Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng thường xuyên	2019	2020
2.	phục tồn tại	Điều tra nhu cầu của các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu, đặc biệt là các trường đại học sư phạm đối với vị trí giảng viên, nghiên cứu viên và mức độ đáp ứng của người học tại các cơ sở này.	Trung tâm ĐBCL	2019	2020

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
3.		Đánh giá, điều chỉnh, xây dựng mới các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm, đặc biệt là chương trình cử nhân chất lượng cao.	Phòng Đào tạo	2019	2020
4.		Tham gia và tổ chức, truyền thông về các hội thảo, hội nghị, hoạt động của kết nối của nhà trường với các trường đại học sư phạm và đại học khác	Phòng CTCT - HSSV, hành chính - Đối ngoại, KHCN, Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng Thường xuyên	2019	2020
1	Phát huy điểm mạnh	Đề xuất cơ chế, nội dung và chủ động thúc đẩy các hoạt động phối hợp giữa các trường sư phạm thông qua các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ETEP, GREP...) và qua CLB Hiệu trưởng các trường sư phạm	Phòng Khoa học - Công nghệ	2019	2022
2		Triển khai một cách đa dạng các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như thực hiện nhiệm vụ của ngành	Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng Thường xuyên, Phòng CTCT - HSSV	2019	2020

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
3		Tổ chức các hoạt động kết nối với các trường sư phạm như tọa đàm, hội thảo ... để thảo luận các mô hình, kinh nghiệm thực tiễn và các chuẩn đào tạo sư phạm	Phòng KHCN, TTĐT BD TX, Đoàn Thanh niên	Hàng năm	Hàng năm
4		Tiếp tục cung cấp nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học và đại học sư phạm khác	TTĐT BD TX, P. Đào tạo	Theo năm học	Theo năm học

• **Tự đánh giá**

Tiêu chí 10	Mức độ đạt						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.10.1				4			
Chỉ số 4.10.2				4			
Chỉ số 4.10.3				4			
Chỉ số 4.10.4				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

4.11. Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông

a. Mô tả.

4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.

Căn cứ vào Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, Trường triển khai và tổ chức tập huấn cho viên chức của Trường các văn bản, nội dung trong luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư trong nghiên cứu khoa học [H4.11.01.01]. Theo đó, nhà trường đã ban hành “Quy định kiểm soát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật” quản lý và kiểm soát các sản phẩm học thuật của cán bộ giảng viên và

người học tuân thủ các quy định của pháp luật [H4.11.01.02]. Các đơn vị chức năng như Nhà xuất bản, thư viện, Phòng Sau đại học... chịu trách nhiệm kiểm tra tính chân thực, tính sáng tạo và tính mới trong các bài báo, công bố khoa học, khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của cá nhân, tập thể [H4.11.01.02; H4.11.01.06]. Trường đã ban hành quy định về quản lý tài sản trí tuệ của Trường; quy định về giảng dạy, nghiên cứu khoa học; quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên; quy định về các hoạt động của Tạp chí khoa học [H4.11.01.03; H4.11.01.04; H4.11.01.05].

Nhà trường ban hành quy định hoạt động khoa học công nghệ, theo đó các quy định về Sở hữu trí tuệ, phân chia lợi nhuận khi chuyển giao sản phẩm KH&CN và khẳng định Trường khuyến khích và hỗ trợ cho sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ [H4.11.01.06]. Trường thường xuyên chỉ đạo Phòng sau đại học, các khoa chuyên môn, giáo viên hướng dẫn về vấn đề chống đạo văn. Nhà trường đã tìm hiểu về phần mềm chống đạo văn để đầu tư mua và triển khai sử dụng từ năm học 2017 – 2018, và tiếp tục được gia hạn năm 2019 [H4.11.01.05]. Bên cạnh đó, các ấn phẩm như sách báo, tạp chí, giáo trình... được xuất bản, công khai đều được thẩm định, biên tập nghiêm ngặt, đúng quy trình, đảm bảo tuân thủ Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam [H4.11.01.06; H4.11.01.07; H4.11.01.08; H4.11.01.09].

Trường đã sử dụng các phần mềm chuyên dụng có bản quyền để phục vụ công tác chuyên môn như: phần mềm quản lý đào tạo (phòng Đào tạo), quản lý công văn, văn bản, hồ sơ công việc trên mạng máy tính (phòng Hành chính Đối ngoại), kế toán (phòng Kế hoạch - Tài chính), quản lý cán bộ (phòng Tổ chức Cán bộ), quản lý nhà trường, phần mềm quản lý đào tạo... Các phần mềm đã giúp công tác điều hành và quản lý tiết kiệm thời gian, công khai minh bạch thông tin đến các giảng viên và đạt hiệu quả cao. Việc công bố kết quả học tập của người học được cá nhân hoá [H4.11.01.10]. Hệ thống các phần mềm thường xuyên được cập nhật, bổ sung để đảm bảo hoạt động của nhà trường. Đối với các phần mềm khác, nhà trường chủ trương sử dụng phần mềm mã nguồn mở theo thông tư 08/2010/TT-BGDĐT.

4.11.2. Trường công khai các thông tin, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

Nhà trường đã ban hành “*Quy chế hoạt động của cổng thông tin điện tử*” và “*Quy chế sử dụng và cung cấp dịch vụ mạng*” [H4.11.02.01; H4.11.02.02]. Theo đó,

thông tin về đội ngũ giảng viên, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo hằng năm, quy chế đào tạo, cam kết chất lượng của Trường được công khai thường xuyên trên trang điện tử của Trường [H4.11.02.03; H4.11.01.08]. Số lượng sinh viên nhập học và sinh viên tốt nghiệp được thông tin rộng rãi thông qua các thông cáo báo chí tại lễ khai giảng, lễ tốt nghiệp hằng năm. Theo số liệu khảo sát từ Trung tâm Đảm bảo chất lượng: trên 75% người học tốt nghiệp ĐHSPHN đã tìm được việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo sau 1 năm tốt nghiệp; trên 14% người học tìm được việc làm trái với chuyên ngành được đào tạo sau 1 năm tốt nghiệp [H4.11.02.04].

Thông tin về các hoạt động của Trường (đào tạo, hội thảo, hội nghị, tập huấn...), các tin tức liên quan đến đội ngũ giảng viên, sinh viên... được cập nhật thường xuyên tại trang điện tử của Trường và cổng thông tin điện tử của các đơn vị trực thuộc Trường. Trường phát hành Sổ tay sinh viên, Cẩm nang cố vấn học tập, trong đó có các nội dung về quyền và nghĩa vụ của sinh viên, mô tả về các ngành học và cơ hội nghề nghiệp khi ra Trường, Sổ tay sinh viên được cập nhật thường xuyên những thông tin cần thiết đảm bảo thuận lợi cho sinh viên trong quá trình tra cứu [H4.11.02.05].

Ngoài ra, hằng năm lãnh đạo nhà trường tổ chức các hội nghị, giao lưu, tọa đàm với cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên của Nhà trường nhằm lắng nghe các ý kiến phản hồi từ phía cán bộ và người học. Từ đó có thêm các thông tin để điều chỉnh, hoạch định chính sách và nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. [H4.11.02.06; H4.11.02.07]

Thông tin về đội ngũ cán bộ, giảng viên, kế hoạch giảng dạy, giờ công lao động (giờ chuẩn) được cập nhật thường xuyên, công khai minh bạch đến mỗi cán bộ giảng viên trong nhà trường, đảm bảo công bằng trong quản lý và đánh giá cán bộ. Thông qua đó cán bộ giảng viên cũng được thông báo cụ thể các khoản lương, thưởng và kinh phí vượt giờ hằng kỳ, năm học. [H4.11.02.08; H4.11.02.09; H4.11.02.10; H4.11.02.11; H4.11.02.12; H4.11.02.13].

Các quy định, quy chế và chính sách của trường được rà soát, điều chỉnh và cập nhật liên tục, phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định của pháp luật. Quy trình ban hành các chính sách của nhà trường được thực hiện dân chủ, công khai minh bạch gồm: dự thảo, lấy ý kiến các đơn vị (cán bộ giảng viên), ban hành, phản hồi, hiệu chỉnh [H4.11.02.07; H4.11.02.09].

b. Điểm mạnh

- Nhà trường phổ biến các quy định về luật bản quyền cho cán bộ, giảng viên và học viên sau đại học nhằm tuân thủ các quy định về bản quyền trong xuất bản các ấn phẩm học thuật. Đồng thời đầu tư trang bị phần mềm kiểm tra gian lận học thuật, giúp các giảng viên và người học tự kiểm tra, kiểm soát vấn đề đạo văn khi nghiên cứu và xuất bản học thuật.

- Nhà trường tuân thủ các quy định về luật bản quyền, sử dụng các phần mềm bản quyền hoặc mã nguồn mở phục vụ công tác quản lý và điều hành, đưa các nội dung tuyên truyền về luật bản quyền trong sổ tay của sinh viên, ban hành các văn bản hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ và phòng chống vi phạm luật bản quyền.

- Các công trình nghiên cứu khoa học thường xuyên được đăng tải đầy đủ trên website của nhà trường và các đơn vị. Nội dung luận văn, luận án được đăng tải đầy đủ trên website của nhà trường đảm bảo tính minh bạch trong kết quả nghiên cứu.

- Hệ thống phần mềm quản lý nhà trường được đưa vào ứng dụng trong công tác quản lý kế hoạch giảng dạy, thống kê giờ lao động, quản lý cán bộ chuyên môn và bổ nhiệm, thông tin về tài chính, đánh giá cán bộ được công khai, minh bạch và rõ ràng đến từng cán bộ giảng viên trong nhà trường.

- Các thông tin về các hoạt động của Nhà trường (đào tạo, công tác sinh viên, khảo thí, thanh tra, đoàn thể...) được đăng tải thường xuyên tại trang điện tử của Trường và cổng thông tin của các đơn vị; được các đơn vị báo, đài chú ý đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhiều văn bản pháp quy, hướng dẫn, mẫu, bảng biểu, ... được công khai trên trang thông tin, hỗ trợ tốt giảng viên và người học. Các công trình nghiên cứu khoa học trong 10 năm được đăng tải đầy đủ trên website của nhà trường và các đơn vị. Nội dung luận văn, luận án được đăng tải đầy đủ trên website của nhà trường đảm bảo tính minh bạch trong kết quả nghiên cứu.

- Lãnh đạo nhà trường thường xuyên đối thoại, toà đàm với cán bộ và người học nhằm lắng nghe ý kiến phản hồi để điều chỉnh các chính sách, quy chế cũng như nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ người học.

c. Điểm tồn tại

- Luật bản quyền chưa phổ biến, tuyên truyền được đến tất cả sinh viên đại học, trong Sổ tay sinh viên chưa có quy định về vấn đề đạo đức trong học tập và nghiên cứu, về vấn đề luật bản quyền và gian lận học thuật.

- Các thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học chưa được đăng tải nội dung toàn

vẫn đầy đủ trên trang điện tử của Trường.

- Học viên cao học vẫn còn công khai danh sách điểm của toàn khoá trên website của Trường. Chưa xây dựng được phần mềm quản lý đào tạo sau đại học.

- Các kênh thông tin và truyền thông chính thức của Trường (trang điện tử chính thức, hạp báo, phát ngôn chính thức, bài viết trên cơ quan ngôn luận chính thống) chưa được chú trọng. Hình thức thông tin và truyền thông chưa chuyên nghiệp.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đưa nội dung về luật bản quyền trong Sổ tay sinh viên	Phòng Hành chính Đối Ngoại, Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm CNTT và các đơn vị	2019	2020
2		Thường xuyên cập nhật toàn văn kết quả nghiên cứu khoa học, đề tài, bài báo khoa học lên trang thông tin điện tử của trường.	Phòng KHCN, SDH, và Trung tâm CNTT	2019	2022
3		Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý sau đại học. Đảm bảo việc công bố kết quả học tập của học viên sau đại học được tôn trọng quyền riêng tư	Trung tâm CNTT, Phòng SDH	2019	2021
4		Xây dựng kế hoạch truyền thông, xây dựng bộ phận truyền thông của Nhà trường giai đoạn 2017 - 2022	Phòng HCĐN, Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm CNTT và các đơn vị	2019	2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
5		Nâng cấp trang điện tử Nhà trường và cổng thông tin điện tử các đơn vị. Tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của cổng thông tin điện tử, thành lập Ban biên tập và bộ phận hỗ trợ truyền thông	Trung tâm CNTT, Phòng HC-ĐN, các đơn vị	2019	2021
1		Duy trì sử dụng phần mềm kiểm tra đạo văn và nghiêm túc thực hiện trong toàn trường	PKHCN, ĐT, SĐH, TT.TTTV, TTCNTT	2019	2020
2		Đầu tư về nội dung khảo sát lấy ý kiến người học và đánh giá giảng viên hằng năm. Công bố kết quả lấy ý kiến khảo sát công khai, minh bạch.	Ban Giám hiệu, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng.	2019	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát triển mạng lưới thông tin tại các sở, phòng, đơn vị giáo dục, các báo đài...trong cả nước để thông tin đến các phóng viên, báo đài về các hoạt động nổi bật của Nhà trường; thực hiện truyền thông đa dạng: truyền thông nội bộ, truyền thông đại chúng và truyền thông đến cơ quan quản lý các cấp	Phòng HCTH, CTCT-HSSV, các khoa; Trung tâm Đào tạo – Bồi dưỡng thường xuyên. Phòng Hành chính Tổng hợp Trung tâm CNTT	Tháng 9/2017	Tháng 8/2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
4		Duy trì hoạt động giao lưu đối thoại của lãnh đạo nhà trường với cán bộ, giảng viên và người học nhằm điều chỉnh các chính sách và nâng cao chất lượng đào tạo, điều kiện học tập của sinh viên	Phòng HCTH, CTCT-HSSV, các khoa; các phòng ban chức năng.	2019	2022

e. Tự đánh giá

Tiêu chí 11	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.11.1				4			
Chỉ số 4.11.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

❖ *Tự đánh giá tiêu chuẩn 4*

Tiêu chuẩn 4	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 8: Hợp tác vùng/ địa phương							
Chỉ số 4.8.1: Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông				4			
Chỉ số 4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế							

Chỉ số 4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này				4			
Chỉ số 4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng				4			
Chỉ số 4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo qui định				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác							
Chỉ số 4.10.1 Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau				4			
Chỉ số 4.10.2 Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn				4			
Chỉ số 4.10.3 Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành				4			
Chỉ số 4.10.4 Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông							
Chỉ số 4.11.1 Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư				4			

Chỉ số 4.11.2 Trường công khai các thông tin, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
ĐIỂM TIÊU CHUẨN	4.00						
ĐIỂM MỨC NĂNG LỰC	4						

5. Tiêu chuẩn 5: MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC VÀ CÁC NGUỒN LỰC

5.12. Tiêu chí 12: Môi trường sư phạm

a. Mô tả:

5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường

Xuất phát từ điều kiện hạ tầng đồng bộ và vị trí thuận lợi có được qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển nhà trường với chủ trương xây dựng môi trường Sư phạm đúng đắn của các cấp lãnh đạo trường Đại học Sư phạm Hà Nội, một môi trường Sư phạm văn hóa với cảnh quan khàng trang, ngăn nắp, xanh sạch đẹp luôn được duy trì và nâng cấp phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày một cao của xã hội cũng như các yêu cầu nhiệm vụ qua từng thời kỳ của nhà trường theo xu hướng hội nhập và phát triển nhà trường thành một trường Sư phạm trọng điểm Quốc gia. Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết năm học và đề ra các phương hướng công tác cho năm học mới trong đó lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm và đặt nhiệm vụ cho công tác duy trì, nâng cao chất lượng CSVC tạo cảnh quan môi trường tốt nhất đáp ứng mọi hoạt động của nhà trường cho năm học mới [H5.12.01.01]. Dù có khó khăn về nguồn ngân sách tài chính Nhà nước cấp nhưng chủ trương của Nhà trường hàng năm vẫn luôn ưu tiên đầu tư tài chính để tổ chức khảo sát, xây dựng kế hoạch nâng cấp đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu được tốt nhất [H5.12.01.02]. Cảnh quan môi trường luôn được cải thiện xanh, sạch, ngăn nắp và gọn gàng: Cây xanh và hệ thống sân vườn trong khuôn nhà trường được quy hoạch phủ đều trên tổng thể quỹ đất tạo một môi trường cảnh quan xanh mát gần gũi thiên nhiên và thường xuyên được chăm sóc, bổ sung hàng năm; Công tác vệ sinh môi trường được duy trì nề nếp [H5.12.01.03; H5.12.01.04]. Bên cạnh kế hoạch chủ động thực hiện theo chủ trương, nghị quyết hàng năm của Nhà trường cho việc nâng cao chất lượng CSVC, Trường luôn có bộ phận tiếp nhận các

phản hồi từ giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên, học sinh và khách ngoài trường phản ánh về các vấn đề hạn chế, hư hỏng và xuống cấp cơ sở vật chất, cảnh quan, môi trường ảnh hưởng đến giảng dạy và học tập để khảo sát lập kế hoạch bổ sung khắc phục kịp thời các phát sinh làm ảnh hưởng đến môi trường hoạt động của Nhà trường [H5.12.01.05]. Trong nhiều năm gần đây Nhà trường chưa gặp các phản ánh nào từ người sử dụng Cơ sở vật chất về việc trì trệ trong công tác khắc phục hư hỏng, sự cố về cơ sở vật chất.

Bên cạnh các kế hoạch và đầu tư của Nhà trường để đảm bảo môi trường cảnh quan, cơ sở vật chất, nhà trường còn nhận được sự quan tâm từ Bộ GD&ĐT, từ Trung ương qua các Dự án đầu tư XD/CB bằng kế hoạch trung hạn đầu tư công 2016-2020. Các Dự án đã mang đến cho Nhà trường nhiều diện mạo mới cũng như đáp ứng kịp thời CSVC phục vụ các hoạt động ngày một gia tăng trong các năm gần đây cụ thể là 2 Dự án “Nhà lớp học đơn nguyên D4 trường THPT Chuyên và Trung tâm học liệu và chuyên giao công nghệ” [H5.12.01.06].

5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

Tuy nhà Trường chưa được phê duyệt Quy hoạch tổng thể 1/500 [H5.12.02.01] nhưng việc sắp xếp, quy hoạch khuôn viên, môi trường luôn có sự điều chỉnh phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và hiệu quả nhất cho các hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Năm học 2018 -2019 nhà trường đã điều chỉnh quy hoạch sắp xếp lại vị trí khu làm việc của khoa GDTC và SPKT [H5.12.02.02] và đầu tư nâng cấp xây dựng thêm một đơn vị mới là trường Tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành [H5.12.02.03].

Điều chỉnh mật độ Quy hoạch kiến trúc, khuôn viên nhà trường đáp ứng các chỉ tiêu quy định: Mật độ xây dựng phù hợp không lớn hơn 50% quỹ đất đảm bảo giành đất cho mật độ cây xanh sân vườn tạo cảnh quan, hạ tầng phụ trợ bãi đỗ xe, khu thể thao ngoài trời, hệ thống cấp thoát nước và cấp điện tạo nên môi trường thân thiện gần gũi với thiên nhiên; 100% các phòng học được quy hoạch tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng tự nhiên; 100% các giảng đường được lắp đặt điều hòa không khí; Giao thông đi lại nội bộ tuần hoàn không ùn tắc, an toàn và thuận tiện [H5.12.02.04].

Tuy nhiên, nguồn vốn ngân sách ngày một hạn hẹp chưa theo kịp định hướng phát triển của nhà trường và ảnh hưởng đến công tác quy hoạch cảnh quan, môi trường của nhà trường cụ thể là: Có rất nhiều công trình hết niên hạn sử dụng xuống cấp cần được thay thế để quy hoạch lại nhằm nâng cao chất lượng môi trường làm việc.

b. Điểm mạnh:

Nhà trường nhận được sự kế thừa trên nền tảng khuôn viên cơ sở vật chất ban đầu có quy mô khá tốt, đáp ứng quy hoạch phát triển nhà trường qua nhiều giai đoạn không bị lạc hậu, phù hợp với sự thay đổi và phát triển chung của xã hội. Là một trong số ít trường có khuôn viên đất và hạ tầng cơ sở vật chất đủ lớn, đồng bộ và nằm ở địa bàn trung tâm các trường học, các viện nghiên cứu đã tạo nên một môi trường phù hợp với hoạt động và phát triển của nhà trường.

c. Điểm tồn tại:

Nguồn vốn ngân sách ngày một hạn hẹp chưa theo kịp định hướng phát triển của nhà trường và ảnh hưởng đến công tác quy hoạch cảnh quan, môi trường của nhà trường cụ thể là: Có rất nhiều công trình hết niên hạn sử dụng xuống cấp cần được thay thế để quy hoạch lại nhằm nâng cao chất lượng môi trường làm việc.

d. Kế hoạch hành động

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát, lập quy hoạch nâng cấp, cải tạo chống xuống cấp các dãy nhà A1,A2,A3,A4.	QT, KHTC,	2019	2020
2		Lập kế hoạch duy trì công tác cải tạo, sửa chữa, khắc phục hư hỏng cục bộ hạ tầng kỹ thuật và công trình xây dựng toàn trường theo kế hoạch thường kỳ hàng năm.	QT, KHTC	2019	2020

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Lập đề án phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 – 2030, đưa vào kế hoạch trung hạn đầu tư công trình các cấp ban ngành phê duyệt.	KHTC, QT.	2019	2020

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 12	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.12.1				4			
Chỉ số 5.12.2				4			
Điểm TB tiêu chí	4,0						

5.13. Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy học

a. Mô tả:

5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường.

Thực hiện sứ mạng của Trường hiện nay là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; NCKH cơ bản, KHGD và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và KHCN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, cũng như thực hiện các bản kế hoạch ngắn, trung, dài hạn, sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển trường [H5.13.01.01; H5.13.01.02; H5.13.01.03], Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã ban hành các văn bản và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch chiến lược phát triển, kinh phí mặt bằng [H5.13.01.04].

Hệ thống cơ sở vật chất được xây dựng hình thành qua nhiều giai đoạn và thường xuyên được bảo trì, nâng cấp để đảm bảo sự dụng lâu dài và hiệu quả như: đầu tư xây dựng ký túc xá khang trang, sạch đẹp, phục vụ việc ăn ở, học tập lâu dài của sinh viên và người học [H5.13.01.05], xây dựng khu thể thao và sân vận động, nhà thi đấu với diện tích 2.537m² đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động văn hóa thể thao và các hoạt động ngoại khóa của trường [H5.13.01.06].

Nhà trường có các khu giảng đường - lớp học từ 35 chỗ đến 1200 chỗ với quy mô đào tạo khoảng 11.722 sinh viên và học viên [H5.13.01.07]; Trung tâm Thông tin - Thư viện khang trang, độc lập, với diện tích 5881m² xây dựng, 1200 chỗ ngồi và được bố trí hợp lý các phòng làm việc, phòng chức năng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của bạn đọc [H5.13.01.08] với nhiều loại hình tài liệu và phương tiện lưu trữ thông tin như: tài liệu truyền thống và tài liệu điện tử [H5.13.01.09, H5.13.01.10]; Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm được đầu tư trang thiết bị phù hợp để đáp ứng việc rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên sư phạm [H5.13.01.11].

Để đáp ứng tốt hơn mục đích giáo dục đề ra, hằng năm Trường ĐHSPHN đều đầu tư, nâng cấp, tăng cường CSVC [H5.13.01.12] và đã thực hiện được một số công trình nổi bật như: Dự án XD Đơn nguyên D4 - Trường THPT Chuyên ĐHSP Hà Nội [H5.13.01.13]; Dự án Trung tâm Học liệu và chuyển giao công nghệ [H5.13.01.14]; Toà nhà Ký túc xá sinh viên A12, A9... [H5.13.01.15], bên cạnh đó tiếp tục bổ sung các trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập của người học [H5.13.01.16],

Bên cạnh việc đầu tư xây mới từ các nguồn vốn Trung ương cấp, Nhà trường cũng đã nỗ lực tìm kiếm kinh phí để nâng cấp bổ sung trang thiết bị, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị cho các tòa nhà nhằm mục đích đáp ứng điều kiện tốt nhất để khai thác sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục. Đặc biệt từ khi Trường tiếp quản và xây dựng phân hiệu Đại học Sư phạm Hà Nội tại Hà Nam thì nhiệm vụ này càng trở nên cần thiết hơn. Nhà trường đã tiến hành lắp đặt hệ thống cấp điện cho phòng thực hành khoa Sư phạm Kỹ thuật tại tầng 1,3 nhà V [H5.13.01.17]; Cải tạo hệ thống điều hòa không khí, làm chấn nắng Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành [H5.13.01.18]; Cải tạo sân, hè, rãnh thoát nước, phòng chống mối Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành [H5.13.01.19]; Cải tạo nhà tiểu học - Phân hiệu ĐHSP Hà Nội tại Hà Nam [H5.13.01.20]; Cải tạo các phòng chức năng nhà Tiểu học Phân hiệu ĐHSP Hà Nội tại Hà Nam các tầng 1, 2, 5 [H5.13.01.21]; Bổ sung, thay thế lắp đặt,

nâng cấp thiết bị nhà vệ sinh trường tiểu học Phân hiệu ĐHSP Hà Nội tại Hà Nam [H5.13.01.22]; Cải tạo khu vệ sinh THCS -THPT phân hiệu ĐHSP Hà Nội tại Hà Nam [H5.13.01.23]; Cung cấp lắp và lắp đặt điều hòa không khí cho phòng 204 và 305 nhà THCS - THPT phân hiệu ĐHSP Hà Nội tại Hà Nam [H5.13.01.24]; Cung cấp lắp và lắp đặt điều hòa không khí cho phòng 203 và 303 nhà THCS -THPT phân hiệu ĐHSP Hà Nội tại Hà Nam [H5.13.01.25]; Cung cấp lắp đặt điều hòa không khí cho phòng học tầng 01 đầu Đông nhà tiểu học [H5.13.01.26]; Cung cấp lắp đặt điều hòa không khí cho phòng học tầng 01 đầu Tây nhà tiểu học [H5.13.01.27]; Cải tạo ngoài nhà và khu vực xung quanh nhà Tiểu học [H5.13.01.28]; Cải tạo khu hành chính nhà THCS - THPT Nguyễn Tất Thành - Phân hiệu Hà Nam [H5.13.01.29]; Cải tạo ngoài nhà: Tường, trần, lan can hành lang được trám vá và xử lý lại. Tiến hành cạo bỏ lớp vôi cũ, sơn lại toàn bộ tường trần ngoài nhà [H5.13.01.30]; Sửa chữa hệ thống máy bơm, bể nước; Lắp đặt hệ thống điện ngoài nhà, điện tổng các tầng [H5.13.01.31]; Cải tạo hệ thống chiếu sáng, thông gió và thiết bị WC nhà THCS - THPT [H5.13.01.32]; Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật, sân vườn: Cải tạo sân, sân đường, cổng, hàng rào [H5.13.01.33]; Cải tạo cảnh quan cây xanh vườn thực vật [H5.13.01.34]; Sửa chữa điện - nước tòa nhà A, B, C tại phân hiệu Hà Nam [H5.13.01.35]; Cung cấp lắp đặt bình nóng lạnh tầng 3, 4 nhà A12 [H5.13.01.36],[H5.13.01.37]; Phá dỡ KTX C4 và xây dựng khu thể thao ngoài trời tại khu vực sân nhà A5, A6 [H5.13.01.38]; Cải tạo cảnh quan sân vườn nhà A5, A6 Ký túc xá [H5.13.01.39]; Cải tạo khu Kiốt, nhà xe, kho thành vườn cây trước cửa nhà A5, rãnh thoát nước cạnh nhà A5; Nhà rác cũ một số khu vực trong trường [H5.13.01.40]; Phá dỡ, di chuyển trạm bơm cạnh nhà D2 và đấu nối cáp điện nguồn cho nhà D4 [H5.13.01.41]; Đấu nối hệ thống bể nước từ bể nhà D4 sang D1; lắp đặt tủ điện tầng 3,4 khoa Hóa nhà D4; Sửa đường cáp ngầm nhà C; Lắp đèn đường trước nhà D4 [H5.13.01.42]; Cung cấp lắp đặt bình nóng lạnh tầng 5, tầng 6, tầng 7, tầng 12 nhà A12 [H5.13.01.43; H5.13.01.44; H5.13.01.45; H5.13.01.46].

Song song với công tác đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, Nhà trường thường xuyên quan tâm đến việc trang bị tài liệu học tập cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh....Năm 2018 Nhà trường tiếp tục đầu tư cho Trung tâm Thông tin - Thư viện thông qua việc mua sắm, bổ sung sách cho cả cơ sở tại 136 Xuân Thủy và cơ sở Hà Nam [H5.13.01.47; H5.13.01.48; H5.13.01.49]; Trang bị 08 máy tính, 01 máy in

lazer, 02 máy in mã vạch mới phục vụ các công tác chuyên môn nghiệp vụ. Trung tâm cũng đã được phê duyệt và duy trì phần mềm chống đạo văn phục vụ tất cả các giảng viên trong việc kiểm soát đạo văn trong nghiên cứu khoa học [H5.13.01.50; H5.13.01.51; H5.13.01.52]. Ngoài ra, Trung tâm Thư viện đã tiến hành cài đặt phần mềm Quản lý thư viện sang máy chủ mới; Tiếp tục được mua quyền sử dụng các cơ sở dữ liệu tại Cục thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia cho Cán bộ quản lý các khoa, bộ môn [H5.13.01.53; H5.13.01.54].

Thêm vào đó, để đánh giá việc sử dụng các trang thiết bị, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện và các cơ sở vật chất khác, hằng năm Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm kê, báo cáo kế hoạch tình hình sử dụng trang thiết bị, CSVC và xây dựng kế hoạch định hướng cho năm sau [H5.13.01.55]. Nhà trường cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá từ sinh viên cuối khóa và cơ bản đã nhận được sự đánh giá là hài lòng về trang thiết bị, CSVC và phong cách, chất lượng phục vụ của cán bộ quản lý giảng đường, nhân viên phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu [H5.13.01.56].

5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

Trường ĐHSPTN luôn quan tâm đến cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành... được đầu tư đồng bộ, đầy đủ, hiện đại đáp ứng được mục tiêu đào tạo và sứ mạng của Nhà trường.

Hằng năm, dựa trên số lượng phòng học, CSVC, số lượng sinh viên và người học, Nhà trường có kế hoạch hoạt động trong việc sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường cũng như có bảng thời khóa biểu, sổ theo dõi thiết bị sử dụng góp phần tích cực phát huy tối đa hiệu quả khai thác vận hành, sử dụng trang thiết bị cho công tác dạy, học và NCKH cho nhiều đối tượng người học trong trường [H5.13.02.01; H5.13.02.02; H5.13.02.03; H5.13.02.04]

Với việc bố trí khoa học các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập linh hoạt Nhà trường đã đáp ứng tốt cho việc giảng dạy, học tập và NCKH theo yêu cầu của từng ngành đào tạo, cũng như phát huy hết hiệu quả sử dụng của cơ sở vật chất và trang thiết bị. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành tại các khoa không những phục vụ cho giảng viên,

sinh viên chính qui mà còn phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập của học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tập tại trường .

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có nhiều hệ đào tạo như: Đào tạo đại học, sau đại học, bồi dưỡng thường xuyên,... công tác đào tạo và học tập diễn ra xuyên suốt tất cả thời gian trong năm.... chính vì vậy nhu cầu của người học với việc được ở nội trú tại ký túc xá của trường là rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu này của người học, trường chú trọng đầu tư ký túc xá khang trang, sạch đẹp, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, cùng với việc bố trí khoa học, linh hoạt trong công tác quản lý, nhà trường đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập lâu dài không những của sinh viên chính qui mà còn đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng người học khác như: học viên cao, nghiên cứu sinh, học viên các lớp văn bằng hai, các lớp bồi dưỡng, lưu học sinh ... [H5.13.02.05], [H5.13.02.06].

Tuy nhiên, hiện nay nhiều giảng đường đã có dấu hiệu xuống cấp và cần phải cải tạo, nâng cấp cho đồng bộ. Phòng thí nghiệm cho các khoa vẫn còn thiếu nhiều thiết bị hiện đại và chuyên dụng.

Trung tâm thông tin thư viện luôn ý thức đẩy mạnh xây dựng nguồn tài liệu, giáo trình học tập đa dạng phong phú, từ dạng tài liệu truyền thống đến tài liệu điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu không những cho giảng viên, sinh viên, nghiên cứu sinh trong trường mà còn cả bạn đọc ngoài trường[H5.13.02.07]. Trung tâm thông tin thư viện đã đẩy mạnh công tác chia sẻ thông tin, tài liệu học tập dùng chung cũng như sử dụng các nguồn tài liệu mở qua mạng;Ký biên bản ghi nhớ về “*Hợp tác xây dựng và phát triển tài nguyên giáo dục mở cho giáo dục đại học ở Việt Nam*” với 26 đơn vị như Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc Gia nhằm đa dạng và sử dụng linh hoạt hơn nữa nguồn tài liệu phục vụ công tác học tập và nghiên cứu của cán bộ, sinh viên trong và ngoài trường [H5.13.02.08].

Khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp của Trường cho thấy đa số sinh viên hài lòng với giảng đường và phòng thực hành thí nghiệm của Nhà trường [H5.13.01.56].

5.13.3.Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.

Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) theo mô hình 2 lớp, có Core/Distribution Switch và các Access Switch, hệ thống mạng LAN được kết nối đến tất cả các tòa nhà trong trường bằng đường trục chính cáp quang tốc

độ 2Gbps bởi hệ thống Core Switch Cisco 6509. Hệ thống mạng không dây được lắp đặt hầu hết các đơn vị trong toàn trường. Đặc biệt mạng internet được kết nối trong toàn bộ khuôn viên của Nhà trường bao gồm 01 đường thuê bao riêng, tốc độ 100Mbps trong nước và 10Mbps đi quốc tế dùng để cung cấp các dịch vụ trực tuyến, 05 đường FTTH cáp quang với băng thông là 350Mbps, phục vụ nhu cầu khai thác Internet cho cán bộ và sinh viên trong trường cùng với hệ thống 21 máy chủ và trang thiết bị công nghệ thông tin đồng bộ, hệ thống công nghệ thông tin của trường về cơ bản không những đáp ứng được nhu cầu của cán bộ, sinh viên trong trường mà còn có thể phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến qua mạng đến từng đơn vị trong toàn trường và ngoài trường. Hệ thống máy chủ của Nhà trường cũng cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu trong hoạt động quản lý và điều hành online. Tất cả các máy vi tính trong toàn Trường được nối mạng Internet 24/24 giờ. Mỗi cán bộ, giảng viên và sinh viên đều có tài khoản để truy cập internet miễn phí trong nội bộ khuôn viên Nhà trường [H5.13.03.01]. Mặt khác, Nhà trường cũng quan tâm sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống CNTT nhằm tăng khả năng vận hành và tính ổn định của hệ thống [H5.13.03.02].

Xuất phát từ nền tảng CNTT đó, nhà trường đã đầu tư hạ tầng, thiết bị CNTT và truyền thông phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng trực tuyến và thực hành giảng dạy ảo. Nhà trường đã đầu tư hiện đại các phòng học và hệ thống truyền hình trực tuyến, hệ thống họp trực tuyến [H5.13.03.03]. Từ việc đầu tư này mà môi trường đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến của nhà trường đã có những bước tiến mạnh mẽ như: Hệ thống đào tạo trực tuyến qua công nghệ hội nghị truyền hình được ứng dụng trong bồi dưỡng thường xuyên [H5.13.03.04], các khóa bồi dưỡng giáo viên qua mạng trên hệ thống đào tạo trực tuyến của trường (LMS) tại địa chỉ: <http://lms.hnue.edu.vn> được tổ chức với số lượng học viên lên đến 5000 người, cụ thể: nhà trường đã phối hợp với các tỉnh Yên Bái, Điện Biên, Ninh Bình tổ chức lớp bồi dưỡng trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục đạt kết quả tốt. [H5.13.03.05], [H5.13.03.06], [H5.13.03.07].

Tuy nhiên, môi trường trực tuyến của trường mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu bồi dưỡng ngoài trường, và cũng chưa xây dựng được kênh phản hồi và đánh giá về chất lượng công tác bồi dưỡng, đào tạo bằng hình thức online.

5.13.4. Hệ thống CNTT của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả

Công tác duy tu, bảo trì hệ thống công nghệ thông tin luôn được Trường quan tâm và thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng cho cán bộ, giảng viên, người học, sử dụng hiệu quả hệ thống CNTT. Nhà trường đã xây dựng các quy chuẩn trong quản lí hành chính, thủ tục, hướng đến xây dựng một hệ thống thông tin tổng thể, cụ thể như: xây dựng hệ thống quản lí đào tạo chính quy, đăng kí nộp hồ sơ bảo vệ luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ qua mạng, hệ thống quản lí tạp chí và thông tin khoa học công nghệ... [H5.13.04.01; H5.13.04.02]. Nhà trường chú trọng sử dụng các phần mềm chuyên dụng có bản quyền để phục vụ công tác chuyên môn cho hoạt động của các phòng, ban, trung tâm nhằm tăng tính an toàn khi sử dụng các phần mềm, trong đó có một số phần mềm luôn được duy trì sử dụng như phần mềm tường lửa... [H5.13.04.03]. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn có một số phần mềm đã quá cũ, không cập nhật, nâng cấp nên trong khi triển khai công việc cũng gặp nhiều khó khăn. Một số trang thiết bị dạy học và nghiên cứu đã sử dụng lâu năm, xuống cấp và lạc hậu.

Bên cạnh việc định kỳ bảo trì thường xuyên hệ thống CNTT, Nhà trường cũng tiến hành mua mới, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị dạy học và NCKH... khi các đơn vị có yêu cầu nhằm đáp ứng tốt công tác đào tạo [H5.13.04.01; H5.13.04.04].

Trong tiến trình xây dựng một trung tâm thông tin thư viện điện tử, Trường đã chú trọng đầu tư các dạng tài liệu điện tử như: đầu tư 65 tên sách điện tử được quyền truy cập vĩnh viễn, 05 cơ sở dữ liệu tạp chí khoa học online, mua quyền sử dụng tài liệu điện tử cũng như thẻ bạn đọc đặc biệt từ Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia, tất cả các tạp chí này được khai thác thông qua địa chỉ IP của Trường đã đăng ký với các nhà xuất bản để cung cấp cho người học và giảng viên [H5.13.04.05; H5.13.04.06; H5.13.04.07]. Hiện nay, Trung tâm thông tin Thư viện tiến hành số hoá tài liệu nội sinh có tại TT-TT-TV như các tài liệu luận án, luận văn [H5.13.04.08]. Tuy nhiên, việc số hóa tại Trung tâm thông tin thư viện của trường còn chậm. Giảng viên của trường cũng đã tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, chỉ một số môn học có xây dựng hệ thống bài giảng e-learning.

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên về ngành/khoá đào tạo trước khi ra trường, kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên đều hài lòng với cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H5.13.04.09].

b. Điểm mạnh

- Trường có mặt bằng, không gian, cảnh quan rộng, các giảng đường và các phòng chức năng được thành lập và đầu tư hiện đại, bố trí khoa học phù hợp công tác giảng dạy của các khoa và làm việc của các phòng ban, đáp ứng với sứ mệnh của trường

- Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị luôn được theo dõi tần suất hoạt động và bảo trì thường xuyên.

- Nguồn tài liệu thư viện đa dạng, phong phú, cùng với nhiều hình thức phục vụ luôn đáp ứng nhu cầu đọc và học của người sử dụng.

- Nhà trường có kinh nghiệm và nguồn nhân lực mạnh đáp ứng công tác đào tạo và bồi dưỡng trực tuyến

c. Điểm tồn tại

- Hệ thống các phòng thí nghiệm, phòng thực hành còn thiếu thiếu nhiều thiết bị hiện đại, chuyên dụng.

- Nhiều giảng đường xuống cấp, cần cải tạo, nâng cấp cho đồng bộ.

- Việc số hóa tại Trung tâm thông tin thư viện của trường còn chậm.

- Chưa lấy ý kiến khảo sát sinh viên về ngành/khoá đào tạo trước khi ra trường bằng hình thức online.

- Một số trang thiết bị dạy học và nghiên cứu đã sử dụng lâu năm, xuống cấp và lạc hậu.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tham gia, tiếp cận các nguồn đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT, trang thiết bị dạy học và nghiên cứu hiện đại, đồng bộ, xây dựng các kênh phản hồi online cho người học	P. KHCN, khoa CNTT, Trung tâm CNTT	2019	2020
2		Xây dựng chính sách khuyến khích giảng viên xây dựng hệ thống các cơ sở dữ liệu bài học, bài giảng.	P. ĐT, P. TCCB, KHTC, các khoa	2019	2020
3		Tập trung đẩy mạnh công tác số hoá tại TT-TT-TV đồng thời đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại phù hợp với yêu cầu đào tạo của các khoa trong trường	P. KHCN, các khoa, P. KHTC, TT-TT-TV	2019	2020
1	Phát huy điểm mạnh	Nghiên cứu vận dụng các mô hình tiên tiến quốc tế hướng đến mô hình đại học e-campus	Toàn Trường	2019	2021
2		Kết nối với các địa phương, tăng cường bồi dưỡng trực tuyến	P. ĐT, Các khoa, TTĐTBDTX	2019	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
3		Trung tâm thông tin thư viện tiếp tục duy trì và phát triển nguồn tài liệu đa dạng, phong phú nhằm đáp ứng tốt hơn nữa công tác phục vụ đào tạo của nhà trường	TT-TT-TV, P.KHCN,Các khoa,	2019	2021

e. Tự đánh giá

Tiêu chí 13	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5. 13.1				4			
Chỉ số 5. 13.2				4			
Chỉ số 5. 13.3				4			
Chỉ số 5. 13.4				4			
Điểm trung bình tiêu chí	4.0						

5.14. Tiêu chí 14. Nguồn tài chính

a. Mô tả

5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường.

Trường ĐHSPTN là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên và được tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ. Trường là đơn vị dự toán cấp II trực thuộc Bộ GD&ĐT, trong Trường còn có các đơn vị dự toán cấp III là các đơn vị dự toán trực thuộc hạch toán độc lập.

Kế hoạch phát triển tài chính được thể hiện cụ thể trong các kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và dự toán hàng năm [H5.14.01.01]. Nhà trường đã tranh

thủ khai thác nguồn đầu tư từ các chương trình, dự án để tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phương tiện làm việc. Với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao, Nhà trường chủ động khai thác các nguồn thu hoạt động sự nghiệp đào tạo từ các địa phương, thu dịch vụ đào tạo bồi dưỡng, cho thuê mặt bằng... đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. [H5.14.01.02]; [H5.14.01.03].

Tài chính là nguồn lực cần thiết để duy trì và thực hiện các hoạt động của Nhà trường. Nguồn thu tài chính của Trường chủ yếu từ hai nguồn: kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu hoạt động sự nghiệp. Sử dụng các nguồn tài chính đảm bảo tuân thủ các chế độ, chính sách và qui định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ; chi tiêu hợp lý, hiệu quả hoạt động và chiến lược phát triển của Trường nhằm đảm bảo tài chính cho các hoạt động thường xuyên, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, có tích lũy cho đầu tư phát triển và tăng thu nhập cho người lao động [H5.14.01.04, H5.14.01.05].

- Nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp:

Năm tài chính 2017 tổng thu do nhà nước cấp là: 170.327 triệu đồng, cụ thể như sau: Đào tạo đại học 133.684 triệu đồng; Đào tạo sau đại học là: 5.900 triệu đồng; Đào tạo nâng cao chuyên môn cho cán bộ viên chức là: 1.400 triệu đồng; Đào tạo đề án giáo dục quốc phòng là: 11.027 triệu đồng; Đào tạo lưu học sinh Lào là: 3.557 triệu đồng; Chương trình mục tiêu Đề án 2020 là: 9.100 triệu đồng; Nhiệm vụ Bộ giao (ETEP) là: 4.634 triệu đồng; Nghiên cứu khoa học là: 8.825 triệu đồng; KP Sự nghiệp môi trường 2.200 triệu đồng; KP trợ giá báo chí nhiệm vụ đặt hàng của Chính phủ xuất bản phẩm: 500 triệu đồng.

Năm tài chính 2018 tổng thu do nhà nước cấp là: 229.684 triệu đồng, cụ thể như sau: Đào tạo đại học 148.652 triệu đồng; Đào tạo sau đại học là: 5.900 triệu đồng; Đào tạo đề án giáo dục quốc phòng là: 7.459 triệu đồng; Đào tạo lưu học sinh Lào là: 5.326 triệu đồng; Đề án ngoại ngữ 2020 là: 9.590 triệu đồng; Chương trình mục tiêu là: 504 triệu đồng; Nhiệm vụ Bộ giao là: 2.181 triệu đồng; Nghiên cứu khoa học là: 5.508 triệu đồng; Đầu tư xây dựng cơ bản các công trình là: 44.564 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí thu từ hoạt động sự nghiệp:

+ Thu học phí: SV các ngành ngoài sư phạm, chính quy theo địa chỉ, cao học, nghiên cứu sinh, văn bằng hai, đào tạo từ xa, vừa làm vừa học, liên thông,...

+ Thu lệ phí: Tuyển sinh đại học, tuyển sinh sau đại học.

+ Thu dịch vụ đào tạo: Lưu học sinh quốc tế, liên kết đào tạo cao học (lớp đặt tại địa phương theo nhiệm vụ Bộ GD-ĐT giao cho trường), chuyển đổi, ôn thi cao học, bồi dưỡng chứng chỉ/chứng nhận (nghịệp vụ sư phạm, thiết bị, chuyên đề, tín chỉ,...), bồi dưỡng nâng hạng giáo viên, tổ chức thi tin học và thi tuyển viên chức cho các địa phương, ôn và thi chứng chỉ tiếng Anh....

+ Thu từ các hoạt động khác trích nộp cho trường: Các đề tài NCKH, các hoạt động chuyển giao KHCN có sử dụng tư cách pháp nhân của trường, dịch vụ cho thuê mặt bằng và CSVC, KTX, thu khác....

+ Thu từ các đơn vị trực thuộc trích nộp cho trường: Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành, Trường THPT Chuyên ĐHSP, Trường Mầm non Búp Sen Xanh, Viện Nghiên cứu Sư phạm, các trung tâm, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Trung tâm Nghiên cứu và Sản xuất Học liệu.

Năm tài chính 2017 tổng thu từ hoạt động sự nghiệp là: 191.191 triệu đồng cụ thể như sau: Đào tạo VLVH là: 37.147 triệu đồng; Đào tạo hệ VB2 là 9.961 triệu đồng; Đào tạo ngoài trường là: 8.952 triệu đồng; Đào tạo bồi dưỡng NVSP là: 12.781 triệu đồng; Đào tạo bồi dưỡng chứng chỉ là: 28.487 triệu đồng; NCKH cơ bản Nafosted là: 8.955 triệu đồng; NCKH khác là: 6.999 triệu đồng; Đào tạo hợp tác nước ngoài là: 2.843 triệu đồng; Chương trình ETEP là: 4.460 triệu đồng; Các nguồn thu khác là: 70.606 triệu đồng.

Năm tài chính 2018 tổng thu từ hoạt động sự nghiệp là: 239.452 triệu đồng cụ thể như sau: Đào tạo VLVH là: 35.138 triệu đồng; Đào tạo hệ VB2 là: 8.061 triệu đồng; Đào tạo ngoài trường là: 31.611 triệu đồng; Đào tạo bồi dưỡng NVSP là: 12.320 triệu đồng; Đào tạo bồi dưỡng chứng chỉ là: 49.734 triệu đồng; NCKH cơ bản Nafosted là: 10.103 triệu đồng; NCKH khác là: 2.785 triệu đồng; Đào tạo hợp tác nước ngoài là: 3.456 triệu đồng; Chương trình ETEP là: 4.451 triệu đồng; Các nguồn thu khác là: 81.793 triệu đồng.

Các nguồn thu trên được hạch toán, quản lý trên phần mềm kế toán của phòng Kế hoạch - Tài chính cung cấp đầy đủ báo cáo, sổ sách kế toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 về “Chế độ kế toán cho đơn vị hành chính sự nghiệp”. Từ năm 2018, quy định về quản lý tài chính của Trường sẽ thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Áp dụng kể từ ngày 01/01/2018 thay thế Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính. Hệ thống chứng từ kế toán được lưu trữ, ghi chép rõ ràng theo đúng qui định của Nhà nước. Hằng năm hoạt động và báo cáo tài chính của Trường được phê duyệt quyết toán của Bộ GD&ĐT; Kiểm toán của cơ quan Kiểm toán Nhà nước theo định kỳ [H5.14.01.06; H5.14.1.07; H5.14.1.08; H5.14.1.09].

Các hoạt động về tài chính được báo cáo, thảo luận công khai ở ba hội nghị: Hội nghị tài chính công khai toàn bộ công tác tài chính trong năm; Hội nghị cán bộ - viên chức và người lao động công khai tình hình Quỹ phúc lợi; Hội nghị tổng kết năm học báo cáo tham luận của các đơn vị đánh giá về công tác tài chính cho thấy là chi đúng mục đích phục vụ các hoạt động của Nhà trường phù hợp với sứ mạng và kế hoạch chiến lược đã đề ra [H5.14.01.10; H5.14.01.11].

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tăng các nguồn thu, hàng năm Nhà trường tổ chức các hội nghị tài chính, hội nghị tổng kết năm học, hội nghị Cán bộ - Viên chức và người lao động,... nhằm đánh giá công tác triển khai, rà soát, lấy ý kiến nhằm điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, bổ sung các nguồn thu cho phù hợp với chiến lược của Trường [H5.14.01.12].

5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của Trường.

Tính đến nay, Nhà trường đã hợp tác với 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới trong giảng dạy, nghiên cứu, tổ chức Hội thảo khoa học, liên kết đào tạo đáp ứng mục tiêu chiến lược ưu tiên và khuyến khích cán bộ giảng viên học tập nâng cao trình độ khả năng tham gia Hội thảo; Nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước tăng nguồn thu và năng lực của Nhà trường [H5.14.02.01; H5.14.02.02; H5.14.02.03; H5.14.02.04; H5.14.02.05]. Tuy nhiên, nguồn thu từ hợp tác đào tạo nước ngoài chiếm tỷ trọng rất nhỏ 2,40% trong tổng nguồn thu sự nghiệp [H5.14.01.06; H5.14.01.07].

Các nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Trường được sử dụng, phân bổ hợp lý. Chi trả trực tiếp cho người lao động (Giảng dạy, ra đề, tổ chức thi, chấm thi và phục vụ đào tạo); Chi trả các dịch vụ, vật tư học liệu... trong quá trình đào tạo; Trích cải cách tiền lương, quỹ phúc lợi, quỹ ổn định thu nhập và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Các khoản chi trực tiếp góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, là cơ sở tạo nguồn cho quá trình tái đầu tư sức lao động cho giảng dạy, nghiên cứu; Thông

qua việc trích các quỹ có nguồn cho tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị đảm bảo và nâng cao năng lực phục vụ giảng dạy, học tập nghiên cứu và các hoạt động chung của Nhà trường.

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tăng các nguồn thu, hàng năm Nhà trường tổ chức các hội nghị tài chính, hội nghị tổng kết năm học, hội nghị Cán bộ - Viên chức và người lao động,... nhằm đánh giá công tác triển khai và rà soát nhằm điều chỉnh, bổ sung các nguồn thu đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Trường [H5.14.01.07; H5.14.01.10; H5.14.01.11; H5.14.01.12].

Tài chính của Trường ĐHSPHN trong những năm qua đã được quản lý và sử dụng có hiệu quả nhất là nguồn thu từ hợp tác quốc tế với Chính phủ và phi chính phủ. Công tác quản lý tài chính tuân thủ các qui định của Nhà nước, đảm bảo công khai minh bạch từ khâu lập kế hoạch đến quyết toán. Nội dung chi hợp lý, đúng nguyên tắc đảm bảo phục vụ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH của Trường.

Công tác tổ chức kế toán từng bước hiện đại hóa theo hướng ứng dụng CNTT và hướng tới thanh toán điện tử. Nguồn tài chính của Nhà trường được quản lý tập trung, quỹ phúc lợi ngày càng tăng, đảm bảo từng bước nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức.

b. Điểm mạnh

- Trường đã tạo lập được các nguồn thu hợp pháp, đa dạng từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và một phần từ nghiên cứu khoa học trên cơ sở phát huy nội lực theo kế hoạch chiến lược của Trường phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đề ra.

- Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, dự toán và quản lý tài chính một cách hệ thống, đầy đủ, chính xác, công khai minh bạch cho tất cả các nguồn kinh phí. Góp phần tạo dựng sự đồng thuận, nhất trí cao trong các hoạt động phát triển của Nhà trường.

- Các nguồn kinh phí được phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng quy định đáp ứng mục tiêu trọng tâm cho từng giai đoạn phát triển của Trường.

c. Điểm tồn tại

- Các nguồn thu quy mô còn nhỏ, tính bền vững không cao, liên tục biến động; Nguồn thu từ hoạt động KHCN và hợp tác quốc tế còn hạn chế.

- Kinh phí dùng cho đổi mới giảng dạy, nghiên cứu và trang bị nâng cấp cơ sở vật chất còn hạn hẹp

d. Kế hoạch hành động

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tập huấn nâng cao kỹ năng, năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng viên trong đầu thầu đề tài, dự án. Tăng nguồn thu KHCN và hợp tác quốc tế.	Phòng KHCN-KHTC	2019	2023
2		Bổ sung, chỉnh sửa Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hiện tại. Xây dựng dịch vụ đào tạo tốt nhằm thu hút học viên, mở rộng đào tạo liên kết, bồi dưỡng trong và ngoài nước tăng nguồn thu cho Trường.	TT ĐTBĐTX, phòng KHTC, Đào tạo	2019	2023
		Chuyển đổi mô hình Viện NCSP sang tự chủ theo Nghị định 54	Viện NCSP, TCCB, KHTC	2019	2020
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì, phát triển các nguồn thu sự nghiệp nhất là thu từ bồi dưỡng giáo viên đáp ứng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.	Phòng ĐT, SDH, TT ĐTBĐTX, Các khoa	2019	2023
2		Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, công khai, minh bạch. Sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng quy định. Tạo dựng sự đồng thuận trong chiến lược phát triển của Trường.	P. KHTC, các đơn vị liên quan	2019	2023

e. Tự đánh giá

Tiêu chí 14	Thang đánh giá
--------------------	-----------------------

	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.14.1				4			
Chỉ số 5.14.2				4			
Điểm TB tiêu chí	4						

5.15. Tiêu chí 15. Nguồn nhân lực

a. Mô tả:

5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.

Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng kỷ luật bám sát với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược [H5.15.01.01]. Công tác tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được nhà trường coi trọng, thực hiện theo quy trình, có tiêu chí rõ ràng được qui định trong “Qui chế tuyển dụng viên chức” [H5.15.01.02]. Chính sách tuyển dụng luôn hướng tới mục tiêu có đội ngũ có chất lượng cao hướng tới xây dựng nhà trường thành Trường đại học định hướng nghiên cứu và là trung tâm đào tạo, NCKH có uy tín của cả nước và trong khu vực.

Đề án vị trí việc làm được xây dựng phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra [H5.15.01.03]. Hằng năm, Trường đều có kế hoạch về tuyển dụng nhân lực, số lượng tuyển dụng đều căn cứ vào đề án vị trí việc làm để đảm tính khoa học, phù hợp với định hướng phát triển nhà trường vẫn đảm bảo tinh thần thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015) [H5.15.01.04].

Công tác tuyển dụng đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, ban hành chặt chẽ, khoa học, đảm bảo theo các quy định của Nhà nước và Nhà trường. Trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc để đăng ký số lượng, chỉ tiêu tuyển dụng; các đơn vị căn cứ trên nhu cầu thực tế của mình đề xuất số lượng chỉ tiêu tuyển dụng. Trên cơ sở đề xuất từ các đơn vị, Hội đồng tuyển dụng của Trường tiến hành họp và xem xét nhu cầu công tác của từng đơn vị, đồng thời căn cứ trên kế hoạch chiến lược phát triển chung để duyệt số lượng chỉ tiêu cần tuyển [H5.15.01.05]. Để thu hút, tuyển mộ nhân lực, Trường ra thông báo tuyển dụng công khai (trên trang website của Trường, trên báo Hà Nội mới và dán thông báo tại bảng thông báo của Phòng Tổ chức cán bộ [H5.15.01.06]). Kết quả thi tuyển viên chức hàng

năm đều được thông báo công khai và báo cáo gửi Bộ Giáo dục & Đào tạo [H5.15.01.07; H5.15.01.08; H5.15.01.09]. Công tác tuyển dụng của trường đều được đánh giá hàng năm. Trong quá trình thực hiện mặt công tác này, các mục tiêu cụ thể, tiến độ, cách thức thực hiện cũng được điều chỉnh cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng của Trường [H5.15.01.10].

Số lượng GV, NV được tuyển dụng mới trong giai đoạn 2014 - 2018.

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
31	18	2	2	11

(Nguồn: Phòng Tổ chức cán bộ)

Trường có quy định cụ thể về chế độ đối với giảng viên tập sự để làm cơ sở cho hoạt động phát triển giảng viên khi mới bắt đầu công việc [H5.15.01.11]. Kế hoạch hằng năm về bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV, NV được tiến hành căn cứ trên nhu cầu nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của GV, NV của các đơn vị. Trên cơ sở đó Nhà trường cử GV, NV tham gia những lớp bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ... trong và ngoài trường tương ứng với ngạch viên chức và vị trí công việc [H5.15.01.12].

Căn cứ vào các chế độ, chính sách của Nhà nước, Nhà trường chú trọng tới những chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ CBQL, GV tham gia các hoạt động NCKH, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.15.01.13] [H5.15.01.14]. Trường có qui định chế độ về kinh phí đối với CBQL, GV tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài [H5.15.01.15]. Các chính sách hỗ trợ các nhà khoa học NCKH và hướng dẫn người học NCKH được quy định cụ thể. Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan tới các đề tài, dự án đề cán bộ, giảng viên trong nhà trường có cơ hội tiếp cận, tham gia. Nhiều nhà khoa học của trường đã được giao chủ trì, tham gia các đề tài khoa học các cấp [H5.15.01.16].

Số lượt GV, NV đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lí hành chính và lí luận chính trị trong giai đoạn 2014 - 2018

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
332	374	593	215	303

(Nguồn: Phòng Tổ chức cán bộ)

Việc đảm bảo các chế độ đối với cán bộ, giảng viên được thể hiện cụ thể trong quyết định cử nhân sự tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Trong thời gian qua, nhiều cán bộ, giảng viên đã tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ (Cao học, NCS) ở trong nước, nước ngoài [H5.15.01.17]. Các nhà khoa học được công nhận đạt tiêu chuẩn học hàm PGS, GS trong các đợt xét, công nhận của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước đã thể hiện chất lượng, uy tín của đội ngũ các nhà khoa học của Trường [H5.15.01.18]. Công tác đánh giá về nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực được thực hàng năm và đánh giá theo từng giai đoạn. Từ đó, nhà trường đã có những điều chỉnh chính sách phát triển nguồn nhân lực để phù hợp với tình hình thực tế [H5.15.01.19; H5.15.01.20; H5.15.01.21].

Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức trong giai đoạn 2014 - 2018

Đơn vị tính: tỉ đồng

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1.550	1.584	1.600	3.577	5.669

(Nguồn: Phòng kế hoạch tài chính)

Trường đã có những chính sách về công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động. Nhà trường, đã xây dựng và ban hành quy định về đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của Trường [H5.15.01.22], Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường [H5.15.01.23]. Các kế hoạch triển khai thi đua, đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức luôn được thực hiện khoa học, chặt chẽ và rõ ràng [H5.15.01.24]. Thông qua việc đánh giá, Trường xếp loại được mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức và người lao động. Kết quả xếp loại này là cơ sở cho công tác thi đua, khen thưởng và xét mức lương thu nhập tăng thêm. Nhà trường luôn kịp thời khen thưởng đối với cán bộ, viên chức và người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích cao trong việc nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ [H5.15.01.25]. Nhân dịp lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam hằng năm, những cán bộ, GV được phong hàm phó giáo sư, giáo sư, khen thưởng các cấp được Nhà trường tôn vinh, tuyên dương với những thành tích mà CB, GV đã đạt được [H5.15.01.26].

Với sứ mạng, kế hoạch chiến lược của Trường, hoạt động NCKH luôn được coi trọng, khuyến khích. Năm 2009 Nhà trường đã thành lập “Quỹ hỗ trợ khen thưởng Khoa học Công nghệ” [H5.15.01.27]. Hằng năm, Trường đều tổ chức xét các công

trình NCKH của tập thể, cán bộ, GV và tuyên dương, khen thưởng cho các công trình có chất lượng khoa học tốt. [H5.15.01.28]. Để nâng cao chất lượng hoạt động khoa học tháng 3/2019 Nhà trường đã ban hành Quy chế Giải thưởng Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, nhiều CB, GV được khen thưởng về các công trình khoa học [H5.15.01.27]. Tuy nhiên, nguồn hình thành “Quỹ hỗ trợ khen thưởng Khoa học Công nghệ” chủ yếu từ sự đóng góp của một số cá nhân nên kinh phí của Quỹ còn hạn chế. Số lượng khen thưởng cho các đề tài, công trình khoa học còn chưa nhiều.

Nhìn chung, những chính sách và biện pháp đã được thực hiện cũng đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác xây dựng đội ngũ CBQL, GV có trình độ chuyên môn cao, đồng thời nâng cao hiệu quả NCKH, HTQT trong Trường. Những chính sách về khen thưởng, kỉ luật của Trường luôn được đánh giá, xem xét để cải tiến để phù hợp với yêu cầu phát triển của trường [H5.15.01.29; H5.15.01.30]. Qua các ý kiến trao đổi, phát biểu tại các hội nghị viên chức và người lao động cấp khoa, phòng, ban và cấp trường, cán bộ - viên chức nhà trường cơ bản hài lòng với các chính sách tuyển dụng, phát triển đội ngũ cũng như các chính sách thi đua, khen thưởng của trường hiện nay [H5.15.01.31].

5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển, Trường có kế hoạch xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ GV có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi phù hợp với tiến độ đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ GV nhằm đạt mục tiêu trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu và là trung tâm đào tạo, NCKH có uy tín của cả nước và trong khu vực [H5.15.02.01].

Trường có quy chế quy định rõ các nguyên tắc, hình thức, trình tự, thủ tục về tuyển dụng, bên cạnh đó cũng nêu rõ chính sách đặc cách đối với những người có kinh nghiệm phù hợp với vị trí chuyên môn, có học vị tiến sĩ, công khai thông tin về việc ưu tiên người có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu [H5.15.02.02].

Trong thời gian qua, nhà trường đặt sự tin tưởng cao vào những ý tưởng, công trình nghiên cứu của đội ngũ nhà giáo. Các nhà giáo có cơ hội, môi trường thuận lợi để tham gia thực hiện các chương trình, đề tài lớn cấp nhà nước, bộ, ngành. Các nhà giáo trẻ cũng được khuyến khích trong môi trường cạnh tranh công bằng nhằm đảm bảo

phát triển đội ngũ có tính kế thừa. Sự nhìn nhận, xem xét về cơ hội nghiên cứu, phát triển của các nhà khoa học, đội ngũ cán bộ quản lý đã dần bỏ các định kiến về tuổi tác, kinh nghiệm cùng giới tính. Việc xây dựng, đề xuất, đảm nhận các công trình nghiên cứu thực hiện công khai, cạnh tranh, không mang tính “cào bằng”. Những nhà khoa học có bài báo hoặc đề tài khoa học đăng trên các tạp chí nước ngoài trong danh mục các tạp chí thuộc ISI, SCI, SCIE, SCOPUS... được hỗ trợ kinh phí nhằm động viên, khuyến khích nhằm nâng cao uy tín, chất lượng các công trình mà CB, GV Nhà trường công bố [H5.15.02.03], [H5.15.02.04].

Để phát triển đội ngũ nhà giáo hướng tới nhà giáo dục xuất sắc, nhà trường cũng chú trọng tới việc đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế, cử cán bộ và giảng viên của nhà trường tham dự các hội thảo quốc tế tại các quốc gia trên thế giới. Đây là điều kiện tốt để nghiên cứu khoa học của trường, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Các nhà giáo được tăng cường hợp tác với các nhà khoa học quốc tế, kết nối cộng đồng khoa học ở các lĩnh vực chuyên môn cụ thể [H5.15.02.05] .

Hiện nay, đội ngũ GV cơ hữu của Trường (tính đến 30/6/2019) gồm có: 725 GV, trong đó có 16 GS - chiếm 2,2%; 158 PGS - chiếm 21,8%; 418 TS - chiếm 57,66%; 303 thạc sĩ - chiếm 41,79%; 04 cử nhân - chiếm 0,55%. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ, TS đạt và vượt tiến độ theo chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ GV của Trường. Từ khi thành lập Trường cho đến nay số giảng viên của Nhà trường được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và Nhà giáo ưu tú như sau: 40 Nhà giáo Nhân dân, 144 Nhà giáo Ưu tú [H5.15.02.06], [H5.15.02.07].

Để làm tốt công tác bổ nhiệm CBQL, Trường có quy trình khoa học và kế hoạch cụ thể chặt chẽ, đảm bảo công khai và minh bạch. Việc đánh giá cán bộ, viên chức được thực hiện theo tiêu chuẩn, nhiệm vụ của vị trí công việc, dựa trên các tiêu chí quy định trong quy chế đánh giá của nhà trường và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng cũng như bổ nhiệm CBQL dựa trên Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ trường Đại học, các qui định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, phù hợp mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển cụ thể của Trường [H5.15.02.08]. Trên cơ sở đội ngũ GV, NV của Trường, những người có năng lực, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn qui định được quy hoạch theo từng cấp được đưa vào diện quy hoạch, theo dõi, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Trường đã triển khai quy hoạch các chức danh cán bộ diện Bộ

GD&ĐT quản lý nhiệm kỳ 2017-2022 và các nhiệm kỳ tiếp theo (02 cán bộ được quy hoạch vào vị trí Hiệu trưởng, 14 cán bộ được quy hoạch vào vị trí Phó Hiệu trưởng). Công tác quy hoạch Trường, Phó các đơn vị trong toàn trường cũng được thực hiện dân chủ, minh bạch. Trường đã triển khai quy hoạch bổ sung các chức danh cán bộ diện Bộ GD&ĐT quản lý nhiệm kỳ 2017 -2022 (03 cán bộ được quy hoạch vào vị trí Hiệu trưởng, 09 cán bộ được quy hoạch vào vị trí Phó Hiệu trưởng). Tháng 5 năm 2019, Trường đã triển khai quy hoạch bổ sung các chức danh cán bộ diện Bộ GD&ĐT quản lý nhiệm kỳ 2022 - 2027 (02 cán bộ cán bộ được quy hoạch vào vị trí Chủ tịch Hội đồng Trường, 03 cán bộ được quy hoạch vào vị trí Hiệu trưởng, 10 cán bộ được quy hoạch vào vị trí Phó Hiệu trưởng). Công tác bổ nhiệm CBQL của Trường được thực hiện theo đúng quy định của các cơ quan nhà nước cũng như quy chế tổ chức, hoạt động của Trường và có báo cáo tổng kết để rà soát, đánh giá và phát triển đội ngũ cán bộ [H5.15.02.09, H5.15.02.10], [H5.15.02.11]. Tuy nhiên công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ, phát triển các nhà khoa học xuất sắc còn thụ động do nhiều yếu tố khách quan. Trên cơ sở đó đề xuất các chính sách cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường [H5.15.02.12].

5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo có chất lượng cao phù hợp với điều kiện thực tiễn. Hiện nay, Nhà trường có các quy định về tuyển dụng giảng viên thỉnh giảng. Về tiêu chuẩn, quy trình hoạt động giảng viên thỉnh giảng đáp được Trường ban hành, triển khai nhằm tạo sự thuận lợi cho việc thực hiện của các đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Chế độ đãi ngộ đối với giảng viên thỉnh giảng được thực hiện nhằm thu hút đội ngũ nhà khoa học đầu ngành tham gia giảng dạy, cộng tác với Trường [H5.15.03.01], [H5.15.03.02].

Các đơn vị trực tiếp sử dụng giảng viên thỉnh giảng được phân cấp trực tiếp quản lý, đảm bảo chất lượng tham gia các hoạt động đào tạo của Trường, đặc biệt là trong đào tạo sau đại học [H5.15.03.02]; [H5.15.03.03]. Nhà trường, đã xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo với việc tăng cường hợp tác với các trường đã ký kết, đẩy mạnh chương trình liên kết với với nhiều nhà khoa học lớn ở các Trường có uy tín, Viện nghiên cứu trong nước và nước ngoài, tổ chức quốc tế. Xây dựng một số dự án hợp tác với các nước Anh, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Niu-Di-lân... về đào tạo tiếng Anh nhằm

thực hiện chủ trương nâng cao hiệu quả dạy và học một số môn bằng tiếng Anh ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội với mục tiêu nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế nhằm phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường Đại học Sư phạm trọng điểm[H5.15.03.04]. Công tác tuyển dụng, sử dụng giảng viên thỉnh giảng được đánh giá để chỉ ra những mặt được và hạn chế [H5.15.03.05]. Từ đó, các chính sách cũng được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu phát triển của nhà trường [H5.15.03.06].

b. Điểm mạnh:

- Công tác tuyển dụng, phát triển nhân lực và công tác thi đua, khen thưởng, kỉ luật thực hiện đúng theo các quy định của Pháp luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của trường gắn liền tầm nhìn, mục tiêu chiến lược.

- Công tác tuyển dụng chú trọng tới việc thu hút nhân lực có trình độ cao, chất lượng để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho CBGV được thực hiện với nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện của nhà trường cũng như của các đơn vị, bộ phận, cá nhân.

- Các biện pháp hỗ trợ, khen thưởng có tác dụng trong việc thúc đẩy CBGV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế của trường.

- Công tác khen thưởng, kỷ luật được thực hiện công khai, công bằng, minh bạch; các tiêu chí đánh giá, bình xét ngày càng được điều chỉnh hoàn thiện.

c. Điểm tồn tại:

- Công tác quy hoạch cán bộ quản lý còn thụ động. Việc bồi dưỡng, phát triển sau quy hoạch chưa có tính riêng biệt cho các chức danh cụ thể.

- Cơ chế đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu cho các nhà giáo xuất sắc chưa mang tính “đột phá” bởi những quy định ràng buộc cũng như những khó khăn nội tại nhất định.

- Quỹ hỗ trợ NCKH của trường còn hạn chế.

- Việc mở rộng thu hút giảng viên thỉnh giảng, các nhà khoa học quốc tế còn hạn chế ở một số lĩnh vực.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Chủ động trong công tác quy hoạch cán bộ quản lý; - Rà soát quy hoạch thường xuyên; - Việc bồi dưỡng, phát triển nhân sự theo quy hoạch các chức danh cụ thể.	Phòng TCCB	2019	2020
2		- Hoàn thiện công tác đánh giá theo hướng xây dựng bộ công cụ đánh giá hiệu quả công việc phù hợp với các vị trí việc làm; - Nghiên cứu đề xuất Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp hơn; - Phát triển dịch vụ nhằm tăng nguồn thu cho nhà trường.	Phòng TCCB, Phòng KHTC, các đơn vị có liên quan	2019	2020
3		- Huy động nguồn lực tài chính cho khen thưởng thành tích về NCKH	Phòng TCCB, Phòng KHTC, Phòng KHCN	2019	2020
4		- Lựa chọn hợp tác quốc tế với các đơn vị phù hợp để thu hút đội ngũ giáo sư nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo	Phòng TCCB, Phòng HCĐN	2019	2020
1	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên đánh giá, điều chỉnh các quy định về tuyển dụng, thi đua, đánh giá, xếp loại, khen thưởng CB, VC phù hợp với thực tiễn phát triển Trường.	Phòng TCCB	2019	2020
2		- Phát huy tính minh bạch, hiệu quả, chất lượng trong công tác tuyển dụng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ theo chiến lược phát triển Trường.	Phòng TCCB	2020	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
3		- Tiếp tục khuyến khích viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; - Đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng mà CB, viên chức tham gia.	Phòng TCCB	2020	2021
4		- Tăng cường giám sát để công tác khen thưởng, kỉ luật luôn được kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch.	Phòng TCCB	2020	2021

d. Tự đánh giá

Tiêu chí 15:	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.15.1				4			
Chỉ số 5.15.2				4			
Chỉ số 5.15.3				4			
Điểm trung bình tiêu chí	4						

❖ Tự đánh giá tiêu chuẩn 5

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 12: Môi trường sư phạm							
Chỉ số 5.12.1: Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường				4			
Chỉ số 5.12.2: Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên				4			

Điểm tiêu chí	4.0						
Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học							
Chỉ số 5.13.1: Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường				4			
Chỉ số 5.13.2: Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng				4			
Chỉ số 5.13.3: Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp				4			
Chỉ số 5.13.4: Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
Tiêu chí 14: Nguồn tài chính							
Chỉ số 5.14.1: Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường				4			
Chỉ số 5.14.2: Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường				4			
Điểm tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 15: Nguồn nhân lực							
Chỉ số 5.15.1: Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường				4			
Chỉ số 5.15.2: Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc				4			
Chỉ số 5.15.3: Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
ĐIỂM TIÊU CHUẨN	4.0						
ĐIỂM MỨC NĂNG LỰC	4.0						

6. Tiêu chuẩn 6: HỖ TRỢ DẠY HỌC

6.16. Tiêu chí 16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

a. Mô tả

6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới

Trường ĐHSPHN đã có hệ thống chính sách, nhân sự và tài chính trong việc hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới phù hợp với những mục tiêu, tiêu chuẩn của Nhà trường. Cụ thể:

Trường có chính sách tạo nguồn với những sinh viên giỏi, xuất sắc tại những đơn vị, chuyên ngành có nhu cầu tuyển dụng. Tuyển dụng xét tuyển đặc cách giảng viên từ những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, sinh viên giỏi có bằng thạc sĩ, tiến sĩ đồng thời thu hút nhân lực có trình độ cao từ bên ngoài ở các chuyên ngành có nhu cầu tuyển dụng để đào tạo trở thành giảng viên được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP Hà Nội, Quy chế tuyển dụng viên chức của Trường, Quy chế tuyển dụng đặc cách vào ngạch giảng viên, nghiên cứu viên của trường ĐHSPHN [H6.16.01.01; H6.16.01.02].

Sau khi được tuyển dụng, giảng viên tập sự được hướng dẫn quy trình tập sự thể hiện trong bản Quy định về quy trình xét bổ nhiệm chính thức vào chức danh nghề nghiệp [H6.16.01.03]. Đơn vị cử người trong bộ môn phân công hướng dẫn về chuyên môn và theo dõi công việc [H6.16.01.04]. Sau khi kết thúc thời gian tập sự, giảng viên tập sự lấy phiếu thăm dò tín nhiệm của sinh viên và được hội đồng chuyên môn các tổ bộ môn dự giờ, đánh giá sản phẩm hoạt động sư phạm trong thời gian tập sự [H6.16.01.05; H6.16.01.06] và Nhà Trường ban hành quyết định bổ nhiệm vào ngạch giảng viên.

Giảng viên tập sự và giảng viên mới được nhà trường tạo điều kiện, hỗ trợ trong học tập, nâng cao trình độ như cử đi đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học và tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc hỗ trợ kinh phí thể hiện cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.16.01.07].

Giảng viên tập sự và giảng viên mới được giảm 50% định mức các công việc so với quy định như: số lượng giờ lên lớp, hoạt động NCKH, hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác để tập trung vào dự giờ, soạn giáo án, nghiên cứu chuyên môn, học tập nâng cao trình độ [H6.16.01.08].

Đặc biệt, giảng viên trẻ được xem xét nâng lương khi bảo vệ luận án tiến sĩ đúng hạn nhưng chưa hưởng lương bậc 3, được nâng lương trước thời hạn khi đạt các thành tích như đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, có bài báo... [H6.16.01.09; H6.16.01.10]. Trường cũng thường xuyên cử giảng viên đi dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp [H6.16.01.11]. Những ưu đãi này không chỉ dành riêng cho giảng viên trẻ, mà còn dành cho cả giảng viên lâu năm.

Việc hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới còn thể hiện qua hoạt động tổ chức hội nghị NCKH thường niên dành riêng cho cán bộ trẻ, các seminar chia sẻ các vấn đề mới về xu thế phát triển của xã hội hiện đại, những đổi mới về giáo dục và đào tạo trong nước và trên thế giới. Tiêu biểu là Hội thảo khoa học cán bộ trẻ lần thứ IX theo chủ đề “Cán bộ trẻ với đổi mới giáo dục và cách mạng 4.0” với các báo cáo được trình bày hoàn toàn bằng tiếng Anh và Hội thảo Khoa học cán bộ trẻ các trường ĐHSP toàn quốc năm 2018 mang đến cơ hội để cán bộ trẻ các trường Sư phạm toàn quốc, từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy khác nhau có dịp gặp gỡ, trao đổi, hợp tác trong khoa học [H6.16.01.12; H6.16.01.13].

Các văn bản chính sách về hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới trên được giới thiệu phổ biến công khai trên trang web của Trường và gửi đến từng đơn vị, đơn vị thông báo đến từng bộ môn, cá nhân nhằm khuyến khích, động viên để giảng viên yên tâm phát triển nghề nghiệp tại Trường.

Tuy nhiên, những hỗ trợ về vật chất và đời sống còn hạn chế nên chưa giúp cán bộ trẻ thực sự yên tâm, chuyên tâm công tác.

6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả

Đối với giảng dạy, Nhà trường có nhiều hoạt động khuyến khích giảng viên thực hiện vai trò là người hỗ trợ và huấn luyện để hướng dẫn người học thể hiện qua việc giảng viên được giao phụ trách học phần giảng dạy, được chủ động đề xuất hình thức kiểm tra và trọng số điểm được Hiệu trưởng phê duyệt và qui định rõ trong đề cương chi tiết [H6.16.02.01]. Nhà trường có chính sách và cơ chế cử giảng viên đảm nhận vai trò chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập cho người học, trợ lý đào tạo, trợ lý khoa học... có trách nhiệm thông tin đến người học các quy chế, quy định đào tạo hiện hành, tư vấn người học xây dựng kế hoạch học tập hợp lý đảm bảo tích lũy đủ tín chỉ và tốt nghiệp đúng thời gian quy định [H6.16.02.02; H6.16.02.03].

Đối với hoạt động là người hướng dẫn NCKH cho sinh viên, nhà trường giao nhiệm vụ cho giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện các đề tài và được hưởng những quyền lợi theo Quy định về quyền lợi giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH [H6.16.02.04; H6.16.02.05]. Hàng năm, dưới sự hướng dẫn của các thầy cô, sinh viên của Trường đều có những đề tài NCKH có chất lượng, được đánh giá cao tại cấp khoa và cấp Trường. Đã có nhiều đề tài NCKH của sinh viên được giải thưởng cấp Bộ và giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam VIFOTEC... [H6.16.02.04].

Đối với hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực hành nghề: Giảng viên được khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy để làm gương cho người học. Giảng viên được cử làm trưởng đoàn thực tập sư phạm để hỗ trợ kịp thời sinh viên thực hành nghề trong thực tiễn. Ngoài ra, hàng năm, giảng viên được đưa các đoàn sinh viên đi thực tế, vừa giúp sinh viên có điều kiện vận dụng, trải nghiệm những kiến thức đã được học trên nhà trường vào thực tế, cũng là vừa giúp giảng viên bổ sung trau dồi thêm kinh nghiệm, kiến thức của bản thân [H6.16.02.06]

Khi thực hiện vai trò là người hướng dẫn, giảng viên được khuyến khích, khích lệ bằng nhiều hình thức như được bồi dưỡng công tác phí, được xe đưa đón, tạo điều kiện nơi ăn chốn ở... [H6.16.01.07; H6.16.02.05].

6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông

Những cam kết của lãnh đạo nhà trường đối với việc triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông được thực hiện qua những chính sách, chủ trương và kế hoạch hoạt động thường niên của Trường ở nhiều hoạt động khác nhau. Điển hình như tại các cuộc họp của lãnh đạo Trường, Lập và triển khai kế hoạch bồi dưỡng [H6.16.03.01; H6.16.03.02]. Trường có Quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học và chuyên môn đối với giảng viên như trong thời gian 24 tháng kể khi được tuyển dụng phải đáp ứng các yêu cầu về ngoại ngữ, trước 35 tuổi phải có bằng tiến sĩ (trừ một số đơn vị đặc thù)... [H6.16.03.03].

Nhà trường đã tổ chức và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khoá bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức và phát triển năng lực chuyên môn. Cụ thể, đã bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ giảng viên của cơ sở Hà Nam, giúp họ tiếp cận được với nhiều thông tin và kiến thức tổng quan bổ ích ở các lĩnh vực, làm quen một số phương pháp tiếp cận dạy học tích cực, thiết kế hoạt động tích cực và phát triển chuyên môn theo mô hình “Nghiên cứu bài học” [H6.16.03.04], “Khóa bồi dưỡng nâng cao” tập trung đi sâu vào từng chuyên môn cụ thể như Toán, Văn, Địa lí, Lịch sử ... [H6.16.03.05].

Năm 2018, Nhà trường đã tổ chức 02 Hội thảo tập huấn được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh: “Hội thảo tập huấn nâng cao năng lực viết đề cương đề tài nghiên cứu bằng Tiếng Anh” và Hội thảo “Nâng cao năng lực viết bài báo quốc tế trong khoa học giáo dục”. Tại Hội thảo, các GS.TS đến từ Đại học Ma Cao và Đại học Kỹ thuật Queensland đã hướng dẫn các phương pháp nghiên cứu hiện đại, cách thức xây dựng và triển khai nghiên cứu cũng như các kỹ năng viết báo quốc tế trong lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học xã hội. Hoạt động của hai khóa tập huấn này đã góp phần nâng cao khả năng hội nhập quốc tế trong khoa học công nghệ của cán bộ giảng viên trường ĐHSPHN [H6.16.03.06].

Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ như giảng dạy, trao đổi học thuật trong và ngoài nước [H6.16.03.07; H6.16.03.08]. Năm 2018, nhà Trường cử 17 giảng viên được đi học Tiến sĩ trong và ngoài nước, 1 giảng viên được cử đi học chương trình Thạc sĩ. Ngoài ra, hàng trăm cán bộ được cử đi dự các hội thảo, các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khóa tập huấn như: 04 giảng viên khoa Tiếng Anh được cử tham gia khóa học “Kỹ năng và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh” do Trung tâm đào tạo Việt Nam – Singapore tổ chức [H6.16.03.09]; 05 giảng viên được cử đi tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ ra đề và 16 giảng viên được cử đi tham gia lớp bồi dưỡng giám khảo chấm nói viết tiếng Anh do Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế tổ chức [H6.16.03.10]; 15 cán bộ giảng viên thuộc Khoa LLCT-GDCD và Khoa Triết học được cử tham gia tập huấn bồi dưỡng hè do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức diễn ra vào tháng 8 năm 2018 tại Hải Phòng [H6.16.03.11], 60 cán bộ giảng viên được cử tham gia lớp Bồi dưỡng Tiếng Anh chuyên ngành quản trị đại học, tại Trung tâm Language Link phối hợp với nhà trường tổ chức [H6.16.03.12].

Kết quả của việc triển khai bồi dưỡng là sau khi kết thúc các lớp, khoá bồi dưỡng giảng viên đều được cấp chứng chỉ, chứng nhận [H6.16.03.12b].

Trường kí các thoả thuận hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước đến Trường giảng dạy, làm việc để giảng viên trong trường có cơ hội tiếp xúc với các vấn đề giáo dục phổ thông của các nước trên thế giới [H6.16.03.13]. Tiêu biểu là hội thảo “Cải cách giáo dục và sách giáo khoa: Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam”. Qua phần trình bày của hai chuyên gia quốc tế đến từ trường ĐH Geneva Thụy sĩ, các thành viên tham gia đã thu nhận được nhiều kiến thức và kinh nghiệm bổ ích về lịch sử giáo dục và khoa học; về sách giáo khoa và sự tồn tại của sách giáo khoa trong thời đại công nghệ số hiện nay, về cách thức điều hành khác nhau của một số chính phủ về vấn đề sách giáo khoa,... [H6.16.03.14].

Sau khi được đào tạo, bồi dưỡng giảng viên Trường ĐHSPhN đã tích cực ứng dụng và thực hiện giảng dạy theo phương pháp gắn kết với thực tế, thực hành ở trường cũng như ở các trường phổ thông. Giảng viên của trường có thể áp dụng các phương pháp tại hệ thống các trường thực hành của Nhà trường như Trường Mầm non Búp Sen Xanh, Trường Tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành, Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành, các trường thực hành tại Phân hiệu Trường ĐHSPhN tại tỉnh Hà

Nam...Học sinh của các trường thực hành cũng được sang các khoa, bộ môn của Trường để học tập và thực hành những thí nghiệm, ứng dụng đặc biệt là ứng dụng mới. Mặt khác, trong thực tế giảng viên của Trường ĐHSPHN cũng tham gia dạy học cho các trường phổ thông, tham gia biên soạn, chủ biên sách giáo khoa, tài liệu cho các nhà trường phổ thông các cấp [H6.16.03.15].

Tuy nhiên, các buổi trao đổi kinh nghiệm giữa các giảng viên tham gia xây dựng chương trình và biên soạn SGK phổ thông còn chưa được tổ chức thường xuyên.

Trường đặt mối quan hệ với một hệ thống các trường trong hệ thống các trường từ mầm non, tiểu học tới THCS, THPT, cao đẳng, đại học ở khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận như: Hải Dương, Hưng Yên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Nam Định, Thái Bình,...cử giảng viên trực tiếp tham gia hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm để tiếp xúc thực tế với các vấn đề giáo dục ở phổ thông thông qua Quy chế thực tập sư phạm và tiến hành hoạt động tổng kết thực tập sư phạm để tiếp thu những yêu cầu về đổi mới giáo dục phổ thông từ đó có những điều chỉnh trong việc thực hiện chương trình và bồi dưỡng cán bộ, giảng viên một cách phù hợp [H6.16.03.16].

Trường thành lập Viện nghiên cứu Sư phạm và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ Sư phạm với nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng các vấn đề giáo dục, trong đó có nghiên cứu thực tế giáo dục ở trường phổ thông, từ đó làm đầu mối truyền tải đến đội ngũ giảng viên trong trường thông qua các đề tài nghiên cứu và các khoá tập huấn. Các đơn vị này có nhiều hoạt động, chương trình liên kết với các trường phổ thông [H6.16.03.17].

Để cân bằng giữa đào tạo lý thuyết và thực hành, Nhà trường thành lập và tạo điều kiện thuận lợi để hệ thống các trường thực hành ở bậc mầm non, tiểu học, THCS, THPT hoạt động hiệu quả, tạo môi trường cho giảng viên tiến hành các thực nghiệm sư phạm [H6.16.03.18]. Các trường thực hành là môi trường cho giảng viên nghiên cứu và ứng dụng thực tế các trải nghiệm hoặc phương pháp giảng dạy mới, hiệu quả của giảng viên trong trường [H6.16.03.19].

Nhà trường và các đơn vị cũng đã tổ chức nhiều hội thảo và mở nhiều lớp tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn liên quan đến chuyên ngành cũng như cập nhật xu thế phát triển của xã hội hiện đại và đổi mới giáo dục, phương pháp dạy học tích cực... để nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ GV, tăng cường năng lực chuyên môn nhằm truyền đạt, đào tạo sinh viên với mục đích sinh viên của trường sau này sẽ là

thầy cô giáo trong tương lai giúp cho các em có nhiều kiến thức gắn với thực tế để giảng dạy ở các trường phổ thông [H6.16.03.20; H6.16.03.21].

Trường đã cử các giảng viên đi thực tập sinh sau tiến sĩ, đi trao đổi hợp tác nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cũng như học hỏi kinh nghiệm và những tiến bộ hướng tới hội nhập quốc tế [H6.16.03.22]

Bên cạnh đó, hoạt động gắn kết với nhà trường phổ thông chủ yếu dành cho giảng viên thuộc bộ môn phương pháp giảng dạy chứ chưa phổ biến đến toàn bộ đội ngũ giảng viên trong nhà trường. Nhà trường chưa đề ra định mức thời gian cụ thể một giảng viên phải liên hệ hoặc có những trải nghiệm thực tiễn tại trường phổ thông, làm căn cứ cho việc nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông.

6.16.3. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên

Đối với một trường đại học sư phạm thì phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên là vấn đề cần phải được quan tâm đúng mức. Tại Trường ĐHSPTN, Nhà trường đã đặc biệt quan tâm hỗ trợ giảng viên thông qua việc giao nhiệm vụ cho các phòng ban chức năng lập kế hoạch chi tiết để hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường niên. Giảng viên được khuyến khích nhằm nâng cao kỹ năng giảng dạy và học tập của mình thông qua đào tạo lại cũng như đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập.

Phòng Tổ chức cán bộ lập kế hoạch, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm, có chú ý tới phương pháp thực nghiệm trong các chương trình bồi dưỡng thường xuyên hoặc cử giảng viên tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm [H6.16.04.01].

Phòng Khoa học Công nghệ căn cứ vào kế hoạch từng năm học tổ chức các hội thảo khoa học về đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Các khoa cũng tổ chức hội thảo, seminar trong phạm vi chuyên ngành. Cụ thể khoa Toán – Tin cùng phối hợp với một số phòng ban đã tổ chức rất thành công Hội thảo Khoa học quốc tế “Tích hợp trong giáo dục Toán học và Đào tạo giáo viên” với mục đích tạo diễn đàn để trao đổi, thảo luận những kết quả, những hướng nghiên cứu, phương pháp mới, đồng thời tạo cơ hội để kết nối các nhà khoa học, giáo dục ở trong và ngoài nước [H6.16.04.02]. Khoa

Địa lí – Trường ĐHSPHN và Khoa Địa lí trường Đại học Tổng hợp Muenster (CHLB Đức) đã phối hợp đồng tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề “Hội thảo quốc tế giáo dục Địa lí ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế”. Đồng đạo các giảng viên, các nhà khoa học, các chuyên gia từ các trường đại học trên thế giới đã gửi bài, tham dự và báo cáo tại Hội thảo với rất nhiều chủ đề phong phú như: Đổi mới phương pháp dạy học trong giáo dục Địa lí; Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học Địa lí; Chương trình đào tạo giáo viên địa lí; Đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí...[H6.16.04.03].

Đặc biệt, Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đã xây dựng những chương trình bồi dưỡng thường xuyên (do các giảng viên của các chuyên ngành cùng tham gia biên soạn) về các phương pháp giảng dạy thích hợp, đặc biệt là các phương pháp thực nghiệm. Đồng thời các chương trình này của nhà trường khi triển khai bồi dưỡng giáo viên ở các tỉnh thành trong cả nước luôn nhận được phản hồi tích cực từ phía người được bồi dưỡng [H6.16.04.04].

Nhà trường cung cấp các khoá học E - learning, cơ sở dữ liệu đa dạng trong thư viện điện tử để giảng viên thuận lợi trong áp dụng các phương pháp dạy học cho các chương trình bồi dưỡng thường xuyên [H6.16.04.05].

Công đoàn Trường, trong khuôn khổ hoạt động chuyên môn hằng năm cũng triển khai bồi dưỡng cho giảng viên “Kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học kĩ thuật số” [H6.16.04.06].

Trường chú trọng phát triển hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ trang thiết bị hiện đại; hệ thống trang thiết bị dạy học trực quan được trang bị giúp GV dạy học theo phương pháp thực nghiệm một cách hiệu quả; nâng cấp hệ thống internet, wireless, ... tại các phòng học và giảng đường. Hằng năm, Trường tiến hành đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm xây dựng phương án đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ hoạt động dạy học thực nghiệm của GV. Trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống các giảng đường để giảng viên phát huy hết các thế mạnh trong giảng dạy, NCKH, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm như: trang bị phòng làm việc cho chuyên gia là các giáo sư tại giảng đường nhà V, lắp đặt 100% máy chiếu, thiết bị âm thanh cho các phòng học, giảng đường [H6.16.04.07; H6.16.04.08; H6.16.04.09].

Để hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp, Nhà trường chú trọng khâu đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của giảng viên. Trường giao cho Trung tâm Đảm bảo chất lượng thu thập ý kiến phản hồi từ phía người học về phương pháp dạy học của giảng viên sau khi kết thúc mỗi học kỳ [H6.16.04.10]. Kết quả thu thập này là căn cứ để đánh giá và yêu cầu điều chỉnh đối với giảng viên. Mặt khác trường giao cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ Sư phạm (phụ trách một học phần chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng thiết bị trong dạy học) cũng tiến hành xin ý kiến của giảng viên về ưu điểm và những điểm cần bổ sung sau mỗi học phần để có điều chỉnh cho hợp lý cho học phần này [H6.16.04.11]. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được lấy ý kiến phản hồi về chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, trong đó có nội dung đánh giá về chất lượng hướng dẫn sinh viên học tập và rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của giảng viên [H6.16.04.12]. Đây là cơ sở để đánh giá hiệu quả sử dụng các phương pháp giảng dạy của giảng viên, đồng thời làm dày thêm hệ thống dữ liệu đánh giá về hoạt động hỗ trợ giảng viên của nhà trường. Những dữ liệu này cũng là công cụ để giảng viên sử dụng kinh nghiệm của người học như một nguồn tài nguyên học tập.

Mặt khác, từ việc được hỗ trợ của trường để giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy cùng việc công nhận, đánh giá Nhà trường có thể xác định được những kinh nghiệm giảng dạy thành công và phổ biến cho các giảng viên khác như tài liệu do giảng viên biên soạn làm tài liệu dạy sinh viên, những bài báo được đăng trong tạp chí quốc tế có tính ứng dụng cao [H6.16.04.13].

6.16.4. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm

Để tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm, Trường đã có những nguồn lực cùng các quy định đầy đủ, cập nhật và triển khai một cách hiệu quả, chính xác, được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về Quy tắc ứng xử trong nhà trường của công chức, viên chức và người lao động [H6.16.05.01; H6.16.05.02].

Trường có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng phát triển chuyên môn hằng năm và dài hạn để giảng viên có cơ hội nâng cao trình độ, trở thành chuyên gia thuộc lĩnh vực nghiên cứu [H6.16.03.01].

Trường tổ chức cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, các khoá về phương pháp giảng dạy chuyên ngành chuyên sâu [H6.16.03.02]. Đặc biệt, nhà trường tổ chức các hội thảo, seminar, toạ đàm cho giảng viên cơ hội tiếp cận kịp thời các vấn đề giáo dục mới, các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm như: đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, cách thức viết và đăng tải các bài báo, công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế có chỉ số cũng như các buổi toạ đàm về kỹ năng giao tiếp, mời các nhà khoa học, chính trị nói về các vấn đề xã hội, các buổi học nghị quyết... tạo điều kiện để giảng viên đi học tập trao đổi nâng cao chuyên sâu, chuyên nghiệp hoá. [H6.16.05.03].

Năm 2018, trong khuôn khổ thỏa thuận tài trợ của Dự án hỗ trợ xây dựng năng lực, Trường ĐHSPHN đã tổ chức khóa đào tạo về Phương pháp giảng dạy đại học tiên tiến (Flipped Teaching Course) cho giảng viên và cán bộ quản lý của nhà trường với sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên từ đại học Artevele đến từ vương quốc Bỉ. Đây là khóa học giúp giảng viên và cán bộ quản lý nhà trường tiếp cận với xu thế mới về phương pháp dạy học trong kỷ nguyên kết nối [H6.16.05.04]. Trường còn phối hợp với BQL chương trình ETEP tổ chức thành công Hội thảo về công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông với chủ đề “Đổi mới đánh giá giáo dục theo năng lực: Kinh nghiệm quốc tế”. Hội thảo được tổ chức nhằm nâng cao hiểu biết về “đánh giá dựa trên năng lực” cho các chuyên gia, chuẩn bị cho công tác điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông và thành viên ban soạn thảo chương trình đào tạo của các trường đào tạo giáo viên, đồng thời tăng cường hoạt động giao lưu học thuật trong lĩnh vực khoa học giáo dục. Đặc biệt, các đại biểu tham dự được nghe những chia sẻ rất hữu ích từ hai diễn giả, chuyên gia về lĩnh vực đánh giá giáo dục đến từ trường Đại học Melbourne, Australia [H6.16.05.05]

Trong quá trình triển khai kế hoạch chuyên nghiệp hóa đội ngũ giảng viên, một trong những kênh quan trọng để Nhà trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa đội ngũ giảng viên là tổ chức lấy phiếu khảo sát đánh giá giảng viên định kỳ từ người học 2 lần/năm học, đảm bảo tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy đều được đánh giá. Kết quả từ các đợt khảo sát này là căn cứ để Nhà trường đưa ra yêu cầu điều chỉnh các kế

hoạch đào tạo và bồi dưỡng đối với giảng viên. Việc điều chỉnh các kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đối với giảng viên phải theo lộ trình. Sau khi lấy phiếu phản hồi từ người học đối với giảng viên (1 học kì 1 lần), nhà trường xem xét kết quả, trao đổi trực tiếp với trường đơn vị, bộ môn và giảng viên với mục đích để giảng viên đó tham khảo, tự thay đổi sửa chữa... Trong lần lấy phiếu đánh giá tiếp theo, nếu kết quả đánh giá tiếp tục không tốt thì Nhà trường, khoa sẽ yêu cầu điều chỉnh kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lại [H6.16.04.10].

Trường đầu tư kinh phí mua “Thẻ bạn đọc đặc biệt” cung cấp cho giảng viên các đơn vị. Với thẻ này, giảng viên của trường được quyền truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu từ các nguồn tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Từ đó mở rộng và cập nhật được nhiều thông tin [H6.16.05.06].

Tuy nhiên, việc chuyên nghiệp hoá đội ngũ giảng viên chưa đồng đều trong đội ngũ, giữa giảng viên có học hàm học vị và giảng viên trẻ, giảng viên chưa có học hàm học vị.

b. Điểm mạnh

- Nhà trường tổ chức nhiều khoá tập huấn tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế, tập huấn nâng cao chuyên môn sâu, tiếp cận xu thế giáo dục hiện đại cho giảng viên nói chung trong đó có giảng viên mới và giảng viên trẻ, có đánh giá sau khoá học.

- Trường có hệ thống cơ chế và chính sách ngày càng hoàn chỉnh, bám sát hơn với thực tiễn công việc của giảng viên để hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên.

- Trường có hệ thống các trường thực hành, cơ sở vật chất và trang thiết bị đồng bộ, tương đối hiện đại, tiên phong trong áp dụng đổi mới giáo dục tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập và thực tập, sớm có cơ hội tiếp xúc với thực tiễn giáo dục phổ thông; thông qua hệ thống các trường thực hành, giảng viên có cơ hội áp dụng các tiếp cận mới trong khoa học vào thực tiễn giáo dục, không ngừng nâng cao trình độ, cập nhật thực tiễn đổi mới giáo dục. Đây là điểm rất mạnh nhằm hỗ trợ việc dạy học của giảng viên.

- Công tác lấy ý kiến phản hồi về tính hiệu quả của phương pháp đánh giá giảng viên được thực hiện có hiệu quả.

- Đội ngũ giảng viên mạnh với trình độ cao (GS, PGS, TSKH, TS...) ngày càng

chuyên nghiệp hoá.

c. Điểm tồn tại

- Những hỗ trợ về vật chất và đời sống còn hạn chế nên chưa giúp giảng viên viên trẻ thực sự yên tâm công tác và học tập nâng cao trình độ (ThS, TS).

- Trường chưa tổ chức được các buổi trao đổi kinh nghiệm giữa các giảng viên tham gia xây dựng chương trình và biên soạn SGK phổ thông .

- Sự tương tác, trao đổi giữa các đơn vị đào tạo trong trường và các đơn vị nghiên cứu cùng hoạt động gắn kết với nhà trường phổ thông chưa thực sự chặt chẽ, chưa phát huy được hết hiệu quả và tiềm năng sẵn có.

- Sự tham gia từ phía trường phổ thông trong các hội thảo, tọa đàm và các khóa bồi dưỡng hay chính sách để giảng viên bám sát hơn với thực tiễn giáo dục vẫn chưa được quy định rõ ràng.

- Việc chuyên nghiệp hoá đội ngũ giảng viên chưa đồng đều trong đội ngũ giảng viên, giữa giảng viên có học hàm học vị và giảng viên trẻ, giảng viên chưa có học hàm học vị.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục các điểm tồn tại: tập trung bồi dưỡng, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm giữa các giảng viên, các đơn vị đào tạo và các trường phổ thông, nâng cao trình độ và chuyên môn hoá đội ngũ	Lập kế hoạch tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm giữa các thời điểm trong năm học	Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm các khoa, phòng KHCN, Phòng Tổ chức cán bộ	2019	2020
		Xác định các nội dung bồi dưỡng chuyên sâu bám sát thực tế trong một năm học	Giảng viên BCN khoa P TCCB	2019	2020
		Cử giảng viên thích hợp đăng ký tham gia bồi dưỡng có cam kết	Giảng viên BCN khoa P TCCB	Liên tục trong năm học theo	Liên tục trong các năm học

	giảng viên tập sự và giảng viên trẻ để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập	sản phẩm đầu ra của quá trình bồi dưỡng		kế hoạch	
		Kết nối và tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ nâng cao trình độ và chuyên môn hóa trình độ; Đồng thời với đó tạo cơ chế hỗ trợ giảng dạy và chính sách hỗ trợ tài chính cho đối tượng giảng viên trẻ	Phòng HCĐN Ban chủ nhiệm các khoa Phòng Tổ chức cán bộ Phòng Kế hoạch Tài chính	Liên tục trong các năm học	Liên tục trong các năm học
		Biên soạn, phổ biến và đưa vào sử dụng các mẫu khảo sát đánh giá giảng viên tập sự và giảng viên mới định kỳ	Phòng Tổ chức cán bộ, TT ĐBCL	2019	Tiếp tục trong các giai đoạn tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh: tiếp tục triển khai các hội thảo chuyên ngành sâu, kết hợp với các tổ chức giáo dục tiên tiến trên thế giới giúp giảng viên có cơ hội nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời với việc xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, đạt tính chuyên nghiệp hóa	Tổ chức hội thảo giới thiệu xu thế phát triển xã hội hiện đại và đổi mới giáo dục hiện nay của Việt Nam	Ban chủ nhiệm các khoa, P.TCCB, Phòng Khoa học công nghệ	2019	2020 và tiếp tục trong thời gian tới
		Điều chỉnh, xây dựng lại các chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn và đón đầu xu thế hội nhập	Phòng Đào tạo Các khoa	2019	2020

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 16	Mức độ đạt						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.16.1				4			
Chỉ số 6.16.2				4			
Chỉ số 6.16.3				4			
Chỉ số 6.16.4				4			
Chỉ số 6.16.5				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

6.17. Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên

a. Mô tả

6.17.1 Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch

Trường ĐHSPTHN đã có những cơ chế, chính sách để thực hiện việc đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch. Cụ thể:

Trường đã ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.16.01.08], trong đó quy định rõ ràng những nhiệm vụ, khối lượng công việc trong từng năm học của mỗi giảng viên như: thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn và thực hiện nhiệm vụ khác đối với giảng viên của Trường ĐHSPTHN. Trên cơ sở đó, các khoa triển khai đến tổ bộ môn và từng giảng viên nội dung, khối lượng công việc một cách công khai, minh bạch để giảng viên nắm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân. Mỗi giảng viên sẽ lập kế hoạch cụ thể cho hoạt động của mình trong từng năm học ở từng mảng công tác và đây sẽ là cơ sở để đánh giá từng giảng viên sau mỗi năm học. Tiếp đó, Trường đã ban hành Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của Trường ĐHSPTHN để việc đánh giá được chính xác, minh bạch [H6.17.01.01].

Trong công tác đánh giá giảng viên, Trường đã xây dựng Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của Trường ĐHSPTHN để việc đánh giá được chính xác, minh bạch [H6.17.01.01]. Trường đã ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng [H6.17.01.02]. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường ra công văn thông báo đăng kí thi đua, động viên, khuyến khích cán bộ tham gia. Sau đó, các đơn vị nộp bản đăng ký. Đến cuối năm học các đơn vị căn cứ vào kết quả thực

hiện nhiệm vụ của giảng viên để thực hiện việc bình xét thi đua toàn diện của đơn vị và mỗi cá nhân, trong đó có đánh giá, chấm điểm từng nội dung công việc theo kế hoạch cá nhân và bình xét các danh hiệu thi đua [H6.16.01.08; H6.17.01.01; H6.17.01.03; H6.17.01.04]. Danh sách bình xét của đơn vị gửi về Trường. Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường sẽ họp, thông báo công khai trên trang web của Trường trong thời hạn 07 ngày. Nếu không có ý kiến phản hồi, Nhà trường sẽ ban hành Quyết định công nhận đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động; Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng [H6.17.01.05].

Trường cũng rất quan tâm tới việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên để ngày càng hoàn thiện chất lượng đào tạo của nhà trường thông qua việc tổ chức lấy phiếu khảo sát sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên định kì (2 lần/năm), đảm bảo tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy đều được đánh giá. Nhà trường bước đầu sử dụng kết quả sinh viên phản hồi đánh giá chất lượng hiệu quả học phần của giảng viên để tìm cách cải thiện chất lượng giảng dạy [H6.16.04.10].

Tuy nhiên, kết quả đánh giá giảng viên từ người học chưa được công bố công khai mà mới chỉ dừng lại ở góp ý, trao đổi trực tiếp với một số giảng viên có kết quả đánh giá còn hạn chế. Nhà trường chưa xây dựng được hệ thống dữ liệu online chuẩn xác, đầy đủ của giảng viên.

6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Trường có cơ chế công nhận, đãi ngộ thành tích của giảng viên, khuyến khích các hoạt động giảng dạy và NCKH. Điển hình như được nâng bậc lương trước thời hạn [H6.16.01.10], được tặng thưởng [H6.16.01.07]. Quỹ hỗ trợ khen thưởng KHCN [H6.17.02.01] dành để khen thưởng, khuyến khích thành tích của giảng viên, khuyến khích các hoạt động giảng dạy và NCKH.

Căn cứ trên kế hoạch và hoạt động thực tiễn trong giảng dạy, NCKH, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của giảng viên, hằng năm Trường đều tổ chức xét và công nhận các danh hiệu thi đua cho cán bộ, giảng viên, kèm theo đó là kinh phí thưởng theo quy định [H6.17.01.02].

Trường cũng đã thực hiện tổ chức xét các công trình NCKH của tập thể, cán bộ, giảng viên và trao giải cho các công trình có chất lượng khoa học tốt. Trong đó qui định rõ ràng cán bộ, giảng viên có bài báo hoặc đề tài khoa học đăng trên các tạp chí

nước ngoài có chỉ số ISI, SCI, SCIE, SCOPUS..., thì được hỗ trợ từ 2,5 triệu đến 4,5 triệu đồng/bài [H6.17.02.02]. Tất cả những hoạt động này đều được thực hiện công khai.

Nhờ có cơ chế công nhận, đãi ngộ thành tích của giảng viên thông qua những chính sách, biện pháp hỗ trợ từ Trường mà các hoạt động chuyên môn của giảng viên được cải thiện rõ ràng. Số lượng, chất lượng các công bố khoa học của giảng viên không ngừng tăng lên theo từng năm [H6.17.02.03; H6.17.02.04; H6.17.02.05]. Những chính sách và biện pháp đã được thực hiện cũng đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác xây dựng đội ngũ có trình độ chuyên môn cao, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH, hợp tác quốc tế và vị thế của Nhà trường.

Việc thực hiện cơ chế, chính sách công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên của trường giúp cho việc kết nối mục tiêu giáo dục của Trường ngày càng hiệu quả. Số lượng các bài báo được đăng tải trên các tạp chí quốc tế ngày càng tăng; các bài báo khoa học có chỉ số tác động với cộng đồng học thuật (IF); các đề tài nghiệm thu, các công trình NCKH chất lượng cũng tăng lên đáng kể. Vì vậy, Trường có đội ngũ giảng viên có học hàm học vị rất cao [H6.17.02.06; H6.17.02.07; H6.17.02.08].

Không chỉ vậy, Nhà trường và các giảng viên trong trường còn có nhiều các hợp đồng nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ; đạt nhiều kết quả của hợp tác KHCN [H6.17.02.09].

Mặc dù đã có chế độ công nhận và đãi ngộ, nhưng do nguồn kinh phí hạn chế nên mức thưởng chưa thật thỏa đáng. Nhà trường cũng chưa có hoạt động để đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên đối với chế độ đãi ngộ đang thực hiện.

b. Điểm mạnh

- Nhà trường đánh giá năng lực giảng viên một cách hệ thống với nhiều nguồn thông tin khác nhau. Kết quả đánh giá thể hiện chính xác, công khai, minh bạch năng lực của giảng viên.

- Nhà trường thiết lập cơ sở dữ liệu đánh giá tương đối đầy đủ, rõ ràng và cập nhật đối với giảng viên.

- Chế độ đãi ngộ đối với hoạt động NCKH của giảng viên đã được nhà trường đặc biệt lưu ý và dành một nguồn kinh phí thích hợp. Đây là một cách thức tạo động lực cho giảng viên nỗ lực không ngừng, nhất là trong việc tăng cường các công bố có giá trị trên các tạp chí danh tiếng.

- Cơ sở dữ liệu online của giảng viên được hình thành và bước đầu đi vào hoạt động tạo nên network các giảng viên của nhà trường và quảng bá tới các đơn vị khác ngoài trường

c. Điểm tồn tại

- Đánh giá giảng viên hiện nay chưa thực sự gắn kết sâu sắc với mục tiêu phát triển nhà trường trong tương lai.

- Mức hỗ trợ kinh phí khuyến khích giảng viên trong hoạt động chuyên môn và NCKH chưa cao và nhiều khi thiếu kịp thời.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại: có biện pháp để việc đánh giá gắn kết sâu sắc với mục tiêu phát triển nhà trường trong tương lai; nâng cao chế độ đãi ngộ	Dự kiến xây dựng biện pháp để việc đánh giá gắn kết hơn với việc phát triển Nhà trường	Ban Giám hiệu; Phòng TCCB; Các Khoa – Bộ môn	2019	2020
		Nâng cao chế độ đãi ngộ để phát huy nội lực và thu hút thêm nhiều giảng viên giỏi ngoài trường về làm việc tại Trường, nhất là đối với đội ngũ giảng viên trẻ và mới vào nghề.	Ban giám hiệu, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Tổ chức cán bộ	2019	2020
2	Phát huy điểm mạnh: trên cơ sở những quy định về quản lý, đánh giá và công nhận giảng viên, nhà trường tiếp tục cải tiến công tác quản	Tiếp tục xây dựng và cải tiến công tác quản lý giảng viên theo hướng quy trình hóa.	Ban giám hiệu Ban chủ nhiệm các khoa Phòng Tổ chức cán bộ Phòng Kế hoạch - Tài chính	2019	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
	lý theo hướng xây dựng quy trình hoàn thiện				

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 17	Mức độ đạt						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.17.1				4			
Chỉ số 6.17.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

❖ *Tự đánh giá tiêu chuẩn 6*

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 6.16: Hỗ trợ bồi dưỡng giảng viên							
Chỉ số 6.16.1: Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới				4			
Chỉ số 6.16.2: Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả				4			
Chỉ số 6.16.3: Lãnh đạo Trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông				4			

Chỉ số 6.16.4: Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên				4			
Chỉ số 6.16.5: Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hoá cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
Tiêu chí 6.17: Đánh giá và công nhận giảng viên							
Chỉ số 6.17.1: Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch				4			
Chỉ số 6.17.2: Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học				4			
Điểm tiêu chí	4.0						
Điểm tiêu chuẩn	4.0						
Điểm mức năng lực	4						

7. Tiêu chuẩn 7: HỖ TRỢ HỌC TẬP

7.18. Tiêu chí 18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học

a. Mô tả

7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.

Công tác tuyển sinh của trường ĐHSPTHN được thông báo công khai đến tất cả các đối tượng người học.

Tuyển sinh đại học chính qui tuyển chọn các thí sinh từ các trường trung học phổ thông, hoặc các công dân đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc các bậc học tương đương hoặc cao hơn khác. Tuyển sinh đại học của trường chia thành 2 loại hình: chính qui và không chính qui. Bên cạnh tuyển sinh bậc đại học, trường còn tuyển sinh bậc

sau đại học, gồm thạc sĩ và tiến sĩ. Ngoài ra, trường còn tuyển sinh các đối tượng có nhu cầu bồi dưỡng giáo viên [H7.18.01.01].

Tuyển sinh đại học chính quy của trường được thực hiện theo phương thức 3 chung và thực hiện theo đúng tiến trình của Bộ Giáo dục và đào tạo. Các thông tin tuyển sinh được đưa vào trong cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng” do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H7.18.01.02]. Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh phân công các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình tuyển sinh [H7.18.01.03].

Để việc tuyển sinh thực hiện được hiệu quả, năm 2019 trường đã lập riêng một chuyên trang tuyển sinh giúp cho các thí sinh dễ dàng tìm hiểu về các thông tin tuyển sinh của trường; thành lập Ban Tư vấn tuyển sinh [H7.18.01.04]. Ban Tư vấn tuyển sinh đã tích cực hoạt động: Đi về các trường phổ thông, đến các Sở Giáo dục và Đào tạo để giới thiệu tới các học sinh về các ngành đào tạo của trường ĐHSPTHN; đồng thời lập ra một fanpage về tuyển sinh để giao lưu trực tiếp với các thí sinh quan tâm đến trường, trả lời các thắc mắc của các thí sinh. Trường còn có 2 số điện thoại hotline phục vụ tuyển sinh để trả lời các thí sinh 24/7. Bên cạnh đó, Ban tư vấn tuyển sinh còn kết hợp với diễn đàn tự học trực tuyến (<https://hocmai.vn/>) thực hiện nhiều livestream tư vấn tuyển sinh cho thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào trường ĐHSPTHN, phát tờ rơi tuyển sinh [H7.18.01.05].

Ngoài tuyển sinh đại học chính quy, Nhà trường được Bộ GD&ĐT giao chỉ tiêu và nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học, đào tạo liên thông, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo sau đại học. Chính sách, qui trình tuyển sinh cũng được nhà trường thông báo rộng rãi, công khai và minh bạch bằng nhiều hình thức như đăng tải trên website trường, gửi công văn đến các địa phương có nhu cầu... [H7.18.01.01].

Các thông tin tuyển sinh của trường đã được thông báo công khai, rộng rãi bằng nhiều hình thức như trên không chỉ giúp cho nhiều học sinh biết được rõ các thông tin tuyển sinh của trường mà còn giúp cho thí sinh lựa chọn ngành học phù hợp với khả năng và nguyện vọng của họ.

Bên cạnh việc đảm bảo tính công khai, công tác tuyển sinh của trường còn được thực hiện công bằng và minh bạch.

Trường đã thực hiện ưu tiên cho các thí sinh thuộc các đối tượng chính sách và ở các khu vực vùng sâu, vùng xa theo đúng qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào

tạo [H7.18.01.06]. Ngoài ra, trường còn đặt ra điểm sàn riêng cho từng ngành để thí sinh lựa chọn ngành phù hợp với khả năng của mình [H7.18.01.07].

Sau mỗi đợt tuyển sinh, trường đều có thông báo cho các thí sinh không thỏa mãn với kết quả của mình được phúc khảo kết quả thi. Kết quả phúc khảo cũng được công bố công khai trên trang web của trường [H7.18.01.08].

Trong quá trình tuyển sinh, trường đều thành lập Ban Thanh tra để theo dõi và giám sát mọi qui trình tuyển sinh [H7.18.01.09].

Tất cả các qui định về tuyển sinh đều được thông báo công khai trên trang tuyển sinh của trường, từ điểm chuẩn xét tuyển các loại hình, đến danh sách thí sinh trúng tuyển [H7.18.01.10].

Trường có thông báo hướng dẫn nhập học cho tân sinh viên, học viên thông báo rõ ràng trên trang web của trường [H7.18.01.11]. Với mục đích giúp cho sinh viên giao lưu với sinh viên các khóa trong khoa của mình, đầu các năm học, các khoa trong toàn trường lần lượt tổ chức chương trình Chào tân sinh viên [H7.18.01.12].

Cuối mỗi năm học, trường đều có những buổi tổng kết khoa, phòng, ban, đặc biệt là tổng kết năm học toàn trường để thống kê lại những công việc đã thực hiện trong năm. Trường đã thống kê công tác tuyển sinh và đưa ra phương hướng hoạt động tuyển sinh cho năm học tới [H7.18.01.13].

Đặc biệt là những biên bản của Ban thanh tra tuyển sinh cũng giúp cho Hội đồng tuyển sinh nhìn nhận và đánh giá hoạt động tuyển sinh, từ đó có những giải pháp cho kỳ tuyển sinh năm sau [H7.18.01.14].

Công tác tuyển sinh là một công việc hết sức quan trọng, vì vậy, trường đã rất cẩn trọng trong mọi hoạt động và đảm bảo công khai, công bằng và minh bạch theo đúng qui chế, qui định của Bộ và của trường đề ra.

7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

Trường ĐHSPHN có hệ thống gồm đầy đủ các CTĐT cho các ngành đào tạo theo các bậc và hệ đào tạo. Thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học, chuẩn đầu ra và việc tổ chức thực hiện của các hệ, các bậc đều được thực hiện theo đúng quy định, rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận. Người học dễ dàng truy cập các thông tin này trên website của trường [H7.18.02.01].

Chương trình đào tạo được xây dựng chi tiết và được phân bổ cụ thể theo từng học kỳ giúp cho sinh viên chủ động sắp xếp được kế hoạch học tập của mình. Mỗi năm trường còn xây dựng Kế hoạch đào tạo chung toàn trường [H7.18.02.02] giúp cho sinh viên xác định rõ thời gian học và thi theo từng học kỳ.

Đầu năm 2019, trường tiến hành khảo sát giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo [H7.18.02.03]. Hoạt động khảo sát giúp cho việc chỉnh sửa chương trình đào tạo ngày càng phù hợp với thực tiễn hơn.

7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.

Trường ĐHSPHN luôn xác định nhiệm vụ đồng hành cùng người học trong việc phát triển kỹ năng, nghiệp vụ, hỗ trợ học tập và sinh hoạt là một trong những hoạt động quan trọng. Ngay từ đầu khóa học, các khoa thu thập thông tin của sinh viên nhập học thông qua nghiên cứu bản khai lý lịch sinh viên, thông qua trò chuyện, tiếp xúc. Người học thuộc các đối tượng này được hỗ trợ nhận trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí [H7.18.03.01], được ưu tiên sắp xếp chỗ ở trong Kí túc xá theo Thông tư số 27/2011-TT-BGDĐT [H7.18.03.02]. Nhà trường cũng chủ động tìm kiếm những nguồn học bổng khác nhau từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H7.18.03.03]. Đồng thời tại mỗi khoa đều có 01 cán bộ đảm nhận nhiệm vụ cố vấn học tập [H7.18.03.04] và các giáo viên chủ nhiệm phụ trách tư vấn, định hướng và hỗ trợ người học trong các vấn đề liên qua đến học tập. Đối với người học thuộc nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn (đối tượng người học này của Trường không nhiều, chủ yếu là diện cử tuyển chính quy theo địa chỉ, hộ nghèo theo Nghị định 30/CP), Trường có tổ chức 1 học kì học dự bị nhằm hỗ trợ cho người học trước khi học chính thức [H7.18.03.05]. Đối tượng người nước ngoài được sự trợ giúp trực tiếp để giải quyết các vấn đề như: học tập, tìm kiếm chỗ ở, các thủ tục giấy tờ,... từ Viện Giáo dục và Đào tạo quốc tế và các giáo viên tham gia giảng dạy. Điều này được thể hiện cụ thể qua chức năng của Viện Giáo dục và Đào tạo quốc tế (Điều 6) [H7.18.03.06].

Trường tổ chức tập huấn cho sinh mới vào trường cách đăng ký tín chỉ giúp cho sinh viên mới nhập trường đăng ký tín chỉ nhanh và phù hợp với trình độ học tập của mình, đồng thời giải đáp các thắc mắc liên quan đến qui chế đào tạo và hệ thống đào

tạo theo tín chỉ, giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về chương trình đào tạo, lộ trình học tập và hướng phân đầu trong học tập [H7.18.03.07].

Trường mở thêm một học kỳ phụ (học kỳ 3 vào dịp nghỉ hè), tạo điều kiện cho các sinh viên tăng tiến độ học tập của mình [H7.18.03.08]. Việc có thêm kỳ phụ đã giúp cho sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hơn so với dự kiến.

Trường cũng bắt đầu có kế hoạch xét tốt nghiệp sau mỗi học kỳ. Việc này cũng giúp cho các sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo tại các học kỳ lẻ có thể tốt nghiệp sớm hơn so với trước đây [H7.18.03.09]. Việc xét cảnh báo học tập cũng được tiến hành sau mỗi học kỳ cũng sẽ giúp cho sinh viên nỗ lực hơn trong việc học tập của mình [H7.18.03.10].

Tuy nhiên, không phải tất cả các chương trình hỗ trợ và hệ thống văn bản ban hành dành cho đối tượng người học này đều được tách bạch riêng biệt.

7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

Trước mỗi khóa đào tạo, nhà trường đều chỉ đạo xây dựng lộ trình và kế hoạch học tập chi tiết. Kế hoạch học tập được công khai trên trang website của trường và được thể hiện rõ trong Sổ tay sinh viên phát đến tay từng người học từ đầu khóa học [H7.18.04.01]. Cụ thể người học (SV hệ chính quy, SV các hệ liên thông, vừa học vừa làm, học viên sau đại học) tại Trường ĐHSPHN được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về Trường cũng như về CTĐT, cấu trúc, khối lượng kiến thức, chuẩn đầu ra, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, những thông tin cần thiết trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường trên trang web của trường và các tài liệu [H7.18.04.02; H7.18.04.03].

Bắt đầu từ năm học 2017-2018, trường bắt đầu triển khai việc học ngành kép cho các sinh viên hệ chính quy tập trung đang theo học tại trường. Việc này đã tạo điều kiện cho sinh viên có nguyện vọng học ngành đào tạo thứ 2, tăng cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi ra trường [H7.18.04.04].

Trường cũng công khai chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ liên thông giữa các ngành học trong trường, với các trường đại học trong nước khác thể hiện bằng việc bảo lưu điểm cho người học các học phần tương đương khi học văn bằng 2 tại Trường [H7.18.04.05].

Tính liên thông với các CTĐT trên thế giới đã được Nhà trường quan tâm và tìm kiếm các cơ hội. Nhà trường đã ký thỏa thuận đào tạo liên thông với trường Đại học Pusan (Hàn Quốc) với hình thức trao đổi sinh viên giữa hai trường theo hình thức 2+2. Theo thỏa thuận, hàng năm 2 trường thực hiện trao đổi một số sinh viên học tập 2 năm cuối và được 2 trường cùng cấp bằng tốt nghiệp cho các sinh viên đủ điều kiện theo quy định [H7.18.04.06].

Nhà trường cũng đã khảo sát người học tốt nghiệp về việc nắm vững thông tin về lộ trình học tập, những thông tin về ngành/chuyên ngành đào tạo cũng như những thông tin liên quan đến quy chế, mục tiêu, chương trình đào tạo cung cấp đầy đủ, kịp thời đáp ứng yêu cầu của người học [H7.18.04.07].

7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.

Trường không tổ chức các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ cho người học, mà đặt trách nhiệm tổ chức những chương trình này để hỗ trợ sinh viên, học viên trong quá trình học tập tại Trường. Các hoạt động tư vấn về học tập, hướng nghiệp và hỗ trợ cho người học của Trường được các đơn vị chuyên trách như phòng Đào tạo, phòng Công tác chính trị - HSSV, Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nghiệp vụ sư phạm và các khoa đào tạo lên kế hoạch thực hiện trong từng năm học. Điều này được quy định rõ ràng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H7.18.05.01].

Ở mỗi khoa đều có đội ngũ cố vấn học tập [H7.18.03.04]. Các cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn và lên kế hoạch cho sinh viên trong từng học kỳ. Đặc biệt vào đầu mỗi học kỳ, cố vấn học tập sẽ lên kế hoạch học tập và tư vấn cho người học lựa chọn các học phần để đăng ký cho phù hợp.

Phòng Đào tạo cũng cử cán bộ hỗ trợ người học trong việc đăng ký tín chỉ và hủy bỏ các tín chỉ đã đăng ký. Cán bộ này trực liên tục 2 tuần trước khi bắt đầu học kỳ và 1 tuần sau khi bắt đầu kỳ học tại phòng Hỗ trợ đào tạo tín chỉ (P.111- nhà V). Trong cả năm học, các cán bộ phòng Đào tạo cũng như giáo vụ khoa, cố vấn học tập tại các khoa thường xuyên hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên các vấn đề liên quan đến đăng ký tín chỉ, hủy tín chỉ, qui chế đào tạo... giúp cho sinh viên có phương hướng để học tập có hiệu quả.

Ở cấp Trường, tổ chức nhiều hoạt động rèn luyện, trang bị kỹ năng, nghiệp vụ

nhằm trang bị đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Điển hình như tổ chức Tuần rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm diễn ra vào tháng 11 hằng năm (đối với ngành sư phạm), và thi nghiệp vụ (chuyên ngành) đối với những khoa ngoài sư phạm [H7.18.05.02]; Những lớp tập huấn kỹ năng giúp người học trang bị hành trang cần thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc của SV sau khi tốt nghiệp: lớp tập huấn “Kỹ năng thực tập sư phạm và kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp”; lớp tập huấn “Sứ mệnh người thầy”; Tổ chức “Tọa đàm về đổi mới Chương trình và sách giáo khoa phổ thông”; Tập huấn về “Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình” (lớp hướng dẫn lập hồ sơ cá nhân, viết CV; Phối hợp với Viện phát triển giáo dục và trí tuệ Việt tổ chức Talkshow “Xây dựng thương hiệu cá nhân để nhà tuyển dụng tìm kiếm bạn”... [H7.18.05.03].

Ở cấp khoa, mỗi khoa tùy thuộc vào đặc điểm ngành nghề đào tạo đã triển khai xây dựng những hoạt động hỗ trợ khác nhau: từ hướng dẫn lập kế hoạch học tập vào đầu mỗi năm học khi sinh viên nhập trường, khai thác nguồn tài liệu, giáo trình, trợ giúp, tư vấn lựa chọn và đăng ký tín chỉ, tổ chức các ngày hội hỗ trợ tìm kiếm việc làm,... Điển hình như: khoa Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, khoa Công tác Xã hội, khoa Công nghệ thông tin, khoa Ngữ văn.... Khoa Giáo dục Tiểu học trong 4 năm trở lại đây liên tục tổ chức hoạt động hỗ trợ sinh viên hệ sư phạm tìm việc làm thông qua “Ngày hội việc làm”. Khoa đã mời các đơn vị tuyển dụng trực tiếp tham gia ngày hội [H7.18.05.04]. Tại đây các nhà tuyển dụng một mặt sẽ giới thiệu về đơn vị, tổ chức, cơ quan của họ, mặt khác tìm kiếm những ứng viên phù hợp cho các vị trí việc làm họ cần, đồng thời cũng trao đổi về những kỹ năng, những yêu cầu đối với công việc họ cần ở ứng viên. Thông qua hoạt động này, nhiều sinh viên năm cuối của khoa Giáo dục Tiểu học đã tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, nhiều sinh viên các năm khác tự xây dựng được cho mình nhưng kỹ năng cần thiết chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Bên cạnh đó, các cán bộ, giảng viên Nhà trường bằng uy tín và các mối quan hệ cá nhân (với các trường, các đơn vị, cơ quan có nhu cầu tuyển dụng) cũng đã trợ giúp, giới thiệu cho rất nhiều sinh viên tìm được việc làm. Hằng năm Trường đều có hoạt động khảo sát việc làm của sinh viên sau ra trường để đánh giá hiệu quả của các hoạt động đào tạo và hỗ trợ người học [H7.18.05.05].

Nhà trường tổ chức điều tra thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Tổ chức ngày hội việc làm để mở rộng cơ hội xin việc cho sinh viên.

Phần hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học còn thể hiện ở chỗ Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên của Trường liên tục mở các khoá bồi dưỡng với các chuyên đề đa dạng về nội dung phục vụ tất cả cựu người học có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ [H7.18.05.06].

Từ năm học 2018-2019, Nhà trường đã ban hành quy định dành riêng cho đội ngũ cố vấn học tập và có chế độ rõ ràng kèm theo cho đội ngũ này. Trường đã tiến hành tổ chức tập huấn cho các cố vấn học tập các kỹ năng tư vấn, kiến thức về qui trình đào tạo, qui chế đào tạo, giúp cho các cố vấn học tập tư vấn tốt hơn cho sinh viên trong quá trình học tập [H7.18.05.07].

Đặc biệt, sau mỗi khóa học, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học về việc đáp ứng các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ học tập, lựa chọn học phần để giúp đỡ người học kịp thời, sát sao hơn nữa [H7.18.04.07].

b. Điểm mạnh

- Quy trình tuyển sinh, nhập học minh bạch và rõ ràng. Các bước và kết quả tuyển sinh đều được công khai. Quy trình hướng dẫn người học rõ ràng và minh bạch.

- Các kế hoạch đào tạo và chương trình đào tạo triển khai bài bản và đi vào thực hiện quy củ.

- Hệ thống văn bản chi tiết và cụ thể có tính định hướng, tham khảo và dễ dàng tiếp cận.

- Trường có những hướng dẫn đầy đủ về CTĐT, kiểm tra, đánh giá và các qui định trong quy chế đào tạo cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất mới nhập học. Nhờ đó, quá trình đào tạo của Nhà trường có những thuận lợi nhất định, đồng thời có tác động trực tiếp đến nhận thức và hành động của người học, giúp người học chủ động trong quá trình học tập và đạt kết quả học tập cao.

- Năm 2018, nhà trường đã ban hành quy chế dành riêng cho đội ngũ cố vấn học tập, nhà trường cũng tổ chức tập huấn và có chế độ rõ ràng kèm theo cho đội ngũ này.

- Trường ĐHSPHN đã có nhiều hình thức hỗ trợ người học, đặc biệt là hỗ trợ trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn.

c. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tách riêng hệ thống văn bản về các chương trình cụ thể dành cho người học thuộc dân tộc thiểu số, hoặc người học ở các vùng khó khăn.

Nhà trường chưa tiến hành việc lấy phiếu phản hồi từ người học về tiếp nhận các

qui định về quy chế đào tạo.

Công tác tư vấn hướng nghiệp chưa thực sự hiệu quả theo mong muốn của Nhà trường.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại: đào tạo; đồng thời xây dựng hệ thống quy định hoàn thiện trong các bậc, loại hình đào tạo; chú trọng đồng bộ các hoạt động hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt và người học là đối tượng dân tộc thiểu số	Liên tục cập nhật chương trình đào tạo bằng nhiều hình thức, công khai rộng rãi trên các kênh thông tin để người học dễ dàng tiếp cận nhất	BCN các khoa Phòng Đào tạo Ban truyền thông	2019	2020
		Tách riêng và hoàn thiện hệ thống văn bản về các chương trình cụ thể dành cho người học thuộc dân tộc thiểu số, hoặc người học ở các vùng khó khăn	Phòng Đào tạo, Sau đại học	2019	2020
		Tổ chức điều tra toàn diện việc làm sau khi ra trường của sinh viên, giữ mối liên hệ chặt chẽ với sinh viên sau khi tốt nghiệp	Phòng Đào tạo, Sau đại học, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng, BCN các khoa	2019	2020
		Lấy phiếu phản hồi điều đặn trên quy mô lớn với nội dung có liên quan đến công tác tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên sư phạm.	Phòng Đào tạo, Sau đại học, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng, BCN các khoa	2019	2020
2	Phát huy điểm mạnh:	Phát huy công tác tuyên sinh công khai, công bằng	Đoàn TN Hội Sinh viên	2019	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
	tiếp tục công khai, minh bạch các quy trình trong tuyển sinh, xây dựng, nghiên cứu các hình thức hỗ trợ người học hiệu quả trong suốt quá trình học tập	và minh bạch; Mở rộng tư vấn tuyển sinh rộng khắp nhiều vùng miền. Nghiên cứu nhiều mô hình, chương trình, hoạt động hỗ trợ người học hiệu quả hơn nữa trong và sau khi tốt nghiệp	Phòng CTCT-HSSV Phòng Đào tạo		

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 18	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.18.1				4			
Chỉ số 7.18.2				4			
Chỉ số 7.18.3				4			
Chỉ số 7.18.4				4			
Chỉ số 7.18.5				4			
Điểm TB tiêu chí	4.0						

7.19. Tiêu chí 19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập

a. Mô tả

7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

Trên cơ sở quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN [H7.19.01.01], hướng dẫn chi tiết quy trình các khâu tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần. Dựa vào đó các khoa

thực hiện sao cho phù hợp với từng môn học giúp cho việc đáp ứng mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Quy chế này được in trong cuốn Sổ tay sinh viên phát cho từng sinh viên khi mới nhập trường [H7.18.04.01], ngoài ra còn được đăng trên trang website của trường (<http://daotao.hnue.edu.vn/>) để khi cần sinh viên có thể nghiên cứu, tìm hiểu. Đặc biệt, sinh viên năm thứ nhất sẽ được học quy chế đào tạo trong Tuần sinh hoạt Công dân - HSSV triển khai ở tuần đầu tiên sinh viên nhập trường [H7.19.01.02].

Trường đã xây dựng 100% các học phần đều có đề cương chi tiết mô tả rõ hình thức kiểm tra, đánh giá. Mỗi học phần gồm có điểm chuyên cần, điểm kiểm tra và điểm kết thúc học phần. Điểm bộ phận Trường giao cho giảng viên phụ trách học phần đề xuất hình thức kiểm tra và trọng số điểm được Hiệu trưởng phê duyệt và qui định rõ trong đề cương chi tiết [H7.18.04.02]. Các hình thức đánh giá đó phù hợp với từng môn học cũng như đối tượng người học. Đối với hệ đào tạo hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học chủ yếu sử dụng ba hình thức kiểm tra đánh giá: Tự luận (khoảng 70%), trắc nghiệm (khoảng 15%) và vấn đáp (khoảng 15%), có khoảng 5% số môn học sử dụng hai trong ba hình thức trên [H7.18.04.02; H7.19.01.03]. Đối với hệ đào tạo từ xa, áp dụng hình thức thi tự luận có sử dụng tài liệu [H7.19.01.04]. Ngoài ra, có khoảng 10% số môn học được áp dụng hình thức kiểm tra điều kiện dưới dạng bài tập nghiên cứu, tiểu luận hoặc bài tập nghiên cứu theo nhóm. Điều này phản ánh được mức độ tích lũy kiến thức của người học theo các quy chế đào tạo hiện hành, cơ cấu điểm thành phần phù hợp theo qui định được nêu rõ trong các đề cương chi tiết môn học, đồng thời đảm bảo tính chính xác, công bằng, phù hợp với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, với các ngành học như Nghệ thuật, Thể thao thì chưa xây dựng hình thức đánh giá chuyên biệt

Trường có văn bản qui định cụ thể về quy trình thi và kiểm tra chất lượng, các qui định cụ thể về việc học lại, học cải thiện nhằm bảo đảm mọi quyền lợi của người học [H7.19.01.01]. Thanh tra giáo dục thường xuyên giám sát các đợt thi đã góp phần làm cho kiểm tra đánh giá của Trường luôn nghiêm túc, khách quan và vì quyền lợi của người học [H7.19.01.05]. Trường đang triển khai xây dựng mới hệ thống ngân hàng câu hỏi cho tất cả các môn chung của Trường bao gồm cả đề thi tự luận và trắc nghiệm, năm học 2016 - 2017, nhà trường đã bắt đầu sử dụng hệ thống ngân hàng câu

hỏi tự luận này cho 6 học phần môn chung. Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm được sử dụng từ năm học 2017 - 2018 [H7.19.01.03].

Kết thúc mỗi học phần Trường đều triển khai khảo sát phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có các câu hỏi đánh giá về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy trên 75% ý kiến phản hồi đều đánh giá hài lòng và rất hài lòng [H7.19.01.06].

Ngoài ra, Trường còn có hệ thống cố vấn học tập ở các khoa để tư vấn cho người học trong quá trình học tập [H7.18.03.04]. Đội ngũ này được tập huấn, có hệ thống văn bản pháp lý tạo hành lang cho hoạt động hiệu quả. Nhờ đó kết quả học tập của người học được đảm bảo.

7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.

Từ năm 2009, chương trình đào tạo hệ chính quy của Trường ĐHSPTHN được chuyển đổi sang hệ thống tín chỉ. Các học phần trong một chương trình đào tạo của Trường được thiết kế nhằm đáp ứng các yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đó (về phẩm chất, về năng lực,...) [H7.18.04.02]. Sinh viên sau khi tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình (135 tín chỉ, không kể các chứng chỉ về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp, công nhận đạt các yêu cầu về năng lực của chuẩn đầu ra với các xếp hạng cụ thể theo quy định tại Quy chế đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHSPTHN [H7.19.01.01]. Chương trình đào tạo của Trường được thiết kế trong đó các môn về nghiệp vụ sư phạm chiếm tỉ lệ cao: 34/135 tín chỉ [H7.19.02.01]. Trường cũng thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nghiệp vụ sư phạm nhằm giúp sinh viên rèn luyện năng lực sư phạm và đánh giá các năng lực này. Hằng năm Trung tâm đều: Lấy ý kiến thăm dò của giảng viên và sinh viên về việc triển khai chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; Tổng kết công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; Đánh giá, dự kiến sửa đổi định kì chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên để phù hợp với thực tế dạy và học của chương trình đào tạo và chương trình phổ thông [H7.18.05.02; H7.19.02.02]. Trong chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho người học của Trung tâm còn có một học phần chuyên sâu về ứng dụng CNTT và sử dụng thiết bị trong dạy học. Việc

đánh giá năng lực giảng dạy của sinh viên còn được thực hiện bởi các giáo viên phổ thông khi đến trường phổ thông thực tập (năm thứ 3 và năm thứ 4) căn cứ vào các phiếu chấm điểm đánh giá hoạt động giảng dạy và giáo dục của sinh viên trong quá trình thực tập [H7.19.02.03]. Cuối mỗi đợt thực tập sư phạm, trường đều tổ chức tổng kết đánh giá dựa trên các kết quả báo cáo để cải tiến cho các kỳ thực tập sau [H7.19.02.04].

Nhà trường tổ chức thi cấp chứng chỉ CNTT IC3 cho sinh viên nhà trường sau khi học xong kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học.

Đối với các học viên hệ vừa làm vừa học, do người học là các giáo viên đang giảng dạy ở các trường nên trước khi xét tốt nghiệp, các học viên phải hoàn thành bài tập chuyên đề về nghiệp vụ sư phạm (có giáo viên hướng dẫn và đánh giá) [H7.19.02.05].

Nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên chính quy và bậc thạc sĩ, tiến sĩ [H7.19.02.06; H7.19.02.07], tuy nhiên chưa có quy định về chuẩn đầu ra tin học mà chỉ lồng ghép trong các học phần của chương trình đào tạo.

b. Điểm mạnh

Trường đã có Quy định riêng phù hợp với ngành nghề đào tạo trong đánh giá và công nhận kết quả học tập của người học theo phương thức đào tạo theo tín chỉ, đảm bảo chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra.

Nhà trường coi trọng đào tạo và bồi dưỡng năng lực người học, đặc biệt là năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin, đồng thời với đó là việc công nhận các năng lực này phù hợp với kết quả đánh giá..

c. Điểm tồn tại

Công tác cố vấn học tập còn khá mới, cán bộ tư vấn nhiều khi còn chưa nắm chắc qui chế đào tạo nên chưa tư vấn tốt cho sinh viên.

Hệ thống hạ tầng tin học vẫn chưa đáp ứng một cách toàn diện nhu cầu người học, ít nhiều ảnh hưởng tới việc đào tạo năng lực CNTT cho người học.

Hệ thống các môn học tự chọn và hình thức liên thông theo tín chỉ chưa đa dạng.

Việc bồi dưỡng và năng lực giảng dạy đã được chú trọng xong chưa thực sự được thực hiện sát sao, đặc biệt là quá trình thực tập sư phạm.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại:	<p>Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn cho các cố vấn học tập về qui chế đào tạo.</p> <p>Tổ chức khảo sát thực trạng, lấy ý kiến phản hồi về hoạt động của đội ngũ cố vấn học tập;</p>	BCN Các khoa Phòng Đào tạo, Sau đại học, TTBDGDTX	2019	2020
		Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ đào tạo.	Ban Giám hiệu Phòng Kế hoạch – Tài chính Phòng Quản trị Phòng Khoa học Công nghệ Trung tâm CNTT	2019	2020
		Điều chỉnh chương trình đào tạo, quy trình kiểm tra, đánh giá linh hoạt phù hợp với chương trình đào tạo và mục tiêu kiểm tra, đánh giá	Phòng Đào tạo, Sau đại học, TTBDGDTX Ban chủ nhiệm các khoa	2019	2020
2	Phát huy điểm mạnh: đổi mới chương trình đào tạo, đồng thời với đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá, chú trọng đổi mới công tác	<p>Tiếp tục tiến hành xây dựng các chương trình đào tạo mới, và các cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả người học.</p> <p>Xây dựng nội dung đổi mới trong đánh giá năng lực nghề nghiệp.</p>	Phòng đào tạo Các khoa Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm	2019	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
	rèn nghề sư phạm				

e. Tự đánh giá

Tiêu chí 19	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.19.1				4			
Chỉ số 7.19.2				4			
Điểm TB tiêu chí	4.0						

7.20. Tiêu chí 20. Các hoạt động ngoại khóa

a. Mô tả

7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.

Nhà trường có kế hoạch được phê duyệt hằng năm cho các hoạt động thực hành, đi thực tế và các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập cho người học. Trên cơ sở kế hoạch chung của nhà trường [H7.20.01.01], các khoa xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí phù hợp với đặc thù đào tạo của đơn vị. Bản kế hoạch và dự toán này được Ban Giám hiệu phê duyệt [H7.20.01.02] và được các khoa triển khai trong năm học.

Bên cạnh đó, các đơn vị đầu mối bao gồm Phòng Đào tạo, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ sư phạm, Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến nội dung thực hành, đi thực tế, các hoạt động văn hoá, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.

Để hỗ trợ người học nâng cao và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, rèn nghề, Nhà trường coi trọng và tổ chức các hoạt động như: thực hành, đi tham quan thực tế. Hằng năm trường tổ chức nhiều hoạt động đa dạng về hình thức và luôn đổi mới, cập nhật về nội dung.

Hàng năm, Trường tổ chức “Tuần rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm” và “Hội thi Nghiệp vụ Sư phạm cấp Trường” cho toàn thể người học trong trường tham gia (đây là

hai hoạt động ngoại khoá hỗ trợ rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên, không nằm trong chương trình đào tạo). Hoạt động hỗ trợ rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm chú trọng vào các nội dung như: trang bị kiến thức chung về ngành, nghề sư phạm (bản chất và các nội dung hoạt động của nghề, vai trò của nhà giáo trong hoạt động nghề nghiệp, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục,...); chức năng nhiệm vụ và các kỹ năng cơ bản của giáo viên chủ nhiệm lớp; các kỹ năng mềm mà giáo viên cần có [H7.20.01.03]. Bên cạnh đó, trường cũng khuyến khích người học tự rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc mở cửa Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ sư phạm để người học có không gian tự rèn luyện, thực hành nghề nghiệp (tập giảng bài, tập viết bảng, làm việc nhóm,...). Người học chỉ cần truy cập và đăng ký sử dụng là có thể đến thực hành [H7.20.01.04].

Ngoài ra, trường cũng tổ chức các lớp kỹ năng mềm, các buổi tọa đàm, trao đổi, hướng dẫn người học về phương pháp học tập, NCKH để hỗ trợ người học. Tiêu biểu như: Tọa đàm về cách viết và gửi bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành quốc tế; Kỹ năng khai thác tài liệu trong các cơ sở dữ liệu tại các thư viện và thông tin trên internet phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học; Kỹ năng xác định mục tiêu và kỹ năng lập kế hoạch [H7.18.05.03; H7.20.01.05].

Hoạt động đi tham quan, đi thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng học tập cho người học được lãnh đạo Nhà trường quan tâm. Hoạt động này không chỉ được chú trọng ở những khoa có đào tạo thực địa như: Địa lý, Lịch sử, Sinh học, Việt Nam học,... mà còn ở các khoa khác trong trường. Các khoa sẽ căn cứ vào đặc thù đào tạo của chuyên ngành để đưa ra những nội dung đi tham quan, thực tế cụ thể, phù hợp và hỗ trợ tốt nhất cho ngành đào tạo [H7.20.01.02; H7.20.01.06].

Những hoạt động hỗ trợ nêu trên đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Kết quả là hằng năm nhiều sinh viên được khen thưởng trong học tập và rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm [H7.20.01.07; H7.20.01.08].

Bên cạnh những hoạt động tập trung vào phát triển chuyên môn, nghiệp vụ trên đây, Nhà trường cũng triển khai các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao tạo cơ hội để người học rèn luyện, giao lưu, học tập lẫn nhau và phát triển kỹ năng mềm. Lợi thế về cơ sở vật chất (sân vận động, nhà thi đấu, hệ thống các hội trường, các không gian mở trong các giảng đường,...) là điều kiện thuận lợi để trường và các khoa tổ chức các chương trình văn hoá, văn nghệ, thể thao,... cho toàn thể người học. Các

chương trình được tổ chức dưới những hình thức phong phú, nội dung thiết thực nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng học tập.

Trước hết phải kể đến một số nội dung được cung cấp trong Tuần sinh hoạt công dân HSSV như: Học tập Nghị quyết 29/NQ-TW gắn với Nghị quyết của Đảng ủy trường và nhiệm vụ năm học của Nhà trường; Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Trao đổi về tình hình an ninh chính trị, an toàn xã hội; Ứng xử văn hóa trong trường học. Những nội dung này sau đó được lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi trong năm học tiếp theo [H7.20.01.09].

Các chương trình, hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao rộng khắp từ cấp các khoa đến cấp trường, từ các Liên chi đoàn – Liên chi Hội tới Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên trường được thực hiện, tiêu biểu như: Hội diễn văn nghệ nhân dịp kỷ niệm thành lập trường, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày truyền thống Học sinh sinh viên, tháng Thanh niên,...; Hội diễn “Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh và Tuyên truyền ca khúc cách mạng”; Giải bóng đá, bóng chuyền; Giải cờ vua, cờ tướng; Hội thao thanh niên khỏe, Olympic tiếng Anh không chuyên, Thi Tiếng Anh “HNUE English Challenge”; Xuân yêu thương; cuộc thi “Tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”.... [H7.20.01.10].

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo có tính chất giáo dục tốt cũng được khuyến khích người học trong trường tham gia như: hoạt động tình nguyện thường xuyên, hiến máu nhân đạo, dạy học cho trẻ em tại làng trẻ SOS, thăm và tặng quà tại các Trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh nặng và người có công nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh, liệt sĩ hằng năm (27/07) tại một số tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam [H7.20.01.11]

Đặc biệt, Nhiều mô hình CLB sinh hoạt theo nguyện vọng, sở thích của sinh viên được tổ chức đã thu hút được đông đảo thành viên tham gia [H7.20.01.12].

Trong các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đã chú ý đến tăng cường các kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, NCKH,... với kỳ vọng cung cấp kỹ năng của công dân toàn cầu cho người học [H7.20.01.13].

Tất cả các hoạt động kể trên đã hỗ trợ và tạo môi trường để người học rèn luyện và phát triển năng lực bản thân. Điều này được thể hiện thông qua kết quả đánh giá học phần Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm [H7.20.01.14] và kết quả đánh giá trong các

kỳ thực tập sư phạm của sinh viên [H7.20.01.15] và tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp loại xuất sắc, giỏi của Trường khá cao [H7.20.01.16].

Năm 2018 Nhà trường đã ban hành Quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên. Quy định này một mặt để quản lý hoạt động rèn luyện của người học, mặt khác có tác dụng khuyến khích người học tích cực tham gia vào các hoạt động văn hoá, xã hội, thể dục thể thao để phát triển toàn diện năng lực cá nhân [H7.20.01.17]. Do đó, hiệu quả của các hoạt động này thực sự đã đi vào chiều sâu, hỗ trợ tốt cho người học và tác động tích cực tới cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường [H7.20.01.07; H7.20.01.08; H7.20.01.16].

Ngoài đánh giá, tổng kết hoạt động ngoại khóa của các khoa, các phòng ban, Đoàn – Hội và Nhà trường thì hàng năm, lãnh đạo Nhà trường đều tổ chức buổi gặp gỡ và lắng nghe ý kiến từ người học (về các vấn đề liên quan đến học tập, rèn luyện và đời sống) [H7.20.01.18]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và các đơn vị kịp thời có những điều chỉnh, bổ sung, xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm học tiếp theo. Hoạt động này do đó luôn được cải tiến phù hợp với nhiệm vụ năm học và đáp ứng yêu cầu mới của đào tạo. Một số hoạt động có khảo sát mức độ hài lòng của người học [H7.20.01.19] để có những điều chỉnh hợp lý.

7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường.

Nhà trường ủng hộ việc thành lập và duy trì hoạt động của hội cựu sinh viên các khoa thông qua việc hỗ trợ các hoạt động của hội. Theo đó, hầu hết các khoa trong trường đều có Ban liên lạc Cựu sinh viên. Hội cựu sinh viên các khoa đã có những hoạt động đóng góp và hỗ trợ thiết thực cho các khoa và nhà trường: kết nối hỗ trợ việc làm cho sinh viên, tham gia đóng góp vào các hoạt động chuyên môn, hỗ trợ tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.... Các dịp kỉ niệm thành lập khoa, thành lập Trường đều có sự ủng hộ và trợ giúp của ban liên lạc cựu sinh viên các đơn vị. Hiện nay, hoạt động của hội cựu sinh viên các khoa hằng năm vẫn được duy trì: Ngữ văn, Hóa học, Sinh học, Vật lí, Toán - Tin, Tâm lí Giáo dục,... [H7.20.02.01].

Năm 2018, phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên đã lập đề án thành lập Câu lạc bộ Cựu sinh viên trường trình lên Ban Giám hiệu. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có quyết định chính thức về việc này.

b. Điểm mạnh

- Hoạt động hỗ trợ người học được chú ý xây dựng đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức theo hướng tiếp cận những vấn đề của thực tiễn và hướng tới bồi dưỡng những phẩm chất của công dân toàn cầu.

- Các hoạt động ngoại khoá được tổ chức từ cấp khoa tới cấp trường, nhiều hoạt động tổ chức ở cấp lớp học (rèn luyện nghiệp vụ, thi văn nghệ, thể thao) khuyến khích toàn thể người học tham gia.

- Ban hành Quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

c. Điểm tồn tại

- Chưa chính thức thành lập được Ban liên lạc cựu sinh viên của Trường.

d. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Nghiên cứu và đưa vào thực tế những hoạt động có tính chất khuyến khích sự tham gia tích cực của người học, đồng thời phù hợp với sự phát triển ngày càng cao của đời sống văn hoá trong thời đại CNTT và phát triển toàn cầu.	- Thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên trường	Ban Giám hiệu	2019	2020
		- Tiếp tục duy trì các hoạt động ngoại khoá, hướng trọng tâm vào các hoạt động phù hợp với mục tiêu đào tạo và hỗ trợ thiết thực nhất cho người học. - Tổng kết, đánh giá, phân tích các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các nội dung hỗ trợ rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao để xây dựng các chương trình sát hơn với nhu cầu của người học.	Phòng Đào tạo; Trung tâm Nghiệp vụ sư phạm; Phòng CTCT-HSSV; Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường	2019	2022

e. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 20	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.20.1					5		
Chỉ số 7.20.2		2					
Điểm TB của tiêu	3.5						

❖ *Tự đánh giá tiêu chuẩn 7*

Tiêu chuẩn 7	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học							
Chỉ số 7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch				4			
Chỉ số 7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận				4			
Chỉ số 7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài				4			
Chỉ số 7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước				4			
Chỉ số 7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học				4			
Điểm tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập						
Chỉ số 7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra				4		
Chỉ số 7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin				4		
Điểm tiêu chí	4.0					
Tiêu chí 20: Các hoạt động ngoại khóa						
Chỉ số 7.20.1: Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập				5		
Chỉ số 7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường		2				
Điểm tiêu chí	3.5					
Điểm tiêu chuẩn	3.83					
ĐIỂM MỨC NĂNG LỰC	4					

PHẦN 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ số	Mức đánh giá							Điểm tiêu chí	Điểm tiêu chuẩn
			1	2	3	4	5	6	7		
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1	Chỉ số 1.1.1					5			4,5	4,33
		Chỉ số 1.1.2				4					
	Tiêu chí 2	Chỉ số 1.2.1				4				4,3	
		Chỉ số 1.2.2				4					
		Chỉ số 1.2.3					5				
	Tiêu chí 3	Chỉ số 1.3.1				4				4,2	
		Chỉ số 1.3.2					5				
		Chỉ số 1.3.3				4					

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ số	Mức đánh giá							Điểm tiêu chí	Điểm tiêu chuẩn	
			1	2	3	4	5	6	7			
		Chỉ số 1.3.4				4						
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 4	Chỉ số 2.4.1				4					4,0	4,10
		Chỉ số 2.4.2				4						
		Chỉ số 2.4.3				4						
		Chỉ số 2.5.1				4						
	Tiêu chí 5	Chỉ số 2.5.2				4					4,2	
		Chỉ số 2.5.3				4						
		Chỉ số 2.5.4				4						
		Chỉ số 2.5.5					5					
		Chỉ số 2.5.6				4						
Tiêu chuẩn 3	Tiêu chí 6	Chỉ số 3.6.1				4				4,0	4,00	
		Chỉ số 3.6.2				4						
		Chỉ số 3.6.3				4						
		Chỉ số 3.6.4				4						
	Tiêu chí 7	Chỉ số 3.7.1				4				4,0		
		Chỉ số 3.7.2				4						
		Chỉ số 3.7.3				4						
Tiêu chuẩn 4	Tiêu chí 8	Chỉ số 4.8.1				4				4,0	4,00	
		Chỉ số 4.8.2				4						
	Tiêu chí 9	Chỉ số 4.9.1				4				4,0		
		Chỉ số 4.9.2				4						
		Chỉ số 4.9.3				4						
	Tiêu chí 10	Chỉ số 4.10.1				4				4,0		
		Chỉ số 4.10.2				4						
		Chỉ số 4.10.3				4						
		Chỉ số 4.10.4				4						
	Tiêu chí 11	Chỉ số 4.11.1				4				4,0		
		Chỉ số 4.11.2				4						
Tiêu chuẩn 5	Tiêu chí 12	Chỉ số 5.12.1				4				4,0	4,00	
		Chỉ số 5.12.2				4						
	Tiêu chí 13	Chỉ số 5.13.1				4				4,0		
		Chỉ số 5.13.2				4						
		Chỉ số 5.13.3				4						
		Chỉ số 5.13.4				4						
	Tiêu chí 14	Chỉ số 5.14.1				4				4,0		
		Chỉ số 5.14.2				4						
	Tiêu chí 15	Chỉ số 5.15.1				4				4,0		
		Chỉ số 5.15.2				4						
		Chỉ số 5.15.3				4						
Tiêu chuẩn 6	Tiêu chí 16	Chỉ số 6.16.1				4				4,0	4,00	
		Chỉ số 6.16.2				4						
		Chỉ số 6.16.3				4						
		Chỉ số 6.16.4				4						

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ số	Mức đánh giá							Điểm tiêu chí	Điểm tiêu chuẩn
			1	2	3	4	5	6	7		
	<i>Tiêu chí 17</i>	Chỉ số 6.16.5				4				4,0	
		Chỉ số 6.17.1				4					
		Chỉ số 6.17.2				4					
Tiêu chuẩn 7	<i>Tiêu chí 18</i>	Chỉ số 7.18.1				4				4,0	3,83
		Chỉ số 7.18.2				4					
		Chỉ số 7.18.3				4					
		Chỉ số 7.18.4				4					
		Chỉ số 7.18.5				4					
	<i>Tiêu chí 19</i>	Chỉ số 7.19.1				4				4,0	
		Chỉ số 7.19.2				4					
	<i>Tiêu chí 20</i>	Chỉ số 7.20.1					5			3,5	
Chỉ số 7.20.2			2								

PHẦN 4. KẾT LUẬN

Tự đánh giá theo bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm là cơ sở quan trọng để đo lường sự phát triển năng lực của nhà trường một cách toàn diện, đặc biệt là đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường. Trường ĐHSPHN đã tiến hành công tác tự đánh giá một cách nghiêm túc, đúng qui trình, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của nhà trường.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ. Quá trình thực hiện đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn của Ban quản lý Dự án ETEP và chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới. Bộ chỉ số TEIDI có 7 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí và 63 chỉ số. Mỗi tiêu chí gồm 5 nội dung: mô tả, điểm mạnh, điểm hạn chế, kế hoạch hành động, tự đánh giá. Đánh giá thực hiện theo các bước của chu trình PDCA, phản ánh quá trình đánh giá được cải tiến liên tục.

Kết quả tự đánh giá cho thấy đến năm 2019, các tiêu chuẩn đạt từ 3,83 đến 4,33 điểm, thuộc năng lực 3 đến 4 nêu ra trong Bộ tiêu chuẩn Tự đánh giá theo bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm. Nhà Trường đã thấy được những điểm mạnh, những tồn tại trong từng lĩnh vực công tác. Trên cơ sở đó nhà trường lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH. Kết quả tự đánh giá giúp nhà trường thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong sứ mạng đã tuyên bố, phấn đấu xây dựng một môi trường đại học năng động, sáng tạo, tự chủ, hướng đến hội nhập vào môi trường GDĐH của khu vực và quốc tế. Trường ĐHSPHN không ngừng phát triển để xứng đáng với thương hiệu là trường sư phạm trọng điểm quốc gia. Truyền thống gần 70 năm “Mô phạm - Sáng tạo - Công hiến” của Nhà trường sẽ tiếp tục được phát huy, góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước Việt Nam giàu đẹp.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

Số: 6166/QĐ-ĐHSPHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 3 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá cấp trường
theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSPHN

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường ĐHSPHN);

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-ĐHSPHN ngày 13/04/2017 về việc thành lập Ban Quản lý Chương trình ETEP của Trường ĐHSPHN;

Căn cứ Quyết định số 4284/QĐ-ĐHSPHN ngày 20/06/2017 về việc thành lập Văn phòng ETEP của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Chương trình ETEP-HNUE và Chánh văn phòng ETEP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá cấp trường theo TEIDI của Trường ĐHSPHN (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá và xây dựng báo cáo tự đánh giá cấp Trường theo TEIDI.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức - Cán bộ, Trưởng Ban Quản lý Chương trình ETEP - HNUE, Chánh văn phòng ETEP, các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP. ETEP.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

GS.TS. Nguyễn Văn Minh

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CẤP TRƯỜNG
THEO TEIDI CỦA TRƯỜNG ĐHSHPN**

(Kèm theo Quyết định số 6166/QĐ-ĐHSHPN, ngày 3 tháng 8 năm 2017)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	GS.TS. Nguyễn Văn Minh	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	GS.TS. Đỗ Việt Hùng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Trào	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
4	PGS.TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền	Trưởng khoa Quản lý Giáo dục	Tổng thư ký
5	TS. Trịnh Tuấn Anh	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
6	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiền	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên
7	ThS. Nguyễn Nhật Tân	Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh sinh viên	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Thị Minh Hương	Phó trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Ủy viên
9	PGS.TS. Đặng Ngọc Quang	Phó trưởng khoa Hóa học	Ủy viên
10	PGS.TS. Lã Thị Bắc Lý	Trưởng khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
11	TS. Trần Quang Vinh	Phó trưởng khoa Toán - Tin	Ủy viên
12	PGS.TS. Trần Văn Toàn	Phó trưởng khoa Ngữ văn	Ủy viên
13	TS. Đỗ Văn Thanh	Trưởng khoa Địa lí	Ủy viên
14	TS. Trần Thị Thanh Huyền	Phó trưởng khoa Sinh học	Ủy viên
15	PGS.TS. Nguyễn Công Khanh	Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Giáo dục và Khảo thí	Ủy viên
16	TS. Nguyễn Thị Hạnh	Giảng viên khoa Lịch sử	Ủy viên
17	TS. Trương Duy Hải	Giảng viên khoa Vật lí	Ủy viên

(Danh sách này gồm 17 người)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban thư ký hội đồng tự đánh giá cấp trường theo TEIDI

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSHPN

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường ĐHSHPN);

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số: 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 8929/QĐ-ĐHSPHN ngày 12/11/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHSHPN về việc kiện toàn nhân sự các nhóm công tác chuyên trách triển khai Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI);

Căn cứ và tính chất và nhu cầu công việc của Chương trình ETEP;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Chương trình ETEP và Chánh văn phòng ETEP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá cấp trường theo TEIDI với các thành viên sau (danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu từ các nhóm công tác chuyên trách triển khai tự đánh giá cấp Trường và thực hiện các nhiệm vụ liên quan do Hội đồng tự đánh giá cấp Trường theo TEIDI giao.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính Đối ngoại, Kế hoạch Tài chính, Tổ chức Cán bộ, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng, Trưởng Ban Quản lý Chương trình ETEP, Chánh văn phòng ETEP, các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP. ETEP.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

GS.TS. Nguyễn Văn Minh

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CẤP TRƯỜNG THEO TEIDI**

(Kèm theo Quyết định số 4628/QĐ-ĐHSPHN, ngày 22/07/2019)

TT	Họ tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Dương Giáng Thiên Hương	Phó giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng	Trưởng ban thư ký
2	Ths. Nguyễn Vinh Quang	Phó giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng	Thành viên
3	ThS. Trần Minh Hào	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng	Thành viên
4	CN. Nguyễn Nam Hưng	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng	Thành viên
5	ThS. Dương Thị Tuyết Nhung	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng	Thành viên

(Danh sách gồm 05 người)

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kiện toàn nhân sự các nhóm công tác chuyên trách triển khai
Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSPHN

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường ĐHSPHN);

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số: 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ và tính chất và nhu cầu công việc của Chương trình ETEP;

Xét đề nghị của Trường ban Quản lý Chương trình ETEP và Chánh văn phòng ETEP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn nhân sự Tiểu ban đánh giá TEIDI thuộc Chương trình ETEP - Trường ĐHSPHN bao gồm các thành viên sau (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tiểu ban đánh giá TEIDI chịu trách nhiệm xây dựng sổ tay tự đánh giá theo TEIDI cho Trường ĐHSPHN; tư vấn các đơn vị, bộ phận trong quá trình tự đánh giá theo TEIDI; hỗ trợ các đơn vị, bộ phận nếu có yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 6168/QĐ-ĐHSPHN ngày 03/08/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN về việc thành lập các nhóm công tác chuyên trách triển khai Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI), Quyết định số 6381/QĐ-ĐHSPHN ngày 14/08/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN về việc bổ sung thành viên cho các nhóm công tác chuyên trách triển khai Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI) và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính Đối ngoại, Kế hoạch Tài chính, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Trưởng khoa Quản lý Giáo dục, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Giáo dục và Khảo thí, Giám đốc Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng thường xuyên, Trưởng Ban Quản lý Chương trình ETEP, Chánh văn phòng ETEP, các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VP. ETEP.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

GS.TS. Nguyễn Văn Minh

**DANH SÁCH NHÂN SỰ CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH TRIỂN
KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ CẤP TRƯỜNG THEO BỘ CHỈ SỐ
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG SỰ PHẠM (TEIDI)**

(Kèm theo Quyết định số 8929/QĐ-ĐHSPHN, ngày 12/11/2018)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vai trò	Tiêu chí phụ trách	Nhóm
1	ThS. Nguyễn Nhật Tân	Trưởng phòng Hành chính Đối ngoại	Trưởng nhóm	Chung, phần mở đầu	Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1
2	TS. Hồ Công Lưu	Phó trưởng phòng Hành chính Đối ngoại	Thành viên	Tiêu chí 1 – Tầm nhìn chiến lược	
3	TS. Cao Tuấn Anh	Trưởng ban Ký túc xá	Thành viên	Tiêu chí 2 – Quản lý	
4	ThS. Nguyễn Vinh Quang	Phó giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng giáo dục và Khảo thí	Thư ký	Tiêu chí 3 – Đảm bảo chất lượng	
5	TS. Trịnh Tuấn Anh	Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm	Chung	Nhóm 2: Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3
6	ThS. Chu Văn Chiến	Phòng Đào tạo	Thành viên	Tiêu chí 4 – Phát triển Chương trình	
7	ThS. Nguyễn Hoàng Long	Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng Thường xuyên	Thành viên	Tiêu chí 5- Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện	
8	ThS. Đỗ Thị Phan Thu	Phòng Khoa học Công nghệ	Thành viên	Tiêu chí 6 – Chính sách về nghiên cứu PT và đổi mới Tiêu chí 7 – Hỗ trợ nghiên cứu PT và đổi mới	
9	ThS. Trần Minh Hào	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng giáo dục và Khảo thí	Thư ký		
10	TS. Vương Huy Thọ	Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng Thường xuyên	Trưởng nhóm	Tiêu chí 8 - Hợp tác vùng/địa phương	Nhóm 3: Tiêu chuẩn 4
11	TS. Đỗ Thị Kim Cương	Phó trưởng phòng Hành chính Đối ngoại	Thành viên	Tiêu chí 9 – Hợp tác quốc tế	
12	TS. Trần Bá Trình	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát	Thành viên	Tiêu chí 10 – Hợp tác với các	

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vai trò	Tiêu chí phụ trách	Nhóm
		triển Nghiệp vụ Sư phạm		tổ chức	
13	ThS. Nguyễn Duy Hải	Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin	Thành viên	Tiêu chí 11- Thông tin truyền thông	
14	ThS. Trần Minh Hào	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng giáo dục và Khảo thí	Thư ký		
15	ThS. Bùi Đức Nam	Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Trưởng nhóm	Chung	
16	KTS. Đinh Quang Huy	Phó trưởng phòng Quản trị	Thành viên	Tiêu chí 12- Môi trường sư phạm	Nhóm 4: Tiêu chuẩn 5
17	ThS. Vũ Văn Thường	Phó giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thư ký	Tiêu chí 13- Tài nguyên dạy và học	
18	ThS. Đinh Duy Danh	Phòng Kế hoạch Tài chính	Thành viên	Tiêu chí 14- Nguồn Tài chính	
19	ThS. Hoàng Thu Huyền	Phó trưởng phòng Tổ chức Cán bộ	Thành viên	Tiêu chí 15- Nguồn nhân lực	
20	PGS.TS. Phan Thanh Long	Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ	Trưởng nhóm	Chung	
21	ThS. Trịnh Phương Anh	Phòng Tổ chức Cán bộ	Thành viên	Tiêu chí 16 - Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên Tiêu chí 17 - Đánh giá và công nhận giảng viên	Nhóm 5: Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7
22	ThS. Bùi Thị Hoàng Giang	Phòng Đào tạo	Thành viên	Tiêu chí 18 - Tuyển sinh và hỗ trợ người học Tiêu chí 19 - 11 Đánh giá và công nhận KQHT	
23	ThS. Nguyễn Thu Hạnh	Phó trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên	Thành viên	Tiêu chí 20 – Công tác hỗ trợ sinh viên	
24	TS. Vũ Thị Mai Hường	Khoa Quản lý Giáo dục	Thư ký		

(Danh sách gồm 24 người)

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nhân sự nhóm công tác chuyên trách triển khai
Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSPHN

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường ĐHSPHN);

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số: 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 8929/QĐ-ĐHSPHN ngày 12/11/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN về việc kiện toàn nhân sự các nhóm công tác chuyên trách triển khai Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI);

Căn cứ và tính chất và nhu cầu công việc của Chương trình ETEP;

Xét đề nghị của Trường ban Quản lý Chương trình ETEP và Chánh văn phòng ETEP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nhân sự nhóm công tác chuyên trách triển khai Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI) được thành lập theo Quyết định số 8929/QĐ-ĐHSPHN ngày 12/11/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN, cụ thể:

1. TS. Vũ Thị Mai Hương, Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ Sư phạm thay thế TS. Trần Bá Trình làm thành viên phụ trách Tiêu chí 10: “Hợp tác với các tổ chức khác” thuộc nhóm 3.
2. CN. Nguyễn Nam Hưng, Trung tâm Đảm bảo Chất lượng thay thế ThS. Vũ Văn Thường làm thư ký phụ trách Tiêu chí 13: “Tài nguyên dạy và học” thuộc nhóm 4.
3. ThS. Dương Thị Tuyết Nhung, Trung tâm Đảm bảo Chất lượng thay thế TS. Vũ Thị Mai Hương làm thư ký nhóm 5.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính Đối ngoại, Quản trị, Kế hoạch Tài chính, Tổ chức Cán bộ, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng, Trưởng Ban Quản lý Chương trình ETEP, Chánh văn phòng ETEP, các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VP. ETEP.

HIỆU TRƯỞNG

(*đã ký*)

GS.TS. Nguyễn Văn Minh

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nhân sự nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá cấp Trường
theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSPHN

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường ĐHSPHN);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 8929/QĐ-ĐHSPHN ngày 12/11/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN về việc kiện toàn nhân sự các nhóm công tác chuyên trách triển khai Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI);

Xét đề nghị của Trường ban Quản lý Chương trình ETEP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nhân sự nhóm công tác chuyên trách triển khai Tự đánh giá cấp Trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI) được thành lập theo Quyết định số 8929/QĐ-ĐHSPHN ngày 12/11/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN, cụ thể: ThS. Nguyễn Thị Thu Hương - Chuyên viên chính Phòng Tổ chức Cán bộ thay thế ThS. Trịnh Phương Anh - Chuyên viên Phòng Tổ chức Cán bộ phụ trách Tiêu chí 16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên và Tiêu chí 17: Đánh giá và công nhận giảng viên trong nhóm 5.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Đối ngoại, Tổ chức Cán bộ, Trường Ban Quản lý Chương trình ETEP, Chánh văn phòng ETEP, các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VP. ETEP.

HIỆU TRƯỞNG

(*đã ký*)

GS.TS. Nguyễn Văn Minh